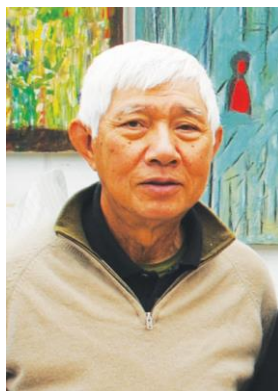


Tác Giả và Tác Phẩm

Những nhà văn dòng họ Nguyễn Tường (I)



Nguyễn Tường Giang

Mục Lục

Dòng họ Nguyễn Tường – 2
Tường Hùng - Người chú – 3
Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng - Nguyễn Tường Giang – 8
Papa tòa báo – Trần Khánh Triệu - 11
Thế Uyên, thái độ và những kỷ niệm rời - Nguyễn Tường Giang – 18

Phụ đính :

Văn chương Nguyễn Tường Giang: Trầm tích định mệnh khác – Du Tử Lê - 24
Rải theo gió – Nguyễn Tường Thiết – 26
Biển trầm – Nguyễn Tường Giang – 31
Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách – Nguyễn Lâm – 34
Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi - Nguyễn Tường Giang - 36
Dấu xưa – Nguyễn Tường Giang - 39
“Khói Hồ Bay,” định mệnh khác của Nguyễn Tường Giang
Cái ấm đất, bộ chén trà Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam - Nguyễn Tường Giang

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Dòng họ Nguyễn Tường Thế Kỷ 21

Bà Nguyễn Thị Thế, chị ruột Thạch Lam, viết trong bài Người Em Thứ Sáu:

"Cha mẹ tôi định cư tại huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải-dương. Gia đình tôi gồm bảy anh em, tôi là thứ năm và mình tôi là gái. Khi tôi tới tuổi hiểu biết, các anh trai lớn chia nhau đi học xa. Anh cả tôi học trường Bưởi ở Hà-nội, anh thứ ba, thứ tư học ở Hải-dương. Chỉ còn có tôi và hai em trai bé là học ở trường huyện. Người em út quá ít tuổi nên tôi thân với người em kế tiếp nhất, người em thứ sáu trong gia đình, kể sau này trở thành nhà văn Thạch-Lam.

Thầy tôi chết sớm, mẹ tôi quanh năm buôn gạo khắp nơi xa ít khi ở nhà nên mọi công việc gia đình đều do bà nội rất hiền và rất thương các cháu lo liệu. Mỗi lần bà đi chơi đâu vài ngày là mấy chị em tôi hết sức mong đợi vì khi trở về, bà tôi mang theo hàng thúng quà, không những phân phát cho các cháu nội ngoại mà còn cho cả trẻ con hàng xóm. Nhưng thời kỳ tôi mong ngóng nhất là kỳ nghỉ hè vì lúc đó các anh tôi, người Hà-nội kẻ Hải-dương đều trở về quê. Ngày bãi trường, hai chị em tôi dắt nhau ra ga từ sáng sớm. Đoàn tàu còn xa đã thấy anh hai đứng cửa toa bên rương quần áo. Bao giờ tôi và Vinh cũng bỏ ngõ và hơi sợ hãi lúc đầu vì sau một niên học, các anh thường lớn lên nhiều và có vẻ nghiêm trang như người lớn.

(Vinh là tên thật của Thạch-Lam hồi bé vì thầy mẹ tôi đặt tên các con theo một vế câu đối: *Thụy Cẩm Tam Long Vinh Bách Thế*. Tôi thứ năm nhưng mang tên Thế cho có vẻ con gái, do đó Thạch Lam thứ sáu mang tên Vinh. Mãi sau này, vì làm khai sinh lại để tăng tuổi đi thi nhẩy, Thạch Lam mới đổi tên là Lân và giữ tên này cho tới khi chết)". Thạch Lam chết sớm vì bệnh lao, để lại ba con.

Người con đầu là gái tên Dung sau lấy trung tướng Ngô Quang Trưởng, người con trai thứ nhất là Nguyễn Tường Đăng học Luật sau trở thành chuyên viên hành chánh tài chánh, người em trai út là nhà thơ bác sĩ Nguyễn Tường Giang

Trong quyển *Hồi ký gia đình Nguyễn Tường* của bà Nguyễn Thị Thế ấn hành năm 1974 ở Sài Gòn, kể lại như sau:

"Thứ tự gia đình tôi theo đúng tuổi là anh cả Nguyễn Tường Thụy sau này làm Tổng giám đốc bưu điện, sinh năm Quý Mão (1903),

Anh hai Nguyễn Tường Cẩm, Kỹ sư canh nông, Giám đốc báo Ngày Nay, sinh năm Giáp Thìn (1904),

Anh ba Nguyễn Tường Tam, Nhất Linh, sinh năm Bính Ngọ (1906),

Anh tư Nguyễn Tường Long- Hoàng Đạo sinh năm Đinh Mùi (1907),

Tôi Nguyễn Thị Thế, thứ năm, sinh năm Kỷ Dậu (1909),

Em sáu Nguyễn Tường Vinh (Lân), Thạch Lam sinh năm Canh Tuất (1910),

Em bảy Nguyễn Tường Bách, Bác sĩ, sinh năm Bính Thìn (1916)".

Đời thứ 5 họ Nguyễn Tường là các con của bảy anh chị em Nhất Linh. Họ được sinh ra trên miền Bắc, sau này vào miền Nam sinh sống, nhiều người cũng theo nghiệp chú bác làm văn chương, như :

Tường Hùng (con trai Nguyễn Tường Thụy, gọi Nhất Linh là chú ruột), Nguyễn Tường Thiết (con Nhất Linh), Nguyễn Lân (con Hoàng Đạo), Trần Khánh Triệu (con trai Nhất Linh, làm con nuôi Khải Hưng), Nguyễn Tường Giang (con trai Thạch Lam)...

Người chú Tường Hùng

Con trai Nguyễn Tường Thụy.
Sinh ngày 4.9.1931 tại Hà Nội. Hiện ở Ý.

Roma yên lành, yêu đời, có trời xanh ngắt, đường phố thái bình, mọi người hình như chỉ vội vàng vui vẻ sống để hưởng hết cái đẹp của tỉnh đẹp này.

Buổi sáng hôm đó một người bạn tôi gọi dây nói và báo tin Nhất Linh mất. Tụ tử. Tin đến dữ dội như sét đánh, rồi bỗng biến đi, yên lặng. Tôi vội vã đi xuống đường, lẫn vào đám đông, và trong cái tiếng xa lạ và quen thuộc này tôi dần dần thấy Nhất Linh.

Sau khi chính quyền Pháp bị lật đổ, Nhất Linh – Nguyễn Tường Tam thì đúng hơn – trở về Hà Nội. Ông tới nhà chúng tôi. Rất hiền ngang, to lớn, mặc áo da phi công, chân đi giày ống, trên mép có hàm râu đen nhánh. Con người cách mạng, cương quyết, sau bao năm tranh đấu, trở về mang theo tất cả sự quỵn rũ của cuộc đời hùng mạnh, như Dũng trong truyện *Loan và Dũng*.

Tôi còn nhớ đôi mắt nhìn thẳng dưới đôi lông mày rậm (điểm đặc biệt của gia đình chúng tôi), nụ cười rộng lượng phô hàm răng trắng, đều.

Rồi bao nhiêu biến đổi, Việt Minh cướp chính quyền. Tàn cư. Loạn lạc. Khi tôi vào Sài Gòn tôi lại gặp Nhất Linh.

Đối với tôi, Nhất Linh bé nhỏ hẳn đi, tóc đã muối tiêu, đi đứng nhẹ nhàng, như một nhà ẩn dật, và giống một văn sĩ. Nhưng vẫn nụ cười ngày xưa rộng lượng và tha thứ tất cả mọi sự.

Có đôi mắt Nhất Linh làm tôi ngạc nhiên: đôi mắt trở thành màu xám đục. Cũng như mắt của bà tôi khi trở về già, đôi mắt không đen.

Và việc hoạt động cho văn nghệ bắt đầu. Nhất Linh vẫn thường nói văn hoá có sức mạnh thay đổi lâu bền hơn chính trị. Làm chính trị có ích trong một thời, làm văn hoá – nếu thành công – sẽ còn lại mãi mãi. Điểm này cũng giống như câu châm ngôn của báo *Văn hoá ngày nay*: “Văn chương vượt không gian và thời gian”.

Nhất Linh có sức làm việc phi thường. Làm việc cả ngày không mệt. Những hôm bận việc Nhất Linh chỉ ngủ hai ba tiếng đồng hồ. Khi làm báo có khi hàng tuần Nhất Linh làm việc như vậy. Vì đã tìm ra triết lý tuyệt hảo, Nhất Linh đã áp dụng triết lý này vào tất cả mọi việc trong đời Nhất Linh. Khi làm gì thì làm với tất cả tâm hồn, làm cho tới mức tuyệt hảo. Và Nhất Linh nói tới chuyện rửa bát ở bên Tàu. Nếu ta rửa bát một cách qua loa cho xong việc thì ta ngại rửa bát, nhưng nếu ta coi việc đó như một nghệ thuật cần phải làm tới cùng thì việc rửa bát tự nhiên trở nên hứng thú. Cuộc đời Nhất Linh hứng thú vì Nhất Linh sống cuộc đời của mình đến tận cùng.

Khi còn ở Nguyễn Bình Khiêm, trong căn nhà có vườn cỏ xanh bao bọc, phòng tôi ở ngay cạnh phòng của Nhất Linh. Nhiều đêm tỉnh giấc vào quãng ba bốn giờ sáng, tôi thấy bên phòng Nhất Linh còn đèn sáng. Tôi sang thăm và cảnh làm việc làm tôi sợ hãi.

Trong căn phòng đầy sách vở, giấy tờ, Nhất Linh cặm cụi soạn bài, sửa bài, vẽ, một mình làm

gần hết tờ báo. Trong phòng khói thuốc trừ muỗi bay mờ mịt. Trên trần cái quạt quay nhanh, không khí lạnh lạnh làm tôi rùng mình nghĩ đến sức khỏe của Nhất Linh.

“Chú không ngủ, nhớ ốm thì ai làm *Văn hoá ngày nay*?”

Tay run run châm điều thuốc, Nhất Linh nhìn tôi, mỉm cười:

“Cháu đang còn sức trai, cần phải ngủ nhiều.”

Những điểm gì đã làm Nhất Linh trội hơn nhiều người trong những phạm vi ông hoạt động? Tôi cho rằng đó là sự ham mê, hay nói một cách khác đi, triết lý tuyệt hảo. Ông có tài lôi cuốn nhiều người vào công việc làm của ông vì thế. Ngày xưa khi ông ở Hưng Yên, ông đã làm cả tỉnh hăng hái tập thể thao. Khi ở trên Đà Lạt, tôi thấy nhiều người chơi hoa lan theo Nhất Linh. Đó chỉ là một vài việc nhỏ, để chứng tỏ sức lôi cuốn đám đông của ông. Còn những việc to lớn hơn mà tôi không nói đến như chính trị văn hoá. Trong tất cả các hoạt động này Nhất Linh không kém ai, vì ông đã làm với tất cả tâm hồn của ông.

Và thêm vào đó – một điều rất quan trọng: Nhất Linh có một khối óc phi thường, luôn luôn có những ý kiến mạnh mẽ. Ông nhìn rất xa, bao trùm cả vấn đề, rồi giản dị hoá tất cả. Có thể nói Nhất Linh là một tâm hồn phức tạp – một người ưa hoạt động và thực tế.

Ông thường nói ông bị giằng xé nhiều năm bởi hai khuynh hướng đó. Ông đã hoạt động về xã hội làm nhà Ánh Sáng, về chính trị chống Pháp, chống cộng sản. Ông đã trở về tu tiên ở Đà Lạt để chỉ sáng tác văn nghệ. Việc mà đã điều hoà được cả hai khuynh hướng, đó làm báo làm báo. Và Nhất Linh đã làm những tờ báo nổi tiếng: *Phong hoá*, *Ngày nay*.

Trong các tiểu thuyết của Nhất Linh, người ta cũng thấy sự hiện diện của hai sức mạnh đó. Ngày trước, thời của các cuốn *Đôi bạn*, *Đoạn tuyệt*, tiểu thuyết của Nhất Linh là một phương tiện tranh đấu. Nghệ thuật chỉ đứng sau, nhưng cũng rất rõ rệt, đủ để chứng tỏ ông là một văn sĩ có tài. Và dần dần nghệ thuật trở nên quan trọng, trong *Bướm trắng* chẳng hạn.

Trong các tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh như *Xóm cầu Mối*, *Cô Mùi*, thì Nhất Linh trở nên hoàn toàn văn sĩ.

Nguyễn Du nói tạo hoá ghen ghét những người tài hoa. Nhưng làm gì có tạo hoá theo nghĩa của Nguyễn Du! Những người tài hoa đã tự lựa chọn cuộc đời của họ. Và vì nhân cách không giống tất cả mọi người, họ thường phải đối chọi với xã hội và chết một cách khác thường, nhiều khi vô lý. Tại sao Hemingway nhét khẩu súng vào mồm, bắn nổ tung óc, để tự tử? Tôi không bao giờ nghĩ rằng Nhất Linh tự tử, tự tử một cách giản dị như bước đi một bước, một bước sang thế giới bên kia. Giản dị và tự nhiên như câu thơ của Nhất Linh nhẹ nhàng: “Hạt muối tan trong bát nước lã”. Tôi chưa bao giờ được nghe Nhất Linh nói đến sự chết. Đôi khi Nhất Linh nói đến triết lý, một thứ triết lý thấm nhuần sự bình thản của đạo Phật, sự hoà hợp với thiên nhiên của đạo Lão. Nhất Linh viết về sự chết, để tả cái gì xảy ra sau khi chết: người ta sẽ “phiêu diêu” trong sự sung sướng, thân thể sẽ tan đi mất như trong một giấc mơ. Nhưng Nhất Linh tự tử!

Có lẽ người ta rất sung sướng khi được biết sự bí mật cuối cùng cuộc đời dành cho ta: SỰ CHẾT.

Ở Đà Lạt Nhất Linh thường ngâm câu thơ:

*Người đi lâu chưa thấy về
Nhớ người lòng suối Đa-mê gợn buồn.*

Tôi vẫn thường tự hỏi có phải Nhất Linh nhớ dòng suối Đa-mê thực hay không. Trời Đà Lạt lạnh, lòng suối trong suốt, nước cũng lạnh buốt nằm trơ giữa cỏ cây, cô đơn trong rừng núi, nếu thực suối có nhớ ai thì suối có khung cảnh âm đạm, nỗi buồn của suối sẽ thấm thía. Bấy giờ trở lại nơi cũ, cạnh dòng suối, người ta tìm hình bóng Nhất Linh trong chiếc võng treo giữa hai cái cây. Lan rừng vẫn tung hương cho gió, như những câu văn của Nhất Linh vẫn còn nằm trên giấy, vẫn nói bằng giọng nói của Nhất Linh. Tôi không khỏi xao xuyến khi giờ tập truyện của Nhất Linh ra đọc. Hình như người vẫn còn lần quất đầu đây, gầy gò, thanh đạm chơi lan, cặm cụi viết văn và đôi khi mỉm cười rộng lượng tha thứ tất cả.

Nhất Linh đã mất nhưng tâm hồn của Nhất Linh còn mãi mãi. Và khi đọc cuốn trường thiên tiểu thuyết *Xóm cầu Mối*, người ta sẽ thấy, qua cảnh khốn khổ nhưng hài hước của một đám dân trong xóm nhỏ, người ta sẽ thấy Nhất Linh mỉm cười. Phải giấu lòng yêu nhân loại mới có nụ cười đó.

Một vài nét về chân dung Nhất Linh

Con người

Ít khi tôi gặp một người bình dân như Nhất Linh. Dù ông nói chuyện với một văn sĩ trứ danh, một anh bán phở, một lãnh tụ chính trị hay một cậu bé con, ông vẫn giữ thái độ giản dị, hoà nhã.

Hồi còn báo *Văn hoá ngày nay*, Nhất Linh bàn cãi với Duy Lam và tôi – chúng tôi rất trẻ tuổi – coi chúng tôi ngang hàng. Trong những buổi họp ở Trung tâm Bút Việt, Nhất Linh bảo tôi gọi ông bằng “anh”, bởi vì theo Nhất Linh cùng là văn sĩ thì không còn coi nhau như chú cháu nữa. Khi đi đến nhà báo hay đến nhà in, Nhất Linh thường ngồi đằng sau cái xe Lambretta của tôi. Ông không thích xe hơi, không thích lái.

Nhưng Nhất Linh rất ghét xã giao, ghét lạc vào một phòng khách nói những chuyện thù tiếp. Trong những bữa tiệc đông người, Nhất Linh thường chỉ yên lặng cười và uống rượu.

Bề ngoài Nhất Linh tuy rất bình thản, hoà nhã, nhưng bên trong – theo lời Nhất Linh – thì nhiều lúc chứa những bão táp ghê gớm, những tư tưởng mà chính Nhất Linh cũng không ngờ tại sao ông lại có. Có lẽ vì có một tâm hồn dễ xúc động quá mực thường nên đôi khi Nhất Linh nổi giận một cách khác thường.

Dễ xúc động cũng tùy lúc. Có lần Nhất Linh tự dưng ôm mặt khóc, vô cớ, như để thoả mãn một nỗi ám ức không tên. Nhưng ở hội nghị Pháp - Việt tại Đà Lạt, khi Pháp ra những điều kiện gắt gao để bắt chẹt Việt Nam, khi hội nghị tan vỡ và viễn tượng chiến tranh hiện rõ, Nhất Linh đã nhỏ những giọt nước mắt yêu nước.

Một buổi trưa sau bữa cơm, hồi Nguyễn Tường Tam còn uống rượu, Nhất Linh đã trở vào buồng nằm, cửa đóng. Lúc đó thì một bà mà chúng tôi vẫn gọi là cô vì thân với gia đình, đến chơi. Bà tính ồn ào, vui vẻ, lúc nào cũng cười nói. Sau khi tán chuyện với chúng tôi, bà hỏi:

“Anh Tam đâu rồi? Chắc lại vào buồng nằm.”

Nói rồi bà vào phòng Nhất Linh, không gõ cửa như lệ thường ở nước mình, đẩy cửa vào.

Một lúc sau chúng tôi nghe thấy tiếng quát tháo của Nhất Linh rồi tiếng chai bị ném vỡ trên sàn nhà.

Nhất Linh nổi giận vì cô chúng tôi vào không gõ cửa! Mọi khi vào phòng Nhất Linh có bao giờ chúng tôi gõ cửa đâu!

Nhưng Nhất Linh quên giận rất nhanh chóng.

Hờn dỗi là một tính cố hữu của một vài người trong họ chúng tôi. Tôi còn nhớ hồi nhỏ chơi đùa với Duy Lam, nếu lỡ làm Duy Lam giận thì chúng tôi lại mất công dỗ Duy Lam cả ngày. Nhất Linh tuy không tỏ ra hờn dỗi ai, nhưng trong truyện của Nhất Linh các nhân vật hay hờn dỗi nhau. Họ thường hờn dỗi nhau vì họ yêu nhau. Có bao nhiêu xen Trương dỗi Thu, Thu dỗi Trương trong truyện *Bướm trắng*. Ngay trong cuốn *Xóm Cầu Mới* (chưa in) có nhiều đoạn Mùi dỗi ông anh họ Siêu, rớm máu trên da và để lòng nhẹ đi. Ngay cả Triết, em Mùi, cũng dỗi Mùi. Chắc Nhất Linh cũng cảm thấy tình cảm đó một cách thấm thía nên mới hay nhắc lại trong truyện của ông.

Làm việc

William Faulkner đã nói về người viết văn: “Văn sĩ có tài cần phải có 90% tài, 90% kỷ luật và 90% làm việc... Không bao giờ hoàn toàn hài lòng về cái mình viết vì lúc nào mình cũng có thể viết hơn được. Bao giờ cũng nhìn lên cao. Không để ý đến phải hơn các văn sĩ khác cùng thời hay các văn sĩ ngày xưa, chỉ cần phải hơn mình là đủ. Một nghệ sĩ là một nhân vật bị lôi cuốn bởi một con quỷ...” – tôi thấy câu này thực hợp với Nhất Linh khi ông làm việc.

Một hôm trời đẹp Nhất Linh tươi cười đưa cho tôi một chồng bản thảo cuốn truyện dài *Xóm Cầu Mới*. Những trang giấy trắng không kẻ hàng đóng thành từng tập dày, bìa đen, chứa đầy những dòng chữ nhỏ li ti, viết bằng mực xanh lá cây, xanh da trời, những chữ bị cắt thành từng gạch nhỏ, như ai đã cầm kéo cắt vụn và trải trên giấy, như đã bị những tư tưởng dồn dập và xao động đã đập tan, kéo dài thành những con đường chứa các hình ảnh, những bản thảo muốn chạy mau về một nơi nào. Và những dòng chữ đó nhiều nơi bị dập xoá, viết chồng lên, nhiều đoạn được viết lại.

Cuốn truyện này Nhất Linh đã viết năm sáu lần, bản thảo đã có khi bị mất nên Nhất Linh phải nhớ lại và viết lại. Theo tôi biết đó là tác phẩm cuối cùng của Nhất Linh. (Những lúc xa Nhất Linh tôi không được biết ông có sáng tác chuyện nào không).

Tôi yên chí đó là hình thức cuối cùng của cuốn truyện, tôi tưởng viết như thế là đã tới sự thăng bằng của tư tưởng, của văn, của chữ. Khi Nhất Linh trích những đoạn trong *Xóm Cầu Mới* để đăng thành truyện ngắn, tôi ngạc nhiên vì ông đã viết lại, thêm bớt, gọt dũa không biết bao nhiêu lần nữa. Và khi đã xếp chữ tại nhà in, Nhất Linh còn sửa đi sửa lại, cặp kính trắng hơi trễ trên mũi, tay run run cầm cái bút Parker 61, viết ngoằn ngoèo và nhanh. Ông thường khuyên tôi: “Chỉ cần thêm bớt một chút là truyện trở nên khác hẳn, nhưng cái khó là tìm ra phải thêm gì, phải bớt gì”. Tôi nghĩ có lẽ cũng như một bức tranh, một phong cảnh đẹp, nếu các phần tử hoà thuận với nhau, sẽ gây cho chúng ta những rung động. Văn sĩ dàn xếp các tiếng như một nhạc sĩ điều khiển âm thanh. Các tiếng, và cả các nhân vật nữa, khi gặp nhau sẽ có phản ứng, phản ứng mà văn sĩ đoán trước, nhưng không bao giờ biết trước được rõ ràng. Đó là một trong những cái bất ngờ thú vị khi viết văn.

Nhất Linh thường làm việc rất khuya, có khi đến rạng đông. Nhất Linh làm việc một cách say mê, gần như quên hết các việc khác, quên khung cảnh chung quanh. Nhưng ông cũng hay dậy sớm ngồi hút thuốc lá trên cái ghế vải, nhắm nháp chén trà tàu. Ông thích viết trên giấy trắng

không kể hàng, nhưng dòng chữ của Nhất Linh vẫn chạy thẳng chứ không bay lên hay cúi xuống. Ít khi ông viết ở bàn viết, ông hay viết ngồi trong cái ghế vải.

Ông thường suy nghĩ rất nhiều về một truyện muốn viết, suy nghĩ một cách đại cương, về một vài xen, nhân vật. Rồi khi viết thì ông chỉ việc thả các nhân vật, đã được định rõ ràng, muốn sống ra sao thì sống, vì vậy có nhiều biến chuyển bất ngờ có khi đổi hẳn cốt truyện. Những điều này Nhất Linh đã viết thành sách để dựng một lý thuyết về cách viết văn.

Nhất Linh có những sáng kiến bất ngờ và những sáng kiến đó dồn dập đến. Một hôm bị giục gấp quá, tôi đưa cho Nhất Linh một mẩu mà tôi định làm thành truyện ngắn, mẩu đó không có đầu không có đuôi. Nhất Linh đọc xong, cầm bút viết thêm một chút để cho có kết cục, sửa vài đoạn để cho có mạch lạc, rồi đặt thành một mục mới cho *Văn hoá ngày nay*: mục “Chàng và Nàng”. Đó chỉ là một mục vui vui, nhưng sau nhờ tài hài hước của Duy Lam mục đó đã được nhiều nữ độc giả viết thư đến “chửi” lại bọn con trai chúng tôi.

Những sáng kiến của Nhất Linh giúp rất nhiều về các truyện mà Nhất Linh sửa. Chỉ vài câu đặt lại, vài đoạn cho lên cho xuống, truyện tự nhiên đổi khác hẳn đi, rõ ràng hẳn lên.

Thường Nhất Linh rất ghét các câu quá “Tây”, những câu bí hiểm đầy chữ khó hiểu, những câu sáo rỗng. Ông chủ trương một lối văn hoàn toàn Việt Nam và thực giản dị.

Vài tài nhỏ

Nhất Linh có tài leo núi, kiếm lan. Ông thấy leo lên thì dễ mà xuống thì khó. Tuy đã lớn tuổi nhưng ông còn rất nhanh nhẹn, nhiều người trẻ tuổi không theo kịp ông. Ông có con mắt tinh, tuy phải đeo kính, tìm thấy những cụm lan đẹp một cách nhanh chóng.

Đem lan về ông còn bày hoa vào những chậu, cho hoa mọc trên những mảnh gỗ mà ông đã chọn mãi để có một hình đẹp. Rồi ông treo tất cả ở trong phòng. Chỗ thì có lan thấp nhỏ, chỗ thì lan mọc thành những dây dài lòng thòng xuống, tất cả hợp lại thành một khung cảnh cảnh lan thực đẹp. Nhất Linh vẽ cũng khá. Ông đã thi đỗ đầu vào Trường Mỹ thuật Hà Nội mà ông theo học một năm để đổi sang học về khoa học ở Pháp. (Ông đỗ cử nhân khoa học sau một năm học nhờ trí thông minh và cũng nhờ một sự cho phép đặc biệt nhảy qua năm học. Nhưng Nhất Linh không dùng tài vẽ của ông để thành họa sĩ. Ông chỉ dùng trong báo chí. Tất cả bìa *Văn hoá ngày nay* đều do Nhất Linh vẽ. Cũng có lần nhờ tài vẽ để kiếm ăn: khi Nhất Linh lưu lạc ở Cao Miên và Sài Gòn, ông đi vẽ phong các rạp hát.

Nhất Linh có nói là Nhất Linh biết nấu mấy món ngon. Tôi chưa được Nhất Linh cho thưởng thức tài làm bếp của ông. Nhưng tôi có được biết tài rửa bát của Nhất Linh. Bát nào cũng sạch sẽ, khô ráo và sáng tinh.

Trí nhớ và sự khiêm tốn không cho tôi nói nhiều về một người chú mà tôi kính mến. Đáng lẽ tôi phải nói vài tật xấu để cho rõ chân dung Nhất Linh hơn, nhưng tôi xin thú thực sau bao nhiêu năm ở gần Nhất Linh tôi chưa được biết một tính xấu nào của Nhất Linh. Đã có một dạo cứ mỗi buổi chiều Nhất Linh lại say rượu. Nhưng ông uống rượu chỉ để cho dễ ngủ, và lúc say ông chỉ ngồi im nghĩ ngợi trong căn phòng không có ánh sáng. Nhưng ông cũng bỏ được thói xấu đó và thay rượu bằng một buổi tập thể dục trước cửa sổ.

Thời gian sẽ xoá dần kỷ niệm con người Nhất Linh. Nhưng qua các tác phẩm của ông, qua các dòng chữ nói những câu quen thuộc, qua những nhân vật sống, yêu, ghét nhau, qua những tư tưởng trong các trang giấy, người ta sẽ biết một phần chính Nhất Linh, một phần mà tôi mong sẽ bền Meursault.

Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng tượng Nguyễn Tường Giang

Con trai Thạch Lam
Sinh ngày 24.6.1942

Chết là giải thoát một đời. Chết là đầu bên kia của sợi dây ngày tháng. Một sớm kia, một tối nào. Tôi hay anh, cũng thế. Bên kia cái chết là nội cỏ ngàn cây hoa mộng hay bên kia cái chết là thẳng thốt khổ đau. Tôi đã nhìn thấy nhiều cái chết, nhiều khuôn mặt chết. Quá nhiều. Nhưng không bao giờ, mãi mãi, tôi có thể hình dung được một cái chết, một khuôn mặt chết thân yêu nhất và buồn bã nhất của đời tôi. Cái chết của cha tôi. Thạch Lam. Người văn sĩ tài hoa ấy đã chết quá sớm. Ông chết như thế nào, có thể mẹ tôi, bà nội tôi, một vài người bạn của ông và người em ruột của ông biết rõ. Mẹ tôi cũng đã kể cho tôi, bà tôi cũng đôi lần mơ màng nhắc lại, một đoạn văn đã viết. Nếu muốn xác thực hơn, người chú tôi chưa một lần gặp mặt, còn sống ở một tỉnh Trung-hoa giáp ranh biên giới Việt-Nam, hẳn tôi có thể viết thư hỏi rõ và cặn kẽ. Nhưng không bao giờ tôi muốn thế. Bởi vì, đối với tôi Thạch Lam êm dịu quá, nhẹ nhàng quá và nói hay nghĩ tỉ mỉ về cái chết của ông tôi không thể không có một chút đau đớn trong lòng.

Sự ra đời của tôi, một đứa con trai, là tai họa cho ông. Một người đoán số tử vi nào đó, năm 1942, khi mẹ tôi đang mang thai, đã nói nếu sanh con trai người cha sẽ chết. Khi mẹ tôi đi sanh, cha tôi đang đau nặng. Ông đau bệnh gì: bệnh lao vì làm việc và suy nghĩ nhiều, ý chí muốn dứt bỏ cái thú phù dung, hay tại số. Tôi không thể định rõ được. Lúc người nhà về báo với ông đứa trẻ mới sinh là con trai, ông không nói gì, lặng lẽ coi tiếp tờ báo đang xem dở. Ba ngày sau, ngày 27-6-42, Thạch Lam mất. Sinh ra đời, buồn thay, nhiều khi đã mang một bản án sát nhân trong hồn.

Cao hơn một thước bảy mươi. Mất sâu và buồn. Buổi sáng lặng lẽ đội chiếc mũ phớt lên đầu, tay cầm vài cuốn sách để đi đến tòa báo. Thạch Lam. Ông rất ít khi uống cà phê ở ngoài, và vì thế mẹ tôi là người pha cà phê ngon nhất họ. Đôi khi nhà hết cà phê, người nhà lờ mua về một ly cà phê nguội, ông bắt đồ đi. Ăn ít và nhỏ nhẹ như một con mèo, bát đĩa phải thật sạch và đẹp. Ông ăn nhẹ nhàng và ít nói. Mẹ tôi nấu cơm rất ngon. Bà đã chết, nhưng mỗi khi Ngạc, Thế-Uyên và tôi tụ họp ăn cơm tại nhà một người trong bọn theo thông lệ, chúng tôi không thể không nhắc tới những chén cơm bà nấu cho chúng tôi ăn ngày bà còn sống.

Thạch-Lam buổi tối đi chơi thật khuya, gần như mọi tối nhưng không bao giờ ông say rượu trở về. Tôi hỏi còn nhỏ thường hỏi về quán nước cô Dần, về những đêm cha tôi đi suốt sáng không về, mẹ tôi chỉ cười. Quán nước cô Dần bà cũng biết và chuyện người chồng đi suốt sáng bà quen đi rồi. Thạch-Lam ít tiếp khách, buổi trưa ông thường nằm trong nhà, khách không quan trọng đến chơi ông nói người nhà ra xin lỗi, có gì cần thì viết vào một cuốn vở để sẵn trên bàn. Sau này, khi mới vào Nam, tôi cùng mẹ tôi đến thăm chú Đình Hùng - thi sĩ Đình Hùng vẫn coi cha tôi như anh em - tôi cũng phải viết giùm mẹ tôi trên tập vở ngoài phòng khách và thoang thoang bay trong buổi sáng hôm đó, tôi ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt của một loại thuốc đen.

Vào mùa hạ, khi những cơn gió Lào nóng nhất đã thổi về Hà-nội. Trời cao và trong. Trời xanh và gió nhẹ. Buổi chiều, Thạch-Lam ngồi câu những con cá mát rượi nước hồ Tây, những con tôm tươi trong suốt còn lóng lánh những giọt nước đọng trên mình. Ông ngồi lặng lẽ trên một gốc cây lớn, đã gãy. Nhìn mặt hồ gợn sóng rung rinh ánh mặt trời chiều. Đôi khi Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam, người anh ruột, người trưởng nhóm, đến nhắc nhở ông về một truyện ngắn ông hứa viết. Nhưng những ngày hè nóng quá ông đã viết đâu. Lại hẹn thêm một lần nữa.

Nghĩ đến buổi tối rủ năm ba người bạn, bày bàn dưới gốc liễu, ăn cái nguyên thủy của đất trời, nhấp những giọt rượu tinh túy và thơm ngát, bàn về chuyện văn chương thời thế. Hẳn tối nay anh cũng động lòng muốn sống thêm một ngày.

Thạch-Lam, người chỉ cần cái phẩm hơn cái lượng. Văn chương và đời sống ông tinh tế, nhẹ nhàng quá. Người yêu hoa cắm chướng, viết văn thật sớm vào buổi sáng, dạy học thêm một tuần đôi ba giờ, đến tòa báo vào những giờ đẹp nhất trong ngày. Ông thích thơ Nguyễn Nhược Pháp, yêu văn Nguyễn Tuân. Người văn sĩ tài hoa của dĩ vãng đã tặng ông một chiếc ấm gan gà và một bộ đồ trà, ngày nay tôi chỉ lâu lâu nhìn và ngắm nghía trong những lần dọn nhà. Hỡi ơi, giữa thời đại này một chiếc ấm trà đã lạc lõng, huống chi một chiếc ấm gan gà của một tinh bạn cố tri. Thạch-Lam cũng có làm thơ, góp phần khá nhiều vào bài “Tương Biệt Dạ” của Huyền-Kiên. Thi sĩ Đinh Hùng - những bài thơ trác tuyệt của mùa thu - đã khóc khi đưa quan tài ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. *Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối, Anh đã nằm yên dưới mộ hoa.* Nghe tin Thạch-Lam chết, Thanh-Tĩnh một sớm nào đã đáp xe từ Nghệ-an ra Hà-nội, thấp trước bàn thờ người bạn tâm giao ba nén hương, nhỏ những giọt nước mắt chân tình nhất rồi lại tắt tả trở về. Hàng năm cứ vào cuối thu...

Trời mấy hôm nay lạnh, ảnh hưởng của một cơn bão rút hay đất trời cũng cảm thông với con người buồn bã của những ngày cuối năm 71. Chỉ biết ra đường đã phải mặc len. Những người trên dưới ba mươi đã một lần dời quê hương miền Bắc, không hẹn mà ùa ra ngoài đường, tìm đến gần nhau, nghe tiếng nói của nhau, nhấp một ly cà phê đen, phà một hơi thuốc hôm nay sao ngọt ngào đến thế. Họ đi trên đường âu yếm, chiếm hết các quán cà phê đẹp, thì thào thủ thỉ nhắc đến những kỷ niệm ấu thơ. Tôi cũng thế, cũng phải ra khỏi nhà, lên phố, vào một quán cà phê quen thuộc, ngó những chiếc áo len ấm cúng, màu nâu non, màu trắng sữa, màu xám trời đông, màu vàng lá rụng. Tôi ngồi với người bạn hiền dịu miền Trung, nói chuyện về mùa thu và Thạch-Lam. Chúng tôi cùng yêu cái nhẹ nhàng êm dịu của “Dưới bóng hoàng lan,” cái ấm cúng gia đình của “Gió lạnh đầu mùa.” Chúng tôi nhắc đến một Cô áo lụa hồng nhí nhảnh đáng yêu và riêng tôi cũng vì hôm nay trời đẹp quá phải ngượng ngùng nghĩ mình đôi lần cũng chỉ còn cách một Sợi tóc là sa chân. Còn anh, có phải anh đôi lần cũng buồn nhè nhẹ với một mối Tình xưa. Tôi kể cho bạn tôi nghe những năm trẻ thơ chạy loạn. Dời Hà-nội trên một chiếc thúng, tôi còn nhỏ quá và chiếc thúng nhẹ lác lư trên bờ đê ào ạt gió. Tôi kể cho bạn tôi nghe những ngày mùa đông tôi đứng ngoài ngõ đón mẹ và chị đi chợ về ở một vùng quê Nhã-nam nào đó, một thiên đường trong trí nhớ. Những ngày đi mót lúa dưới bầu trời hiu hắt của mùa thu, phía xa kia là một khu rừng lau trắng xóa chuyển động dịu dàng như những đám mây nhẹ bay. Tại sao tôi lại nhớ đến những kỷ niệm đẹp như thế trong khi đối với người khác có thể là khổ đau và uất hận. Bởi vì, không giải thích được, tôi đã là con của Thạch-Lam. Tôi đã học những chữ đầu tiên trong một ngôi đình nhỏ, dưới bóng cò đỏ. Tôi đã ngồi cạnh những anh du kích với một khẩu súng trường đòi bắn máy bay. Tôi đã chạy trốn lính Tây càn quét trong những khu rừng lau. Tôi thường theo anh tôi, hơn tôi ba tuổi, vào rừng tìm những cây nhót trái mọng nước và đầy bột để chùi lên áo len, giấu một quả mít trong bụi cây chờ mai chín đến ăn hay hì hục chạy kiếm đá sỏi để bắn một con chim nhiều màu sặc sỡ trên bụi ruối dày đặc. Hồi đó chúng tôi ngây thơ quá, không hiểu mình đang sống giữa một miền đất thù. Hồi đó, vì ảnh hưởng của Nguyễn Trường Tam - Việt Minh đang lùng kiếm - mẹ tôi phải đốt và chôn vùi tất cả những hình ảnh của gia đình. Những hình ảnh của cha tôi, bác Tam, và các bạn văn nghệ của ông, một vài cuốn bản thảo, cuốn sách kỷ niệm có thủ bút của Nguyễn Tuân, Nguyễn Nhược Pháp, các hình ảnh đám tang cha tôi chạy dài trên đường Quan Thánh - số 80 - cơ sở của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Mẹ tôi phải giấu hết dĩ vãng, đổi chữ đệm chúng tôi là Nguyễn Thạch - Nguyễn Thạch Giang - tên tôi đầu tiên trên cuốn vở vỡ lòng, và đó là, hỡi ơi, những ý thức chính trị đầu tiên trong đời đã ám ảnh tôi tới bây giờ. Tôi vẫn tự hỏi tại sao Thạch-Lam không tham dự một hành động chính trị tích cực nào. Trong khi bác Tam, nửa đêm ghé qua nhà, uống

một ly cà phê mẹ tôi pha, bàn cãi với người em một vài chuyện về báo chí rồi vội vã vượt biên giới qua Tàu, bác Long bị mật thám Tây bắt và treo lên sà nhà bằng hai ngón tay cái, Thạch-Lam phải chạy trốn suốt đêm ngoài nghĩa địa. Nhưng sau đó ông vẫn chỉ nhận trông coi tờ báo và viết những bài văn nhẹ nhàng. Có phải chăng - ông là sợi tơ giăng giữa một trời bão táp.

Cách đây khoảng hai ba năm, sau một tuần nghỉ ngơi ở Đà-Lạt trở về, tôi, Thế-Uyên và vài ba người bạn có ý định thành lập một nhóm văn hóa. Vợ tôi giết hai con gà nhà nuôi, mua thêm ít giò chả đặc biệt và chúng tôi tổ chức một bữa ăn họp mặt tại nhà - chúng tôi vẫn cảm thấy đậm đà, dễ bàn cãi và nói chuyện với các thức ăn ngon, gọi một chút xa xưa khi còn bé gặp nhau trong các buổi giỗ Tết. Chiếc bàn tròn được kê dưới những cành mận đầu mùa, lâu lâu một cơn gió nhẹ làm rơi đôi ba cánh hoa sắp kết thành trái. Bữa cơm ăn xong chúng tôi kê một ít ghế bành cũ, pha cà phê trên một mặt bàn thấp hơn, yên lặng hưởng cái thú êm ả của trời đêm. Gió thổi nhẹ, trời trong và cao. Chúng tôi bàn về sự thất bại của những năm qua khi làm tờ báo quay tay, tự hỏi lý do và phương thức làm việc của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và phác thảo một đường lối làm việc mới. Chúng tôi thảo luận về những kinh nghiệm cũ, bàn cãi các dữ kiện cần thiết cho một tổ hợp xuất bản. Đêm càng khuya, những tiếng nói cũng to hơn và gay gắt hơn. Thế-Uyên nổi giận, nóng tính và bỏ về. Nhưng việc đó đối với vài người chúng tôi đã quá quen, vài ngày sau hay có thể ngay sớm mai, Thế-Uyên lại cùng chúng tôi uống cà phê và quên chuyện cũ - bởi vì trước tiên chúng tôi đã là những người bạn của nhau. Khi mọi người về hết, buổi họp đã không thành công ở một phương diện nào đó. Thái-Lãng và Kỳ ở lại cùng tôi. Đêm hôm đó chúng tôi ba người thức suốt đêm ở ngoài trời, pha thêm cà phê và tâm sự cùng nhau. Thái-Lãng hăng say nói những dự tính của anh - lần này về Đà-Lạt phải làm thêm một khu vườn hoa phía sau nhà, trồng vài luống cúc vàng hay hồng nhung đỏ thắm, buổi chiều ngồi trong chiếc ghế mây, hút pipe, nhắm chút rượu mạnh và ngó đàng xa đồi núi cỏ cây trong hơi lạnh của một ngày giáp Tết. Lãng cũng kể cho tôi và Kỳ nghe một vài truyện ngắn dự tính viết trong thời gian sắp tới. Cuốn bút ký của Lãng, tập thơ của tôi và Ngạc, một tập đoản văn của Thế-Uyên đã bị bộ Thông Tin cấm. Chúng tôi không làm gì được về văn hóa. Chúng tôi đã bị ngăn cản. Tôi chợt có ý nghĩ về nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Họ làm nếu có thể gọi là thành công thời đó, phải chăng vì hoàn cảnh Pháp thuộc tự do và rộng rãi hơn? Họ đoàn kết hơn hay họ khôn khéo và gặp may hơn? Tôi không thể có một câu trả lời rõ rệt. Chúng tôi lạc quan nghĩ rằng muốn thành công phải chịu khó chờ đợi thêm, kể cả sự đoàn kết cũng thế. Kỳ đưa ra ý tưởng về sự khác biệt giữa những năm ba mươi sáu mươi và mĩ mai: ít ra bọn Pháp cũng có truyền thống văn hóa cao trên thế giới. Tôi ngậm ngùi tưởng tượng cảnh các chú bác, cha tôi và bạn hữu ngồi với nhau phác thảo kế hoạch. Họ có bàn cãi như chúng tôi, hăng say hơn chúng tôi, Thạch-Lam chắc cũng chỉ ngồi yên lặng, mơ màng. Đối với ông chỉ có văn chương là đáng quý. Ông yêu văn chương cũng thâm lặng và nhẹ nhàng như ông viết. Tôi nhớ tới lời người bạn miền Trung dịu hiền: góp phần vào văn chương không phải chỉ có những tác phẩm ồn ào, tiếng tăm - văn chương còn được xây dựng vững vàng và yêu quý hơn bởi những tác phẩm nhẹ nhàng thâm lặng. Sớm hôm sau, khi mặt bàn và các ly cà phê được phủ đầy bởi những cánh hoa, chúng tôi phủi những cánh hoa bám trên tóc và trên quần áo, cùng đi đến một quán nhỏ đầu đường uống ly cà phê đầu ngày. Một sớm mai nào cũng gọi cho con người đôi chút lạc quan về tương lai. Tôi cũng hy vọng một ngày nào đó, gần đây, chúng tôi sẽ cùng ngồi lại với nhau, như ngày xưa chú bác tôi, cha tôi và các bạn hữu đã làm.

Mẹ tôi mất đã gần hai năm, vào một ngày giáp Tết. Sợi dây liên lạc thân yêu giữa chúng tôi và Thạch-Lam bị đứt đoạn hoàn toàn. Còn đâu những ngày chúng tôi cùng ngồi ăn với bà, khi gặp một món ăn ngon bà nói: ngày xưa cậu mày còn ăn cầu kỳ hơn nhiều. Khi đi chơi khuya về nhà, nhè nhẹ chui vào giường ngủ, sớm hôm sau thức giấc bà đã pha một ly cà phê phin đen sánh và thơm ngát: thật giống cha mày như đúc, đêm nào đi cũng tới sáng mới về. Chúng tôi

làm cái gì bà cũng coi như chuyện thường. Bà bình thản khi tôi nói với bà về kết quả kỳ thi năm vừa qua và tôi đậu đầu: ngày xưa cậu mày 16 tuổi đã đậu Tú Tài. Ngày xưa cậu mày thông minh nhất nhà. Ngày xưa... ngày xưa...

Ngày xưa... Căn nhà ở Cẩm-giàng nơi có những đóa hải đường ven con đường lát sỏi vào nhà, có những cây khế trong vườn lâu đời đến nỗi chúng tôi có thể trải chiếu nằm và há miệng cắn những trái thấp nhất, có một bụi ổi ở cuối vườn. Căn nhà cha tôi, các chú bác hàng năm từ mọi nơi về giỗ Tết. Có một đêm 30 nào, Xuân-Diệu ngồi canh bánh chưng và sau khi ăn chiếc bánh nóng hôi đầu tiên vớt trong nồi ra, ông lại cùng Huy-Cận lên đường vào Trung. Tôi nhớ con đường xe lửa chạy ngang nhà trước khi vào ga. Buổi chiều ngồi ngắm người bê ghi in bóng trên nền trời vàng nhạt, nghe tiếng pháo báo hiệu nổ dưới bánh xe và dưới bầu trời con bay đầy khói tầu, chúng tôi tranh nhau chạy ra lấy chiếc pháo đã bị kẹp mỏng như một lưỡi dao.

Dĩ vãng bao giờ cũng đẹp. Chúng tôi đã trên dưới ba mươi và một thế hệ đã trôi qua. Năm nay là cái Tết thứ hai chúng tôi không có mẹ bầy một mâm cỗ cúng Thạch-Lam, không tự tay bà cắm những bông cẩm chướng màu hồng trên bàn thờ và ngồi nhắc lại một vài kỷ niệm về người chồng chết quá sớm. Nơi nghĩa trang chùa Giác Minh, bà nằm chung với bà nội chúng tôi, bác Tam, bác Hoàn chồng cô Năm và một người cháu ruột chết trận. Ba thế hệ của dòng họ đều nằm êm ả trong hương thơm của nến nhang, phần đất hiền lành của Phật. Bên chùa, một cây ngọc lan cao và đầy bóng mát, ngày xưa mẹ tôi mỗi lần đi thăm mộ bà nội vẫn thường xin một hai bông hoa đầu mùa về xếp lên bàn thờ Phật. Đôi khi tôi tự nghĩ chúng tôi lưu lạc như những người Do-Thái: Ngôi nhà từ đường ở tỉnh Quảng-Nam nghèo nàn và anh dũng, căn trại nhỏ ở Cẩm-giàng nơi nuôi dưỡng che chở Nhất-Linh, Hoàng Đạo, Thạch-Lam và thế hệ chúng tôi đang xây dựng cho tương lai ở Sài Gòn và các tỉnh miền Nam. Tôi vẫn mong một ngày nào hết chiến tranh để có thể đưa các con tôi đi thăm, vào một ngày cuối tháng chạp, từ ngôi mộ của bà nội chúng nơi hiền hòa cửa Phật, ngôi nhà Từ đường miền Trung xa xôi, và buổi chiều nhật cổ trên ngôi mộ Thạch-Lam, ông nội chúng. Phần mộ đó nằm hiu quạnh trong nghĩa trang Bạch Mai vùng ngoại ô Hà-nội, - nơi nếu không bị phá hủy, hẳn bây giờ đêm ngày chỉ vang vọng tiếng máy bay.

11-1971

Papa tòa báo Trần Khánh Triệu

Trần Khánh Triệu là con đẻ của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), và là con nuôi của nhà văn Khải Hưng (Trần Khánh Giư).

Bài viết kể về những kỷ niệm với Khải Hưng và những ngày cuối trước khi ông bị Việt Minh bắt và đưa đi thủ tiêu.

*Mây vẫn lộng lộng một trời
Dáng xưa hiu hắt... tháng ngày phiêu pha.*

Nào hãy thử nhắm mắt lại thả hồn trôi về dĩ vãng... tưởng tượng vào một ngày xa xưa nào đó ta trở về Hà Nội, cái thành phố đầy ắp kỷ niệm thời tiền chiến mơ màng trong ký ức.

Rồi hãy tưởng tượng tiếp ngày nào đó, ta được về tới vùng mây trời quê hương lãng đãng... Hải Phòng rồi Hải Dương... con đường số 5 hai bên ruộng lúa ngút ngàn... Cẩm Giàng rồi Gia Lâm và kia, cây cầu Paul Doumer vắt ngang sông Hồng phù sa cuộn cuộn. Lẩn khuất trong sương mù Yên Phụ... cột đồng hồ... tới tận bảo tàng, phà Đen... Hà Nội đó, nơi ngàn năm văn vật đất Thăng Long.

Rời khỏi bờ sông lộng gió, dốc Hàng Đậu thoải thoải... tòa nhà tròn chứa nước ba tầng bằng đá xám bề thế chắn ngang, con đường tàu điện từ chợ Đồng Xuân qua ngã tư Hàng Than rẽ về phía Quan Thánh rợp lá bàng xanh... Vườn hoa Hàng Đậu, bên kia là phố Carnot, thành lính tây bát ngát, bên này đường, gần phía nhà thương khách... phòng trồng rừng Đông Nam Mỹ rồi tiếp đó... dancing Rialtoz đêm đêm tiếng nhạc rập rình, hiệu Phúc Hưng Lâu với món phở sào dòn ăn miếng nhớ đời... kế bên, hăng chè tàu Phúc Kiến và quá chút nữa góc Hàng Bún. Quan Thánh... Đây rồi! Ngay đối diện với hiệu thực phẩm Hạp Ký của người Tàu là căn nhà số 80. Vàng, căn nhà 80 Quan Thánh mà tôi đã sống cùng cha mẹ nuôi tôi cả một thời thơ ấu với bao buồn vui kỷ niệm. Nơi đây, cha nuôi tôi, nhà văn Khái Hưng đã sống, đã viết bao nhiêu tác phẩm để đời trong khoảng thời gian 1934, tới năm 1946 nghĩa là cách đây đã hơn 50 năm rồi!

Tòa báo: 80 Avenue du Grand Bouddha

Tòa báo có hai mặt, mặt chính trông ra phố Quan Thánh, hồi trước 45 có cái tên tây là Avenue du Grand Bouddha, mặt kia số 55 quay về phía Hàng Bún tức Rue des Vermicelles, nhà này nguyên của một bà đầm cho papa tôi thuê (ấy theo thói quen tôi vẫn thừa với cha nuôi tôi là papa hay rõ hơn “papa tòa báo” để phân biệt với cha đẻ tôi — ông cụ ở Hàng Bè nên tôi vẫn dùng những chữ “cậu Hàng Bè” cho tiện).

Mặt trông ra phía Quan Thánh bước vào là một cái cổng nhỏ, hàng rào thấp, có cây leo rậm rạp quanh năm. Mặt phía Hàng Bún, cổng sắt hai cánh rộng hơn, xe ô tô đi lọt, vườn hoa bao bọc xanh tốt bốn mùa. Những luống hồng nhung mọc giữa dãy cỏ tóc tiên mượt mà, vài cây phượng trở hoa đỏ rực, cây lá móng ngựa hoa màu lam dịu, lại có cả một bụi tre già cao chót vót, những ngày gió mạnh lá cọ vào nhau nghe cọt kẹt. Dưới vòm tre xanh tốt một bàn ping pong được kê ngay ngắn, lâu lâu papa lại đưa bạn bè xuống đánh vài ván, tiếng bóng nhựa nảy trên bàn ròn rã. Những buổi trưa hè oi ả sau bữa ăn trưa papa thường nằm trên ghế xích đu hút pip, mẹ ngồi thêu áo kế bên, tôi thì khoai nhất được leo lên cây ngâu già gần đó, thò tay chộp đuôi con mèo xiêm đang nằm lim dim suy tư nghiền ngẫm trên cành.

Từ vườn bước lên năm sáu bậc thêm vào nhà, hàng hiên trước khá rộng... phòng lớn đặt máy in cùng chỗ sắp chữ, phòng bên phải nhỏ hơn nơi làm việc của ban trị sự tờ Ngày Nay, nhà xuất bản Đời Nay và sau này là tờ Việt Nam cơ quan tranh đấu của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Đi lên gác, hàng hiên lát gạch men tàu ngăn chia bên này là dãy buồng kho, nhà tắm... bên kia phòng lớn quét vôi màu xanh lơ thoáng mát. Phòng bên trái trông ra bụi tre được ngăn đôi: Buồng ăn và buồng ngủ của riêng gia đình tôi. Phòng giữa nơi làm việc của Papa và tòa soạn kê hai bàn lớn đầu vào nhau, đầu bàn được khắc dấu hiệu Tự Lực văn đoàn, trên tường treo mấy bức tranh sơn dầu vẽ phong cảnh của họa sĩ Trần Bình Lộc và Nguyễn Gia Trí. Phía bên phải là phòng khách kê một bộ salon nhỏ, một bàn làm việc, còn cái tủ sách lớn sát tường thì xếp toàn sách quý của nhà xuất bản Đời Nay, bìa da chữ mạ vàng óng ánh. Đứng bên cửa sổ nhìn ra phía Hàng Bún, hàng cây bàng xanh ngắt, xé một chút gần nhà bác sĩ Hào, những con tàu điện từ Bưởi xuống hay từ Bạch Mai lên dừng đón khách ở ngã tư Quan Thánh lại đóng lên vài tiếng leng keng uest oải chậm chạp. Từng đợt ve sầu kêu ran, lan man đâu từ phía vườn hoa Hàng Đậu ủa tới rồi tản mát xuống tí tãi cuối phố khúc gần cửa Bắc, xa dần rồi mất hẳn. Những lúc ấy tôi cảm thấy thời gian sao dài quá! Cứ cái ngữ này không biết bao giờ mới tới được bữa cơm chiều đây!

“Papa tòa báo” viết văn

Mỗi buổi sáng khi thức giấc, trong cái cơn ngái ngủ mơ màng tôi đã cảm thấy bao trùm một mùi cà phê thơm dịu. Papa đang ngồi đọc sách, chốc chốc lại nhấc tách lên nhấp một ngụm, khói thuốc *mélio* quyện tỏa khắp phòng. Cái đèn cò đun nước kêu sè sè đưa ra một vòng lửa xanh lam, lâu lâu papa đứng lên xoay chặt lại cái phin rồi đổ thêm nước sôi. Tôi trở dậy kéo ghế ngồi cạnh, tần mẩn nhìn từng giọt cà phê tí tách rơi xuống. Papa từ tốn dở từng trang sách chữ Hán nhỏ li ti vừa đọc vừa gật gù thỉnh thoảng lại cầm kính lúp lên soi. Đôi khi ông cụ còn mài miết chơi ô chữ trong tờ báo *La Volonté Indochinoise* xuất bản ở Hà Nội thời đó. Khi tìm được chữ nào đặc ý papa xoa nhẹ lên đầu tôi, ca se sẽ một bài hát quen thuộc của đoàn Ánh Sáng... “Rồi đây anh em chúng ta cùng nhau kết đoàn...”

Sau đó là bữa điểm tâm, thường thường trên mâm chỉ có cháo hoa với đường cát vàng hoặc cơm nắm muối vừng, hôm nào sang mới có xôi lúa mua của bà hàng quen. Bánh cuốn hay phở, những món sao mà ngon thế, thì buồn thay... năm thì mười họa chỉ khi nào có khách mới được bung lên. Hồi ấy gia đình tôi cũng không được dư giả cho lắm, bữa ăn sáng thường đạm bạc như vậy. Nghe mẹ kể lại lương nhà báo của papa ít lắm may bà ngoại có cho mẹ ít ruộng ở vùng Quế Phương, Hải Hậu nên nhờ vào đó mới đủ chi dùng. Ông nội tôi tuy làm quan nhưng khi ông mất tài sản tứ tán đi cả, papa cũng chẳng được hưởng gì. Còn nhớ khi viết xong cuốn sách hồng, hình như “Cái ấm đất” thì phải, tiền bản quyền chỉ đủ mua một cái áo đi mưa cho papa ở Hàng Đào và một đôi giày Bata cho tôi. À quên, tôi còn được cây súng lục Euraka, bằng đạn dĩa dài đầu bịt cao su, bách phát bách trúng... ghê chưa? Khoảng những năm 44, 45, vì tiền nhuận bút sách báo thiếu hụt, mẹ có chung với cô em mở một hiệu tạp hóa nhỏ ở Hàng Trống, cửa hàng thuê của nhà in Thụy Ký. Tuy vậy, đôi khi tôi tới chơi thấy vắng khách, mẹ ngồi sau quầy tư lự thờ dài... “Hàng họ lúc này khó khăn quá!”

Rồi khi mặt trời đã lên cao, ánh nắng chiếu vào nhà, papa đứng lên vươn vai sang phòng làm việc. Trong cái không khí vắng lặng êm ả, papa say sưa viết trên những trang giấy trắng rời không kẻ hàng bằng cây bút máy waterman ngồi vàng mềm mại, nét chữ đứng ngay ngắn rõ ràng. Có lúc viết xong một đoạn bỗng ngừng lại, papa nhắm mắt nhìn lên trần, tay gõ nhịp lên bàn, sau đó thế nào trên giấy cũng có thêm những hình loằng ngoằng như xoắn ốc kéo dài mãi ra. Đôi khi con mèo xiêm lách cửa đi vào nhảy tót lên bàn nằm chình ình một đống, tự nhiên như không... papa lấy tay khẽ vuốt ve, nưng niu con vật, miệng se sẽ hát câu chèo quen thuộc “Đất ngài đây... thanh lịch... đất có hữu tình...”

Chiều và tối thì phòng giữa nhộn nhịp hẳn lên, khói thuốc tỏa lan khắp nơi. Bác Thế Lữ lúc nào cũng ngồi đối diện với papa, người hao hao gầy, đôi mắt sắc sảo, dáng điệu trông lúc nào cũng đầy vẻ bí mật. Có lần tôi thấy bác lấy trong túi ra một khẩu súng lục rất xinh đặt ngay trước mặt rồi chăm chú viết, đôi lúc lại gật gù nhìn khẩu súng. Sợ nhất là có lần bác mang về một cái sọ người, không biết thật hay giả, đặt ngay trên thành lò sưởi, nghe răng cười với hai lỗ mắt sâu thăm thẳm ghê hồn! Chú Hoàng Đạo và “cậu Hàng Bè” của tôi thì làm việc bên phòng khách có khi tới khuya cũng chưa ra về. Hai người lúc nghỉ ngơi thường bày cờ ra đánh, mỗi lần chiếu tướng chú lại đập mạnh quân cờ cười ha hả. Papa lâu lâu cũng tới góp nước, hoặc mở đàn tam thập lục ra dạo một bản, tiếng trong trẻo rộn ràng.

Những ngày tòa soạn làm việc như vậy tôi thích nhất được xem chú Gia Trí vẽ tranh. Chấm mực đen chú vẽ Lý Toét rất gọn, rất ngon lành, hình Xã Xệ chỉ đưa vài nét là xong, bao giờ cái tóc xoắn như lò so của ông Xã cũng được vẽ sau chót. Có một dạo bác Tô Ngọc Vân thay thế chú Trí. Hình như bác mới ở bên Xiêm về, bác vừa vẽ vừa kể cho tôi nghe nhiều chuyện bên đó. Đôi khi bác còn cho tôi vài viên kẹo gồm tằm đường nhưng kẹo không ngon và nhiều như loại Toffee chú Trí vẫn cho, bởi vậy hồi đó tôi thấy bác vẽ Lý Toét, Xã Xệ sao không được đẹp bằng chú Trí của tôi!

Thỉnh thoảng bác Tú Mỡ từ Láng cỡi bình bịch tới tòa báo thăm anh em, người gầy gầy nhưng tiếng cười rộn rã đi đến đâu cũng nhộn nhịp tới đó. Thấy bác đến là tôi mừng rơn, vì thường

thường sau khi công việc xong thế nào cả tòa soạn cũng cùng bác sang ăn phở xào dòn, phở áp chảo của hiệu Phúc Hưng Lâu gần đó, hay ít ra cũng là một châu bia, nước ngọt, bánh trái bên hiệu Hạp Ký trước cửa. Dĩ nhiên trong những trường hợp hy hữu đó bắt buộc tôi phải đi theo hầu papa rồi!

Ngược hẳn với bác Tú Mỡ, chú Thạch Lam của tôi đi tới đâu cũng yên lặng như một cái bóng, chú thường mặc áo dài the thâm, dáng người điềm đạm, ánh mắt sâu thẳm thẳm. Chú Huy Cận thì thân với tôi hơn, còn nhớ có lần ở Trung ra chú cho tôi một củ khoai to tướng, gấp ba bốn lần khoai thường. Tôi thích quá, nhất định không ăn, để dành mãi dưới gầm giường. Sau đó ít lâu papa với về trang trọng đưa cho tôi tập Lửa Thiêng và nói chú có tặng tôi một bài thơ trong đó, tôi lật trang giấy rồi lăm bằm đánh vần:

TỰU TRƯỜNG

Tặng em Triệu

Một bài thơ chú tặng cho tôi, ờ, giá chú Huy Cận của tôi cho tôi thêm một củ khoai như hôm nọ có hơn không?

Sầm Sơn – Villa des pins

Những ngày tuyệt diệu nhất trong đời tôi, đó là những ngày nghỉ hè tắm biển ở Sầm Sơn. Kỳ niệm thật êm đẹp, mỗi lần hồi tưởng còn thấy gờn gợn trong tâm tư một niềm vui rào rạt. Buổi sáng hè còn dẫm hơi sương, tuy ngái ngủ nhưng lòng tôi sao quá rộn ràng trong chuyến đi xa... Chiếc xe tay ven theo vườn hoa Hàng Đậu, băng ngang qua trại lính tây đường thành vắng ngắt, mùi hương của hoa sữa thoang thoảng đâu đây. Rồi nhà ga Hàng Cỏ, đường sắt chi chít, con tàu xinh xịch chạy... Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình... Cầu Hàm Rồng và sau cùng là Thanh Hóa. Lên chiếc xe ca ì ạch tới Sầm Sơn thì trời cũng đã về chiều.

Villa des Pins là một biệt thự kiểu xưa ở vào dãy thứ tư tính từ biển trở vào. Bà ngoại tôi mua đã từ lâu dành cho con cháu ra nghỉ mát. Tới nơi, papa lập ngay một chương trình rõ ràng. Sáng sớm ra biển tập thể thao, coi kéo lưới rồi nhảy xuống tắm. Ngày nào mưa gió thì ở nhà, khi đó papa sẽ vừa viết văn vừa kèm tôi học. Tối đến tung tăng ở rừng phi lao hay trên bãi cát, hôm nào nhóm “Lo cho trẻ em đi nghỉ mát” có tổ chức lửa trại, diễn kịch gần hotel Renaud (?) thì cả nhà lại được đi coi giải trí không mất tiền. Những ngày đẹp đi chơi xa thăm hòn Độc Cước, hòn Trống Mái, hoặc ven theo rừng phi lao tới tận cửa sông Mã. Thích nhất là những hôm lên vùng “Sầm Sơn le haut” đường xe lên dốc ngoằn ngoèo, papa mặc quần soọc đi xăng đan xách theo giỏ bánh mì, cơm nắm, hăng hái tiến trước, tôi thờ hớn hển theo sau. Hai bên là rừng phi lao bát ngát, những biệt thự ẩn hiện đẹp như mơ. Lên hết dốc tới một vùng quang đãng... hòn Trống Mái với hai phiến đá đè lên nhau, gần đó bước lên ít bậc thang, đỉnh Belvédère có cái mái tròn xây xi măng, tôi leo lên đó đứng nhìn bao quát một vùng núi đồi, biển cả. Papa lấy tay chỉ ra khơi... xa tít ngoài kia là hòn Mê, phải đi theo mảng đánh cá đi lâu lắm mới tới được. Tôi ước gì được phăng phăng lướt sóng thám hiểm vùng xa xôi ấy, nhưng nay còn bé quá, biết đến bao giờ mới tới được hòn Mê!

Chơi chán rồi papa dẫn tôi tới gần một biệt thự cách đó không xa. Ngôi nhà này là của tây xây cất đã lâu mà hình như không có ai ở, mấy cửa ra vào đóng im ỉm. Chúng tôi ngồi xuống bậc thềm đá hoa mát dịu, lấy cơm nắm ra ăn dưới tàng cây xum xuê, gió lồng lộng thổi. No nê rồi papa châm thuốc hút lấy giấy ra viết văn, còn tôi thì chạy tung tăng hái hoa mọc len với cỏ rồi tựa lưng vào gốc thông già làm một giấc dài.

Trên đường về, những hôm nào viết được nhiều, papa vui vẻ nói chuyện luôn miệng, mua dừa tươi cho tôi uống, dẫn tôi đi len vào rừng chơi ú tim. Khi xuống tới vùng “Sầm Sơn le bas,” chúng tôi đi qua những biệt thự quen thuộc: Villa des Flamboyants, villa des Roses, villa Hương Ký, villa Ngọc Lan... tất cả đều như rộn ràng trong nắng chiều.

Về tới nhà đã mệt nhoài, bữa ăn sữa soạn xong, mẹ tôi sỏi cơm, dịu dàng lắng lặng nhìn hai cha con ăn ngon lành, mỉm nụ cười rạng rỡ.

Tây bắt papa rồi!

Lần cuối cùng đi nghỉ mát ở Sầm Sơn, lúc trở về Hà Nội, tôi còn nhớ các đầu đường đã bắt đầu gắn những bảng nhỏ có mũi tên chỉ “Abri – Hàm trú ẩn.” Không khí như nghiêm trọng hẳn lên, nghe nói sắp có bom, ban đêm đèn phòng thủ thụ động chiếu lờ mờ ghê rợn. Đạo này papa ít khi có mặt ở nhà, từ Ngày Nay bị kiểm duyệt gắt gao, nhiều cột bỏ trống. Có lần đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, mẹ lo lắng thì thầm với tôi “Có thằng mật thám con ạ, nó canh ngoài cửa.” Tôi không hiểu chuyện gì nhưng cảm thấy có một cái gì ghê rợn lắm sắp xảy tới!

Thế rồi sang hôm đó, khi tôi còn đang ngủ thì bỗng choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng khóc của mẹ tôi, chạy sang phòng ăn, thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn nức nở “Triệu ơi! Tây nó bắt papa rồi!” Tôi sửng sốt và không biết gì hơn là ngơ ngác nhìn mẹ tôi, muốn nói một lời mà sao chân cứ như chôn chặt xuống đất.

Mẹ tôi tiếp: “Con lên kêu cô Tú Thái, nói cô tới ngay!” Cô Thái là em ruột của mẹ tôi cũng ở phố Quan Thánh khúc gần cửa Bắc, cách tòa báo không xa. Tôi không hiểu sao mẹ lại cần gặp cô Tú trong lúc này. Nhưng khi cô Tú tới trò chuyện một lúc, tôi thấy mẹ tôi không khóc nữa, hình như cơn đau buồn đã dịu đi phần nào. Tôi cũng đã hiểu vì sao mẹ tôi lại cần có người thân trong lúc này như vậy.

Ít ngày sau, tôi được theo mẹ vào thăm papa ở sở Liêm Phóng gần Đấu Xảo. Tôi vác theo một bị đồ ăn tiếp tế cho papa, mẹ thì mang quần áo. Cửa phòng xích mở, một ông tây lai đưa papa ra nói một tràng tiếng tây. Tôi chưa hiểu ắt giáp gì thì papa đã kéo mẹ con tôi ngồi xuống cái băng gần đó dịu dàng nói: “Kệ nó, được phép 15 phút nhưng mình hơn cũng chẳng sao.” Mặc bộ pi-da-ma màu xanh đã nhàu nát nhưng dáng điệu không đến nỗi tiêu tụy lắm, papa tóm tắt kể cho biết chuyện từ ngày bị bắt: – Chú Long và chú Gia Trí bị trước, tây nó đánh đau lắm, những gì phải khai hai người đã nói hết papa vào sau cứ theo đó mà khai nên chỉ bị sơ sơ thôi. Tôi chợt rùng mình nghĩ tới cái cảnh đánh đập rùng rợn ở sở mật thám mà tôi vẫn được nghe những người lớn kể lại.

Chừng ba bốn tháng sau papa được chuyển lên trại An Trí tại Vụ Bản, vùng Nho Quan, Hòa Bình. Ngày ra đi, tôi không được đưa tiễn, nhưng nghe mẹ nghẹn ngào kể lại: papa bị mang còng sổ, còng tay lúc lên đường.

Lúc này, tòa báo vắng vẻ lắm, “cậu Hàng Bè” nghe nói đã trốn sang Tàu, chú Thạch Lam mới mất ở nhà cây liễu Yên Phụ, mẹ rầu rĩ suốt ngày, còn tôi nhìn vào phòng làm việc của papa thấy trống trơn, trong lòng thấy bùi ngùi làm sao!

Rồi ít lâu sau được phép của sở Liêm Phóng, tôi cùng mẹ, thím Long và Tường Ánh con trai thím lên Vụ Bản. Đường từ Nho Quan trở ra thật cheo leo, cảnh hoang sơ mà hùng vĩ, con đường đất đỏ dài hun hút, đến chiều mới tới nơi. Chúng tôi phải vào trú ngụ một đêm tại chũng viện, căn nhà do các bà sơ trông nom, hôm sau qua sông mới tới được trại trên đồi cao.

Papa hồi này da rạm nắng, trông khỏe mạnh. Chúng tôi được phép vào một căn phòng, tự do nói chuyện nửa ngày trời. Được biết chú Long, chú Trí phải đẩy xe nước và vào rừng lấy củi, papa may mắn vì yếu đuối được phụ việc ở nhà thương, công việc nhẹ nhàng, mẹ tôi cũng yên chí phần nào. Papa cũng cho biết cái thằng tây trưởng đồn, người đảo corse, hồi đầu rất hách dịch, nay dần dần cũng bớt rồi, lâu lâu lại có anh em trẻ nghịch ngợm dám nhạo cả cái giọng nói nặng nề của hắn nữa.

Khi chúng tôi trở về, papa được phép tiễn đến bến đò. Qua sông nước chảy xiết, giòng sông mênh mông, tôi thấy lòng se lại khi thấy hình dáng papa nhỏ dần, nhỏ dần. Trời lúc ấy thật thấp... thật nặng nề!

Bà nội Cổ Am mất

Bị an trí một năm, papa được tha về Hà Nội. Tuy vậy, cứ mỗi tháng papa lại phải đem một cuốn sổ bìa xanh (papa gọi là sổ đoạn trường) lên sở Liêm Phóng đóng dấu kiểm soát.

Tòa báo đạo này ít người lai vãng, “cậu Hàng Bè” vẫn biệt vô âm tín, chú Long Hoàng Đạo kẹt ở Vụ Bản, Bác Thế Lữ xoay sang diễn kịch, chú Trí vẫn mãi mê với tranh sơn mài trên đường Quần Ngựa... tờ Ngày Nay đóng cửa đã lâu. Papa thì trầm ngâm ít nói, loay hoay tỉa xén cây cảnh trên hòn non bộ nhỏ, đặt trong cái chậu sứ men tàu.

Rồi trong một buổi chiều cuối năm, trong lúc mọi người nhộn nhịp đón giao thừa thì bắt chợt nhận được giấy thép báo tin bà nội ở Cổ Am bệnh nặng. Thế là cả nhà sáng mòng một tức tốc về quê. Gần trưa tàu hỏa tới Hải Dương, chuyển xe ca đi Ninh Giang qua Vĩnh Bảo về tới làng thì đã xế chiều. Bước vào nhà, chú Trần Tiêu chạy ra mếu máo nói bà đã nhập quan từ ngày 30. Mẹ òa khóc thảm thiết, papa lặng lẽ tới gần cổ áo quan, khẽ rờ tay lên làn gỗ vàng tâm, nói với tôi mà y như nói một mình:

“Thế là bà đã nằm đây rồi, con ạ!”

Vì bà mất vào dịp tết nên mòng sáu mới phát tang và tới ngoài rằm mới an táng. Trong thời gian này tôi súng sính trong bộ áo trắng dài tay sột soạt màu hồ đi “thăm hiem” khắp nơi cùng vài chú em họ trong làng. Bây giờ tôi mới được rõ Cổ Am rộng lắm, chia làm bốn thôn: thôn Thượng, thôn Tràng, thôn Am và thôn Phần là chỗ nhà tôi ở. Khắp nơi, đâu đâu cũng thấy trồng thuốc lá xanh ngắt, nghe nói đến mùa hái thuốc cả làng nhộn nhịp vui lắm. Tôi còn được sang thăm mộ phần của ông nội tôi ngay sát bên nhà, xây toàn bằng đá đắp lên nhau như một trái núi nhỏ, bề cao dễ gần bằng căn nhà hai tầng, từ đỉnh trở xuống cây cỏ mọc um tùm chen lẫn những tượng nhỏ hình quái dị, xuyên vào lòng núi là nơi thờ tự, cảnh trí âm u, trầm hương tỏa ngát: kể bên mộ phần, một ngôi chùa nhỏ được ông tôi xây cất xưa kia... chùa Đông A nổi tiếng vì có một vị sư già nhiều pháp thuật, trụ trì. Tôi còn được biết thêm ông nội xưa làm tuần phủ Thái Bình có những năm bà tất cả, nên lúc mất đi con cháu đông đảo lắm. Bà nội tôi là cả sinh được bốn người con, trước hết là bác Trần Xuân làm Thượng tá nhưng chẳng may mất sớm, rồi đến papa, kế đó là chú Trần Tiêu và cuối cùng là cô Ngọc. Riêng bà thứ năm chỉ sinh được một cô con gái được ông nội tôi quý nhất cho rất nhiều của cải nhà cửa ở Ninh Giang, Hà Nội. Bà tôi tuy là cả nhưng lạnh lắm, không ham thích những nơi quan quyền chỉ an nhàn sống nơi quê làng nên ai cũng mến thương.

Thấm thoát cũng đã gần đến ngày an táng, trước nhà dựng rạp lớn, cỗ bàn ăn uống linh đình theo tục lệ. Các chú, các cô ở xa cũng dần dần về đông đủ. Tôi còn nhớ bà Năm cũng từ Ninh Giang về chịu tang, bà khóc to lắm, có vẻ như rất lầy làm đau sót, làm tôi ngạc nhiên hỏi papa: “Bà có khóc thật không papa, bà không ưa bà mình cơ mà?” Yên lặng một lúc papa mới khẽ nói với tôi “Bà khóc thật đó con ạ! Bà mình lúc sống hiền lành quá có làm hại ai đâu, chắc bây giờ bà Ninh Giang đã thương bà Cổ Am rồi con ạ!”

Rồi đám tang nhộn nhịp linh đình diễn ra, cỗ áo quan được đưa lên kiệu sơn son thiếp vàng được đưa từ nhà đi vòng mấy thôn trong làng rồi mới trở về hạ huyệt cạnh mộ ông tôi ngay kề bên nhà. Sau thời gian này papa còn ở lại Cổ Am vài tuần, lâu lâu sang chùa Đông A niệm Phật cầu siêu cho bà. tay gõ mõ, nhịp chuông đều đặn, papa tụng kinh tiếng trong và ấm, tay lần giở những trang kinh Phật bằng chữ Hán, hương trầm tỏa ngát, không khí dịu dàng hiền hòa.

Biến cố dồn dập

Tôi trở về Hà Nội và tiếp tục đi học cho tới ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, súng nổ vang trời, cả nhà phải chui xuống buồng kho gấm cầu thang để tránh đạn cả đêm. Sáng hôm sau nhìn ra ngoài hai ba xác chết nằm bên kia đường ngay trước hiệu Hạp Ký, ghê quá! Rồi truyền đơn của Nhật trải xuống Hà Nội... Việt Nam độc lập... Toàn quyền Đại Nhật Bản thay toàn quyền Đờ-cu... người ta bắt đầu chết đói như rạ. Khẩu phần ăn nhà tôi bị hạn chế, cơm bữa nào cũng hôi sặc mùi bao tải, lại còn phải dành một phần đưa cho đoàn khát thực cứu đói. Có lần đi qua chợ Đồng Xuân, papa mua cho tôi một bắp ngô nướng nóng hổi, đang lấy tay lăn lăn sửa soạn ăn, thì một bàn tay gầy guộc giật mạnh lấy, ức quá tôi định chạy theo nhưng papa

giữ lại, lắc đầu buồn rầu nói: “Thôi con, người ta đói quá, khổ quá rồi!” Hàn học, tôi đi theo papa, từ đó cho tới lúc về nhà, tôi không thấy ông cụ nói thêm một lời nào nữa.

Đạo ấy papa cũng rất bận rộn, hết lo cho tờ Bình Minh lại tới tờ Ngày Nay kỷ nguyên mới. Tuy vậy những ngày yên ổn vì khỏi lo mật thám Tây bắt bớ không kéo dài được lâu. Một hôm đi học về... nhà thấy vắng vẻ quá, me đáng điệu bí mật kéo tôi lại gần nói nhỏ “Papa lánh mặt rồi, ai có hỏi nói về quê ít ngày.” Chúng tôi sống trong hồi hộp... rồi vào một buổi sáng Hiến binh Nhật ủa tới khám xét tòa báo, bao nhiêu sách trong nhà kho bị lục tung nhưng hình như không kiếm được gì khả nghi, chúng bỏ đi... Hú hồn! Rồi Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền, Quốc dân đảng đóng ở tòa báo, tờ Việt Nam ra đời, Việt Quốc, Việt Cách chống Việt Minh, Pháp lăm le trở lại, chính phủ liên hiệp thành lập. Lúc này papa viết cho tờ *Việt Nam*, tờ *Chính Nghĩa* và lâu lâu luôn cả tờ *Thiết Thực* nữa.

Tiếp đó Hiệp định sơ bộ 6-3 ra đời, Pháp đổ bộ Hải Phòng... Hội nghị Đà Lạt tan vỡ. “Cậu Hàng Bè” từ chức bộ trưởng rồi sang Tàu lần nữa... Các trụ sở Việt Quốc lần lượt bị tảo thanh. Công an xung phong đột nhập tòa báo lục soát, bắt bớ. Các đảng viên cao cấp như bác Hề, bác Đóa, Trí, Dị... bị đem đi biệt tích. Tờ *Việt Nam* đình bản... Tòa báo ngoài papa chỉ còn lèo tèo vài đồng chí lai vãng: anh Bằng, Kính, anh Cống, bác Thắng... Rồi tình hình giữa Việt và Pháp ngày càng căng thẳng, tự vệ thành xung đột với lính Pháp, hầm hố đào khắp nơi, dân chúng lũ lượt tản cư. Bất chợt một buổi sáng, Pháp tung quân tảo thanh Hàng Bún, xông vào tòa báo, bắt hết mọi người ra sân lục soát. Sau đó, với đáng điệu đảng đảng sát khí chúng áp giải, kẻ thì đi bộ, người bị lừa lên xe GMC chạy thẳng vào thành, giam trong những sà lim hôi hám. Súng nổ cả đêm, tôi bị giam chung với một số anh em thợ nhà in và lẫn lộn cả với mấy ông bà già cư ngụ cùng phố. Hoang mang không biết số phận papa, me và các bác, các chú trong tòa soạn ra sao! Sáng hôm sau may nhờ ủy ban Liêm Kiểm can thiệp mọi người được tha. Gặp lại papa, me mừng quá sức, hàn huyên đủ chuyện. Thấy tình thế không thể ở lại Hà Nội, papa quyết định tản cư về quê ngoại. Ngay chiều hôm sau chúng tôi xuống phà đen lên tàu thủy xuôi Nam Định. Hôm ấy là ngày 19-12-1946.

Papa bị Việt Minh bắt

Tàu chạy được ít lâu thì thấy rục rủa phía Hà Nội, mọi người xôn xao bàn tán, chắc là đánh nhau to rồi! Mờ sáng hôm sau tàu giạt vào bờ bên Mễ vì sợ tàu bay bắn phá. Chúng tôi phải tạm ngụ ở làng ven sông rồi sau thuê xe tay đi về quê.

Hai ngày sau mới về tới Dịch Diệp, quê me tôi, cách tỉnh lỵ Nam Định chừng 20 cây số, một làng rất trù phú, nhà gạch san sát, tiếng khung cửa dật khăn mặt lách cách khắp nơi. Sắc mặt papa có vẻ vui hơn, không còn đăm chiêu như mấy ngày ở Hà Nội nữa. Thoát được thẳng Tây là đỡ rồi, từ nay cũng tạm yên.

Vài hôm sau, một chiều hai thanh niên mặt lạ tới “mời” papa lên huyện. Cả nhà thất sắc nhưng papa chỉ vào cái phù hiệu của Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam do chính tay Trần Huy Liệu tặng còn gắn ở ve áo, bình tĩnh nói “Chắc không có chuyện gì đâu, để tôi đi xem sao, bây giờ kháng Pháp là lúc cần đoàn kết, đâu có chuyện bắt bớ bậy bạ!”

Băng đi vài ngày không thấy tăm hơi gì, me tôi cho người đi dò la tin tức trên huyện Trực Ninh thì được biết papa đã bị giam và sắp bị giải đi nơi khác. Tôi cùng một người nhà vợ lên Cổ Lễ rồi đi dọc theo đường cái tới huyện. May mắn thay trên đường đi lại gặp một đám người lẫn lộn trong đó hình như có papa. Anh người nhà kêu lớn:

“Ông Tú!”

Đúng papa tôi rồi, tôi chạy vội lên:

“Papa, con đây!”

Khuôn mặt vỡ vàng, mắt như sâu lại dưới gò má, tôi để ý, trên ve áo cái phù hiệu của Trần Huy Liệu tặng ngày nào không còn nữa!

Papa dừng chân lại: “Triệu, con về đi. Me con cuốc đất trồng rau sống qua ngày. Papa đi lần này không biết ra sao!”

Tôi run lẩy bẩy nắm lấy cánh tay gầy guộc của papa, nhưng một thanh niên, ý chừng là công an sẵn giọng: “Đi ngay, đường còn xa!”... Tôi lặng người nhìn theo bóng papa xa dần rồi khuất hẳn sau những ụ đất phá hoại trên đường liên tỉnh. Trở về nhà báo tin, cả nhà bồn chồn lo lắng. Tình hình chiến sự lan rộng, tàu chiến Pháp đi dọc theo sông Hồng bắn phá làng mạc hai bên bờ đê, tàu bay bà già vùn vù lâu lâu lại tuồn ra một loạt đạn vu vơ. Trong thời gian này, me cho người đi dò la khắp nơi tìm tin tức papa, lại viết rất nhiều đơn lên ủy ban Hành kháng tỉnh để xin cứu xét. Nhưng tất cả đều như chìm sâu trong sương mù vô vọng.

Rồi tết Đinh Hợi qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rục rịch tản cư thì bất chợt, papa trở về. Một công an mang phù hiệu “Công an Thành Nam Định” hẳn hoi đi kèm. Trong lúc chờ nhà sửa soạn bữa cơm papa cho biết: “Bị bắt lên Trục Ninh, sau giải sang Lạc Quan, bị giam ở đó sợ lắm vì mỗi lần báo động oanh tạc chúng chạy hết còn tù thì xích chân lại cho trong đồn, cố ý mượn tay thằng Tây giết mình. Có lần tàu bay bắn phá may mà không sao.

Hôm nay có lệnh giải đi nơi khác vì vùng này mất an ninh, nhưng không biết đi đâu.” Rồi papa hạ giọng: “Hôm trước nó hỏi về thằng Triệu con anh Tam, tôi có khai là nuôi nó từ bé, nó không biết anh Tam là ai cả.” Trong lúc papa ngồi ăn vội vã, tên công an vẫn lão đảo ngoài hiên lừ lừ nhìn mọi người. Thấy me khóc nức nở hẳn đến gần nói mấy câu: “Cứ yên tâm, sẽ có ngày về, chính sách chính phủ bao giờ cũng đại đoàn kết để kháng Pháp.” Ăn xong lên đường, tên Công An còn ngoảnh lại nói như máy:

“Đến nơi sẽ có tin về nhà ngay, không sao cả, cứ yên tâm!”

Khi papa ra đã tới gần đầu ngõ, me tôi chợt nhớ vội gói mấy quả cam đường vào tờ kinh cứu khổ rồi bảo tôi: “Con chạy theo đưa papa mau lên, nói papa nhớ tụng kinh luôn, lạy trời phật cho tai qua nạn khỏi.”

Tôi chạy theo đưa papa nói vội:

“Cam đường papa nhớ ăn, kinh cứu khổ papa nhớ tụng!”

Tôi đi theo đến đầu làng, dáng papa thất thểu vác tay nải mệt nhọc đi trước, tên công an vạm vỡ đi theo sau. Đi mãi, đi mãi rồi khuất hẳn sau dãy tre, chắc là đi về phía sông Hồng xa lác đắng kia. Tôi bàng hoàng trở về nhà, miệng còn lẩm bẩm:

“Tội nghiệp, không biết papa mình có nhớ ăn cam đường và tụng kinh cứu khổ không?”

...

Từ cái ngày đó về sau, tôi không còn được gặp lại “papa tòa báo” nữa.

Thế Uyên, Thái Độ và những kỷ niệm rời Nguyễn Tường Giang (BS)



Thế Uyên – Nguyễn Tường Giang
(ảnh DC – Maryland 1997)

Tôi đang coi chương trình thể thao trên truyền hình thì Phương Lan, con gái đầu của Duy Lam. gọi tới : chú Giang ơi, chú Dũng mất rồi. Nghe giọng rất xúc động của cháu, tôi an ủi : chú Dũng cũng đau đã lâu rồi, nằm như cây cỏ. chú mất đi cũng là điều tốt cho chú và gia đình, nhất là cô Thúy. Tôi hỏi về giờ Thế Uyên mất. “ Chú Dũng mất lúc 05 giờ chiều giờ bên Seattle, Di vừa báo tin cho cháu”. Tôi nói với Oanh : ông Dũng mất rồi, cũng là một đời người. Vợ tôi không nói gì, chỉ nắm lấy tay tôi, bóp khẽ.

Đó là buổi chiều một ngày trong một tháng gần cuối năm 1965. Tôi vừa ăn cơm xong thì Thế Uyên tới, dựng chiếc xe gắn máy cũ ở gốc cây sung trước nhà. Thế Uyên chào mẹ tôi, hỏi thăm sức khỏe bà. Thế Uyên mặc bộ đồ trận bộ binh đã bạc màu, da ngăm đen, gầy và cao.

"Tôi có chuyện cần nói với Giang. "

Tôi hơi ngạc nhiên vì tôi chỉ gặp Thế Uyên vào những dịp giỗ tết. Thế Uyên hoạt động văn hóa đã lâu, đã có truyện ngắn xuất bản, một số truyện tôi rất thích. Tôi đang học y khoa, đã có một thời gian hoạt động chống chính quyền, như biểu tình chống chế độ Ngô Đình Diệm trước 1963, chống Hiến Pháp Vũng Tàu thời tướng Nguyễn Khánh, tham gia vài cuộc biểu tình chống quân đội đàn áp tôn giáo mới đây, nhưng chỉ là những hành động bắt nguồn từ tuổi trẻ hăng say, không xu hướng chính trị. Sau vài lời thăm hỏi và bàn về tình hình chính trị , Thế Uyên đề nghị hợp tác trong việc thành lập nhóm văn hóa Thái Độ, với mục tiêu dùng văn hóa để cải tạo xã hội như thời Tự Lực Văn Đoàn, không Cộng sản và không Tư bản, lấy tinh thần Quốc gia làm căn bản và Xã hội chủ nghĩa để thực thi công bằng xã hội, mô hình như các nước xã hội Bắc Âu.

Lúc đó quân đội Mỹ đã công khai hiện diện ở Việt nam, đem theo những sinh hoạt ngoại vi làm bất mãn những người tuổi trẻ, và chiến tranh bắt đầu tăng cường độ, tin tức đã rất phổ biến ở Sài gòn. Những xáo trộn chính trị và tôn giáo mới được giải quyết bởi nhóm cầm quyền quân nhân, ở tuổi 23 đầy nhiệt huyết, tôi không ngần ngại tham gia làm việc với Thế Uyên, một người anh họ tôi đã biết từ hồi còn nhỏ, giữa hai gia đình nghèo nhất họ, gia đình tôi và gia đình Thế Uyên.

Một buổi tối đã hẹn trước, tôi đến nhà Thế Uyên cho buổi họp đầu tiên của nhóm Thái Độ. Ở đó đã có mặt những thành viên ban đầu của nhóm, đa số là họ hàng quen biết như Nguyễn Tường Thạch, Nguyễn Tường Thiết, Nguyễn Tường Đăng, Nguyễn Đông Ngạc (em rể Thế Uyên). Chỉ có hai người tôi chưa gặp bao giờ là thi sĩ Chu Vương Miện và Trần Kỳ, hai người Thế Uyên quen biết ở vùng Cao Nguyên, và Trần Kỳ được giới thiệu là một nhân viên cũ của nha Thượng vụ (sau 1975 Trần Kỳ hiện nguyên hình là thiếu tá Việt cộng, được cài vào để theo dõi Thái Độ).

Chúng tôi ngồi vòng tròn chung quanh một cái bàn gỗ thông, đóng giản dị và thấp. Có trà và bánh đậu xanh, rất thịnh hành cho các buổi họp mặt thời đó. Thế Uyên trình bày mục tiêu và lý do thành lập nhóm văn hóa Thái Độ và thủ tục trở thành thành viên của nhóm. Lần lượt mỗi người tự nói tên và thắp một ngọn nến nhỏ cắm lên bàn, với ý nghĩa : "Thà thắp một ngọn nến nhỏ còn hơn ngồi nguyên rùa bóng tối". Chúng tôi bàn đến phương thức in tờ báo bằng ronéo, các chủ đề sẽ thực hiện, phân công bài vở, phương thức phổ biến và nhất là tài chính vì tất cả các thành viên hoặc chưa làm việc hoặc có công việc với đồng lương tượng trưng, thuộc diện nghèo. Thiết và Thạch được giao công tác phỏng vấn các nhân sĩ, các nhà cách mạng như Phan Khắc Sửu, Phan Quang Đán, Trần Văn Tuyên... vì có nhiều điều kiện thuận tiện và đường dây liên lạc, do là con của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Tôi và Trần Kỳ, sau thêm Nguyễn Đông Ngạc được giao đi phỏng vấn các nhân vật tôn giáo : các thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh, Thích Đức Nhuận, Thích Hộ Giác, các linh mục Chân Tín, Tự Do, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Càn và Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, đa số là những nhân vật có khuynh hướng thiên tả và chống chính quyền quân nhân.

Báo được in bởi nỗ lực của các thành viên, chia phiên quay ronéo trong những điều kiện tồi tệ, mái tôn bằng chát, không gian chật hẹp, thực phẩm và nước uống thiếu thốn và nhất là vì điều kiện kinh tế và an ninh, phải di chuyển nhiều địa điểm khác nhau. Việc phân phối và phổ biến báo, vì là báo chui, bất hợp pháp nên rất khó khăn. Ngoài những số báo phổ biến cho thân hữu, với sự đóng góp tùy hỉ, thường là với tinh thần cổ vũ và giúp đỡ, báo còn được bày bán kín đáo ở phía trong nhà sách Khai Trí và một quầy báo ở góc đường Lê Lợi và Pasteur, quầy báo nổi tiếng về các sách bị cấm bán (kiểm duyệt) và các báo không có giấy phép. Ở quán báo này tôi hay gặp một đồng nghiệp (sau này) và là một sinh viên tranh đấu là bác sĩ/nhà văn Ngô Thế Vinh, tôi giới thiệu báo Thái Độ và có những liên lạc khá mật thiết giữa Thái Độ và Ngô Thế Vinh, sau này Nhóm Thái Độ in cuốn Vòng Đai Xanh của Ngô Thế Vinh, một cuốn sách không làm vui lòng chính quyền. Từ báo Thái Độ bắt đầu được biết nhiều trong giới sinh viên, học sinh và giáo chức có tâm huyết thời đó, cùng thời với một số tạp chí cùng khuynh hướng khác như Hành Trình, Đất Nước.

Nhóm Thái Độ bắt đầu mở rộng vòng hoạt động bằng cách kết nạp thêm các thành viên. Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn là hai thành viên mới, có lẽ do Thế Uyên kết nạp vì liên hệ giáo chức (Trần Triệu Luật dạy học ở Võ Trường Toản cùng Thế Uyên) và liên hệ văn hoá, Nguyễn Trọng Văn viết nhiều bài phê bình và lý luận văn học. Vào thời điểm có phong trào đòi hỏi dạy tiếng Việt ở các trường đại học, chống ảnh hưởng văn hóa Tây phương, mà tôi là một thành viên ở trường y khoa, tôi và Thế Uyên đi tiếp xúc và kết nạp hai thành viên của phong trào là giáo sư Nguyễn Tử Quý mới ở Mỹ về và giáo sư /nhà biên khảo sử địa Nguyễn Huy. Sau đó có thêm giáo sư triết Nguyễn Tử Lộc, em ruột Nguyễn Tử Quý, cũng trở thành thành viên của nhóm. Thái Lăng từ Đà Lạt gửi về tập truyện ngắn Sương Mù Xám, có khuynh hướng phù hợp với chủ trương của nhóm. Nguyễn Đông Ngạc được gửi lên Đà Lạt để kết nạp hợp tác, đồng thời có thêm thân hữu Nguyễn Quang Tuyền, Trần Hữu Lục, đều là nhà văn, nhà giáo.

Với sự tham dự của nhiều thành viên mới, các buổi họp trở nên sôi động hơn, nhiều cuộc tranh cãi được mở rộng trên địa bàn lý thuyết và hành động, giữa chủ nghĩa Quốc Gia do Nguyễn Huy trình bày trên căn bản lịch sử và tiến triển trên thế giới, Xã hội chủ nghĩa theo Cộng sản như một mệnh đề bất biến, bất khả kháng theo Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn, và Cách mạng xã hội không Cộng Sản như Thế Uyên và những thành viên đầu tiên chủ trương. Cái gì phải đến sẽ đến, trong một buổi tranh luận gay go và không có thể thỏa hiệp, Nguyễn Tường Đăng có nói, nửa đùa nửa thật, nếu tin vào Cộng sản thì chỉ có một con đường là vào bưng mà chiến đấu. Trần Triệu Luật và Nguyễn Trọng Văn rút lui khỏi nhóm, hoạt động với một tổ chức sinh viên thiên tả. Sau đó, Trần Triệu Luật vào bưng và chết vì bom B52.

Nhóm văn hóa Thái Độ vẫn tiếp tục hoạt động, nhưng càng ngày càng bế tắc, một phần là chính phủ bắt đầu dòm ngó đến những hoạt động văn hóa phản chiến, một phần là các sinh hoạt bị xâm nhập bởi những người bên kia, như trường hợp một thành viên mới là nhà thơ Phan Trước Viên ở Đà Nẵng, bị bắt và phát hiện là đảng viên Cộng sản đã bảy năm, do nhà văn Duy Lam khi muốn can thiệp dùm cho Thế Uyên và nhóm Thái Độ báo tin. Nhóm Thái Độ, cũng như các nhóm Quốc Gia anh hùng mã thượng khác, vẫn góp tiền, mua gạo giúp đỡ gia đình Phan Trước Viên. Phan Trước Viên sau đó tự tử chết sau khi được tha.

Tình hình đất nước ngọt ngào vì chính phủ quân nhân Nguyễn Cao Kỳ và sự tham dự càng ngày càng nhiều của quân đội Mỹ. Dân chúng nghèo khổ trong khi sự xa hoa do người Mỹ và các giới chức liên hệ được phô bày lộ liễu. Phía Cộng Sản mở nhiều cuộc tấn công hơn và đã có nhiều tổn thất về phía Việt Nam Cộng Hòa được thông tin về thành phố. Thế Uyên từ lâu đã tập hợp được nhiều sĩ quan cấp úy và cấp tá, dự trữ lực lượng để ủng hộ một tướng lãnh có tài và có lòng, có thể thực hiện một cuộc cách mạng kiểu Nasser ở Ai Cập hay Park Chung Hee ở Đại Hàn. Các tướng Nguyễn Chánh Thi hay Nguyễn Cao Kỳ không được coi là người có tài đối với cả nhóm. Mặc dù không ưa những người Cộng Sản, đa số vẫn mơ tưởng tới những lãnh tụ và chuyên viên cách mạng như Fidel Castro và Che Guevera. Malcom X và Martin Luther King

Jr. cũng là những tên tuổi ảnh hưởng đến suy nghĩ của nhiều người yêu nước, muốn tìm một lối thoát tốt đẹp cho miền Nam.

Phong trào phản chiến bắt đầu có ảnh hưởng mạnh với những sách được truyền tay như Hoa Sen Trong Biển Lửa của Thượng tọa Thích Nhất Hạnh hay Fire In The Lake của Frances FitzGerald, cùng với cao trào nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn, Tôn Thất Lập, Miên Đức Thắng và Bob Dylan hay Joan Baez ở Mỹ. Một số lớn thơ của các nhà thơ trẻ đều mang chất liệu chống chiến tranh như Trần Quang Long, Thái Luân, Đỗ Nghê, Nguyễn Tường Giang, Phùng Kim Chú, Phan Lạc Giang Đông... Thái Độ cho ấn hành một tập thơ với chủ đề chiến tranh và ước vọng hòa bình với thơ của Nguyễn Đông Ngạc, Chu Vương Miện, Nguyễn Tường Giang, Phùng Kim Chú, Phan Lạc Giang Đông, Chu Trầm Nguyên Minh...

Chính quyền đã bắt đầu thắt chặt an ninh báo chí, Thái Độ in ronéo phải tạm ngưng. Thế Uyên nhờ một đường dây quen biết qua Duy Lam, vận động xin được giấy phép in tạp chí Thái Độ công khai, chúng tôi gọi là Thái Độ Xám, nhưng chỉ được một hai số cũng bị cắt giấy phép. Đồng thời với sự bế tắc và không có đường hướng phát triển tương lai cho nhóm, cộng với tình hình leo thang chiến tranh của đất nước, những tranh cãi nội bộ xảy ra nhiều hơn về phương thức hành động và nhất là sự thiếu uyển chuyển trong cư xử cũng như thảo luận của Thế Uyên, một số thành viên như Nguyễn Huy, Nguyễn Tử Quý, Nguyễn Tử Lộc bớt tham dự và sau cùng rút khỏi nhóm. Một lý do khác là tất cả các buổi họp đều có mặt của Nguyễn Thúy Sơn, vợ Thế Uyên, trước đó không tham dự vào những tranh cãi của các thành viên, nhưng sau này hay cho những ý kiến bên vực Thế Uyên khi bị tấn công. Đối với đa số chúng tôi có liên hệ họ hàng nên không thấy có vấn đề gì và cũng muốn tỏ ra tôn trọng ý kiến phụ nữ, nhưng với một số thành viên khác thì chướng mắt và không nghiêm chỉnh. Nguyễn Huy, một lần được hỏi ý kiến một vấn đề đang bàn cãi, đã nửa đùa nửa thật: “để tôi về nhà hỏi ý kiến vợ tôi đã”.

Cuộc tấn công Tết Mậu Thân xảy ra, Thế Uyên bị gọi trở lại quân đội và làm giảng viên cho chương trình Quân Sự Học Đường, các thành viên khác hoặc bị gọi vào trường sĩ quan Thủ Đức hoặc thay đổi công việc, chỉ còn nhà giáo Nguyễn Đông Ngạc, nhà văn Thái Lăng, Trần Kỳ và tôi còn liên lạc thường xuyên với Thế Uyên. Nhóm quân nhân của Thế Uyên vẫn còn giữ tổ chức, văn hóa bị xếp lại, Thế Uyên quay sang viết sách giáo khoa và dịch sách để bù vào thiếu thốn tài chánh cho gia đình. Những thành viên cũ không còn lại bao nhiêu, dự tính vận động kết nạp thêm các thành viên mới gặp nhiều khó khăn, một phần do hậu quả của trận chiến Tết Mậu Thân, một phần là sự cứng rắn, thiếu tế nhị trong giao tiếp của Thế Uyên. Tôi và Nguyễn Đông Ngạc đã có lần nói với Thế Uyên: ông nên lui vào bóng tối, chỉ để chúng tôi liên lạc và vận động. Dĩ nhiên Thế Uyên không đồng ý và tuyên bố giải tán Thái Độ. Dù sao, tôi, Ngạc, Lăng, Trần Kỳ và mấy người trong gia đình vẫn liên lạc và sinh hoạt đều đặn với Thế Uyên, nhưng trong tinh thần bằng hữu và đồng chí cũ. Nguyễn Đông Ngạc bỏ nhiều thì giờ in sách, lập nhà xuất bản Sóng, thành công khi xuất bản Chuyện Tình (dịch Love Story của Erich Segal), Hồi Ký Gia Đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế (em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo, chị của Thạch Lam và cũng là mẹ của Duy Lam và Thế Uyên) và cuốn Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta (đầy đủ tiểu sử và quan niệm viết văn của 45 tác giả miền Nam). Nguyễn Tường Thiết về trông coi nhà xuất bản Phương Giang của nhà văn Nhất Linh. Thái Lăng vẽ tranh và trông coi nhà in. Trần Kỳ đi dạy học tư thục. Tôi cùng một số bạn bè xuất bản Tập San Văn Chương, một tạp chí thuần túy văn chương và nghệ thuật, đồng thời thành lập nhà xuất bản Thạch Ngự.

*

Cách đây hai năm tôi bay qua Seattle cùng Nguyễn Tường Thiết đến dự kỷ niệm năm mươi năm ngày cưới của vợ chồng Thế Uyên, không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp Thế Uyên. Vẫn như thói quen mỗi lần chúng tôi gặp nhau là nhắc đến chuyện ngày xưa, những kỷ niệm cùng các bạn bè, kể sống người chết, mỗi người lưu lạc một phương. Thế Uyên hồi này đã thôi viết, lâu lâu con trai lại đưa đến một sòng bài trong khu đặc quyền của người Da đỏ để kéo (bấm) máy. Vẫn là Thế Uyên, khi nói đến thú vui này luôn luôn xác quyết: các ông hiền lành quá,

không biết chơi bài có nhiều cái rất thú vị, nhất là nhìn thấy những cầu vồng, chim bay hiện ra trên mây, như một bức tranh. Tôi, Thiết và mấy người bạn chỉ cười. Chúng tôi vẫn biết Thế Uyên có tính rất chủ quan, khi biết hoặc thưởng thức một bản nhạc, ăn một món ăn ngon tại một tiệm ăn nào đó, đọc một cuốn sách hay xem một phim mới được chiếu... Thế Uyên luôn luôn nghĩ mình là người đầu tiên hay độc nhất khám phá ra và rất hãnh diện vì sự hiểu biết này. Có lẽ đó là một tính thơ ngây đáng yêu của Thế Uyên và làm cho Thế Uyên luôn yêu đời và đầy tự tin. Đối với chúng tôi đã quá quen thuộc nên không để ý, nhưng tôi đã nhiều lần nghe bạn bè nói gần nói xa, phê phán về bản tính đó. Nhất là một tính đặc thù khác của Thế Uyên là tính ca tụng vợ, Thi/Thúy Sơn, không những trong giao thiệp xã giao mà còn rất nhiều trong văn chương. Một nhà bình bút một lần ngồi ăn với tôi, cười nói: ông nói ông Thế Uyên nhà ông bót ca tụng vợ đi cho anh em nhờ. Tôi cười: ông để ý làm chi, ai mà không coi vợ mình là đẹp nhất. Cái tính này cũng làm một số bạn bè thân rời bỏ Thế Uyên vì Thế Uyên nghĩ ai cũng để ý và mê vợ mình. Nhưng đối với tôi, vợ chồng Thế Uyên đúng là một cặp uyên ương, theo nghĩa đúng nhất, hai người không thể thiếu nhau. Bây giờ nhìn Thế Uyên và vợ cùng con cháu họp mặt đầy đủ, tôi thấy Thế Uyên là một người hạnh phúc. Thế Uyên và vợ cùng nhau thổi tắt những ngọn nến cắm trên bánh cưới kỷ niệm, cái bánh cưới mà trước đây 50 năm, khi hai người thành vợ chồng đã không có. Một cháu gái lớn đọc một bài thơ bằng tiếng Anh tặng ông nội, một cháu gái khác hát một bài hát mừng kỷ niệm ngày cưới. Thế Uyên ngồi đó, trên chiếc xe lăn, hồn nhiên thưởng thức chiếc bánh ngọt, trông ngây thơ như một đứa trẻ. Thế Uyên càng về già, người mập ra và dáng dấp giống hệt mẹ, tôi tưởng như nhìn lại hình ảnh của bà cô tôi, như mới ngày nào đây. Hình ảnh của mẹ và vợ luôn luôn đầy ắp trong văn chương Thế Uyên, hai nhân vật nữ ảnh hưởng sâu xa đến cuộc đời của Thế Uyên.

Tôi quen biết Thế Uyên đã bao lâu, có lẽ gần cả cuộc đời của tôi. Khi gia đình tôi ở hậu phương được bà nội cho người đón về, bà nội gửi gia đình tôi tá túc ở nhà bà cô tôi, mẹ Thế Uyên, ở Hải Phòng rồi Hà Nội. Nhưng hồi đó tôi còn nhỏ quá và ham chơi cùng em trai của Thế Uyên, cùng tuổi tôi, nên không có một kỷ niệm nào đáng nhớ. Tôi chỉ nhớ một lần Thế Uyên được bố sai đi mua bánh mì baguette mang về, được bố cho một phần bánh mì với bơ Bretel, Thế Uyên bẻ cho tôi một miếng nhỏ và đó là lần đầu tiên tôi được thưởng thức món ăn tây phương. Gia đình tôi và gia đình Thế Uyên là hai gia đình nghèo nhất họ, và vì thế chúng tôi là học sinh và sinh viên nghèo kinh niên. Nhưng với Thế Uyên thì cái nghèo đã đeo đuổi suốt cuộc đời. Tôi còn nhớ thời kỳ gia đình Thế Uyên ở một căn nhà xây tự túc rất thô sơ trên phần đất hoang nhỏ thuộc cư xá công binh, căn nhà nhỏ đến độ ai cũng nhìn thấy nhau và đi lại phải cẩn thận tránh né, căn nhà Duy Lam mô tả trong Gia Đình Tôi, luôn luôn trong tình trạng “tu tiên” (không đủ thức ăn). Một buổi tối đến thăm gia đình bà cô, gặp Thế Uyên cho coi một truyện ngắn tôi không nhớ tên, ký với bút hiệu Vi Lao. Tôi hỏi Thế Uyên Vi Lao nghĩa là gì. Thế Uyên nói là lấy từ hai câu thơ của Lý Bạch: “Xử thế nhược đại mộng, Hồ vi lao kỳ sinh”. Không ngờ hai câu thơ đó lại vận vào tính tình của tôi và không có một chút ảnh hưởng nào trong đời sống của Thế Uyên, một người rất năng nổ trong mọi công việc, ham hoạt động và phiêu lưu.

Thế Uyên lang bạt kỳ hồ, khi lập gia đình tôi cũng không được biết. Sau khi lấy vợ và có con, đã ở trong quân đội và hành nghề giáo chức, Thế Uyên cũng không thoát khỏi cảnh nghèo. Tôi đã không ít lần phải dọn nhà giúp cho Thế Uyên vì toàn là nhà thuê, và nhà nào cũng chỉ như một căn lều, ở sâu trong các hẻm lao động, mùa mưa lụt lội phải xắn quần men theo những bờ đất quen mới vào thăm Thế Uyên được. Căn nhà tương đối tốt đẹp nhất là căn nhà thuê trong cư xá sĩ quan Chí Hòa, nơi có một thời tôi cũng là láng giềng, và cũng là căn nhà tôi đến ăn giỗ cùng Nguyễn Đông Ngạc khoảng một tháng trước ngày 30 tháng tư 1975. Tuy nghèo, sống trong tình trạng thường trực thiếu thốn, vay mượn thường xuyên mỗi tháng, thậm chí có khi phải qua nhà Chu Việt vay gạo ăn, nhưng Thế Uyên lại là người hào phóng với bạn bè. Những khi có một số tiền đặc biệt như tiền bản quyền sách dịch, sách giáo khoa, hoặc đầu tháng lãnh lương, Thế Uyên lại vội vàng rủ tôi hoặc Nguyễn Đông Ngạc hay một vài bạn bè khác đi uống cà phê hoặc uống bia. Nơi chúng tôi thường xuyên đến là quán Lú, quán Hàm Gió, quán Đa La.

Chúng tôi đã thử cần sa trong khi nghe nhạc Phạm Duy, Trịnh Công Sơn ở quán Lú, xem và nghe Đức Huy, Tuấn Ngọc trình diễn nhạc của Simon và Garfunkel ở Hàm Gió, và nhiều khi tiêu thụ cả một hai két bia, nghe nhạc trẻ của ban Phượng Hoàng cùng Elvis Phương ở quán Đa La. Tôi cũng đã nhiều lần nghe bạn bè than phiền về tính thiếu sòng phẳng của Thế Uyên, nhưng tôi không nghĩ đó là bản tính của Thế Uyên, có thể là vì lúc đó có những nhu cầu thiết yếu, và Thế Uyên luôn nghĩ trong hoàn cảnh như thế, bạn bè phải thông cảm lẫn nhau. Thế Uyên là người có tài trong văn chương, có lòng với đất nước, nhưng không được thời thế đãi ngộ. Cũng như rất nhiều nhà văn của miền Nam và những người có tâm huyết tranh đấu cho một quê hương tốt đẹp trước 1975. Sau khi miền Nam sụp đổ, Thế Uyên cũng như một số nhà văn, nhà giáo, quân nhân khác bị đưa đi học tập cải tạo.

Tôi vừa đi dự lễ cầu siêu cho Thế Uyên, do các cháu con của Duy Lam tổ chức ở Tu Viện Vạn Hạnh vùng Centreville, Virginia. Sau khi ngồi nghe tụng kinh và lễ cầu siêu hơn một giờ đồng hồ, hai chân đau như, lúc đứng dậy phải vịn vai mấy đứa cháu, mới thấy mình đã già. Ngồi ăn bữa cơm chay cúng dường, tôi cùng Duy Lam, Chu Việt, Nguyễn Tường Đăng lại quanh quẩn nhắc đến những kỷ niệm với Thế Uyên và Thái Độ. Duy Lam khoe là đã viết một bài 25 trang gửi cho Da Màu về những kỷ niệm với Thế Uyên và cho biết đó chỉ là một phần nhỏ những điều Duy Lam muốn và sẽ viết về Thế Uyên. Nguyễn Tường Đăng nhắc lại những bạn bè sinh hoạt ngày xưa, luôn nhắc tới mấy câu thơ của Phan Trúơc Viên: "Này là hận thù này là tình thương cao ngất, cao hơn nóc hầm của mẹ tránh bom, cao hơn cây đa hồi chưa tróc gốc, cao hơn đình làng có đôi tổ chim". Có thể đó là những dấu ấn khi Nguyễn Tường Đăng cùng tôi tản cư ở một làng quê heo hút vùng Nhã Nam, Yên Thế. Chu Việt thì đã hơi nghễnh ngãng, nhắc lại những kỷ niệm khi đi xin giấy quay ronéo cho Thái Độ do một người bạn ở nha quân nhu cung cấp và dịch Les Centurions của Jean Lartéguy cho Thái Độ Xám. Thời đó nhà của Chu Việt tương đối khang trang và khá rộng rãi nên thường được Thái Độ mượn cho những sinh hoạt văn hóa ngoại vi. Những ngày Phạm Duy mang đàn đến hát và Tạ Tỵ ngồi vỗ tay trên đùi luôn miệng : hay thật, hay thật. Những buổi ngâm thơ của nhóm, tiệc trà bánh ngọt tiếp bạn bè thân hữu ủng hộ Thái Độ. Buổi tổ chức nghe Miên Đức Thắng hát nhạc của chính tác giả, nhưng bàn nhạc rất nặng về tình tự quê hương, chiến tranh tàn phá và ước vọng hòa bình.

Bây giờ đã gần 50 năm qua rồi. Duy Lam báo tin là sắp triển lãm tranh tại một câu lạc bộ văn hóa Mỹ địa phương, triển lãm đầu tiên của một họa sĩ Á châu. Tôi nhìn Duy Lam và nhớ đến Thế Uyên. Hai anh em đều có một sức sống mãnh liệt, sáng tác và hoạt động không ngừng nghỉ, đầy những ảo tưởng về hào quang văn hóa và chính trị và đầy lòng kiêu hãnh về những thành quả của mình. Tôi tự hỏi có phải là do tính di truyền của mẹ, em ruột của Nhất Linh, Hoàng Đạo và chị của Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách. Tháng trước khi đi dự đám tang của chú tôi, nhà văn nhà cách mạng Nguyễn Tường Bách, tôi cũng rất hồ thẹn khi được nhắc lại chú tôi di cư đến Mỹ khi đã 72 tuổi, nhưng ông đã rất hăng say viết sách, hoạt động chính trị và để lại những dấu ấn sâu đậm cho cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Một sự trùng hợp thú vị là cả chú Nguyễn Tường Bách và cháu Thế Uyên đều từ bỏ Quốc Dân Đảng và chủ trương "Cách Mệnh Xã Hội" theo mô hình các nước Bắc Âu*. Một người sống bên Trung Quốc, một người sống ở miền Nam Việt Nam, không thư từ liên lạc, cách nhau 16 năm đều có những suy nghĩ giống hệt nhau và cùng thất bại. Phải chăng Cách Mạng Xã Hội Không Cộng Sản chỉ là một ảo tưởng của những người lãng mạn và cả hai đều là những người lãng mạn cuối cùng của thế hệ Tự Lực Văn Đoàn.

Còn tôi, không biết là vì tính di truyền từ người cha mất sớm hay vì trí nhớ đã in đậm dấu hai câu thơ của Lý Bạch: "Xử thế nhược đại mộng, Hồ vi lao kỳ sinh" mà Thế Uyên đọc cho nghe khi còn trẻ, để cho đến bây giờ, ở tuổi trên bảy mươi, vẫn cảm thấy đời mình là một khoảng không.

01 tháng 7 năm 2013.

(*) Tháng 3. 1949 chúng tôi thoát ly Quốc Dân Đảng và thành lập nhóm “ Cách Mệnh Xã Hội” với chủ trương chống chuyên chính vô sản và tư bản bóc lột; thực hiện một chế độ “xã hội chủ nghĩa” nhưng không độc tài theo lối Bắc Âu. Tờ báo Cách Mệnh Xã Hội ra được vài số rồi ngưng xuất bản. (Lâm Lễ Trinh: Mạn Đàm Với Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách).

Vào những năm chót 60 và đầu 70, ở Sài Gòn xuất hiện một nhóm văn hoá lấy tên là THÁI ĐỘ... Mục đích là để tiến tới thực hiện một cuộc cách mạng không cộng sản, theo một khuôn mẫu tương tự các nước xã hội Bắc Âu như Na-uy, Thụy-điển... Chúng tôi tin tưởng rằng chỉ có phương sách thực hiện cuộc cách mạng xã hội (không cộng sản) mới thắng được Cộng sản. Đối với chúng tôi, tiếp tục chiến tranh hiện nay chỉ có ý nghĩa nếu cuộc chiến này (với sự trợ giúp của quân đội Mỹ) là một ngăn bờ, một cầm cự để những người quốc gia có đủ thì giờ làm cách mạng. (Thế Uyên: Nhóm Thái Độ; Những Người Lãng Mạn Cuối Cùng.)

Phụ đính :

Văn chương Nguyễn Tường Giang: Trầm tích định mệnh khác Du Tử Lê

Thừa hưởng huyết thống văn chương tài hoa của thân phụ, nhà văn Thạch Lam/Nguyễn Tường Lân, theo tôi nếu Nguyễn Tường Giang không viết văn, không làm thơ, mới là điều đáng ngạc nhiên. Và, đáng tiếc!

Bước vào thế giới thơ, văn từ những năm còn là sinh viên Đại Học Y Khoa Saigon đầu thập niên (19)60, nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tường Giang từng cộng tác với các nhóm văn hóa như Thái Độ, Đất Nước. Ông cũng là một trong những thành viên chủ trương tạp chí Văn Chương, thành lập nhà xuất bản Thạch Ngũ. Ở hải ngoại, Nguyễn Tường Giang đi tiếp con đường chữ, nghĩa thừa hưởng từ thân phụ, qua những sáng tác đăng tải trên các tạp chí như Văn, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21... Nhưng, mãi tới hôm nay, họ Nguyễn mới cho ấn hành tuyển tập thơ, văn đầu tiên “Khói Hồ Bay” ở quê người.

Với gần 400 trang sách khổ lớn, mẫu bìa trang nhã tới mức khiến người đọc bỗng cảm thấy muốn nâng niu, phải gượng nhẹ. Tựa nếu không, hương khói văn chương họ Nguyễn, có thể bất bình mà, bay mất!

Trong lời tựa, trước khi mở vào tác phẩm, nhà văn Phạm Phú Minh ghi nhận một giai đoạn thơ của Nguyễn Tường Giang như sau:

“Nỗi buồn (trong thơ Nguyễn Tường Giang) tồn tại như một phẩm hạnh của tâm hồn nhà thơ, nó xác nhận một cái gì bất biến nơi ông, trước những biến đổi cực kỳ lớn cho đời ông cũng như cho đất nước Việt Nam. Dù phải hoàn toàn làm lại cuộc đời nơi xứ lạ, phong tục tập quán và văn hóa cuộc sống chung quanh đều thay đổi, nhưng trong thâm tâm ông đã kết tinh một viên ngọc của yêu thương lẫn đau thương, một loại trái tim Trương Chi không bao giờ tan biến. Đó là chỗ đáng yêu và đáng phục nhất của của tâm hồn Nguyễn Tường Giang, nằm ẩn một cách sâu xa và kín đáo trong tâm sự thi ca của ông...”

Cũng vậy, trước khi bước vào phần văn xuôi Nguyễn Tường Giang, nhà văn Nguyễn Tường Thiết viết về người em có chung một huyết thống với mình như sau:

“Khi chú Sáu của tôi (nhà văn Thạch Lam) qua đời năm 1942, tuổi của Giang lúc ấy tròn vẹn ba ngày. Khi bác Tam (Nhất Linh) của Giang mất năm 1963, tuổi tôi hai mươi ba.

“Với Giang, Thạch Lam là cái bóng trong tâm tưởng. Với tôi, Nhất Linh là cái hình trong hồi ức.

“Giang mở đầu một bài hồi ký về cha mình bằng một cái chết:

“Chết là giải thoát một đời. Chết là đầu bên kia của sợi dây ngày tháng. Một sớm kia, một tối nào. Tôi hay anh, cũng thế. Bên kia cái chết là nội cỏ ngàn cây hoa mộng hay bên kia cái chết là thẳng thốt khổ đau. Tôi đã nhìn thấy nhiều cái chết, nhiều khuôn mặt chết. Quá nhiều. Nhưng không bao giờ, mãi mãi, tôi có thể hình dung được một cái chết, một khuôn mặt chết thân yêu nhất và buồn bã nhất của đời tôi. Cái chết của cha tôi, Thạch Lam.” (Khói Hồ Bay - Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng).

Cách gì, nhìn từ góc độ nào thì, với tôi, cõi-giới văn chương của họ Nguyễn, vẫn tựa như kẻ ngậm ngùi tự lật những viên gạch một nền nhà xưa cũ, để tìm kiếm kho tàng quá khứ! Với hy vọng dò thấy mạch nguồn dĩ vãng. Một dĩ vãng đau đáu những mơ hồ của tâm cảnh nghiệt ngã hay, bản-án-không-văn-bản. Liên quan tới cái chết của người cha mà, ông gọi là “bản án sát nhân trong tâm hồn”:

“Sự ra đời của tôi, một đứa con trai, là tai họa cho ông. Một người đoán tử vi nào đó, năm 1942, khi mẹ tôi đang mang thai, đã nói nếu sinh con trai người cha sẽ chết. Khi mẹ tôi đi sinh, cha tôi đang đau nặng. Ông đau bệnh gì: bệnh lao vì làm việc và suy nghĩ nhiều. Ý chí muốn dứt bỏ cái thú phù dung, hay tại số. Tôi không thể định rõ được. Lúc người nhà về báo với ông đứa trẻ mới sinh ra là con trai, ông không nói gì, lặng lẽ coi tiếp tờ báo đang xem dở. Ba ngày sau, ngày 27 tháng 6, 1942, Thạch Lam mất. Sinh ra đời, buồn thay, nhiều khi đã mang bản án sát nhân trong tâm hồn.” (“Khói Hồ Bay,” trang 298)

Đó là một trong rất nhiều đoạn văn như những chiếc máy khoan đất đá, có khả năng dò tìm đáy tầng dĩ vãng. Nói cách khác, tôi nghĩ, họ Nguyễn đã tìm được kho-tàng-nguồn-cội, khi ông cắt ruột, xẻ gan lật những viên gạch nền nhà quá khứ của tâm cảnh ông.

Những tìm và thấy của Nguyễn Tường Giang (qua văn chương,) với tôi là những mạch ngầm định mệnh một đời người. Chúng ở đó. Vĩnh viễn. Chúng không hề là những sợi khói, để hy vọng tan biến, một ngày nào. Nỗi buồn như những thương tích thân tâm của họ Nguyễn cũng chấp chới ở nhiều độ sâu khác nhau. Mỗi độ sâu trong tâm cảnh đào xới, họ Nguyễn lại tìm và thấy những trầm tích khác nhau.

Bắt gặp kia, khi là trầm tích của nỗi buồn thiếu mẹ:

“Mẹ hiền giờ đã khuất
ngàn dặm thân lưu đầy
nhớ nhà đôi dòng lệ
biết nói cùng ai đây?” (1)

Lúc khác, lại là trầm tích của tình bằng hữu - Một thứ tình cảm trải dài lênh đên, cùng khắp, không chỉ trong văn xuôi mà, còn nồng nàn trong thơ cũ cũng như mới của ông nữa:

“Lâu ngày không gặp bạn
được tin bạn đi rồi
hàng phong như lửa đỏ
sáng rực một góc trời
“Tàn ngần về đường cũ
nhặt một lá phong rơi

hàng phong thiếu một lá
cũng buồn như ta thôi.” (2)

Nhưng, nếu những trang thơ của Nguyễn Tường Giang là những cật vấn trực tiếp với cuộc đời, nhân thế thì, những trang văn của họ Nguyễn lại là những nhát cuốc đào sâu, xới tơi cả một quá khứ lao lung, phủ kín ngậm ngùi. Tôi gọi đó là loại quá khứ bập bênh những oan khiên. Trập trùng những mắt mát. Nhức nhối những chia tan.

Chúng ta đọc thơ Nguyễn Tường Giang để về gần với những câu hỏi căn bản như con người từ đâu đến? Sống để làm gì? Chết sẽ đi về đâu? Trong khi văn xuôi của Nguyễn Tường Giang lại cho ta về gần (rất gần) kỷ niệm. Kỷ niệm riêng mà chung! Vì chúng là những nắm mộ. Những nắm mộ không chỉ trong ký ức. Trong hồi tưởng. Mà, những nắm mộ, hiểu theo một nghĩa nào, cũng chính là nơi chúng ta sẽ tìm về, nằm lại. Vĩnh viễn. Như một lần chúng ta tình cờ bị/được định mệnh dắt tay bước qua ngưỡng cửa đời sống, để có mặt trong cuộc đời này. Dù chỉ khoảnh khắc.

Nhưng, khoảnh khắc một đời người, theo tôi, không hề là vạch phân giới hạn sức sống của văn chương Nguyễn Tường Giang. Tôi nghĩ, nhiều phần, ngược lại.

Tôi tin, văn chương họ Nguyễn sẽ vượt khỏi vạch văn khoảnh khắc. Bởi tự thân, nó vốn có cho riêng nó một định mệnh.

Định mệnh của những trầm tích khác.

(Calif. 9 tháng 12, 2012)

Rải theo gió Nguyễn Tường Thiết



Con út nhà văn Nhất Linh.
Sinh năm 1940 tại Hà Nội.
Hiện ngụ cư tại Seattle.

*Tặng Nhung, “đưa con đầu lòng”
của nhà văn Thạch Lam.*

Tôi gặp anh tất cả bốn lần. Bốn lần đó trải dài hơn ba thập niên. Không nhiều. Đã thế dường như trong cả bốn lần đó ngoài cái gật đầu chào chúng tôi không hề trao đổi với nhau lấy một tiếng. Anh vốn ít lời. Còn tôi thì e dè. Tôi vốn có tính rất ngại bắt chuyện với một người nổi tiếng, đặc biệt nếu người ấy lại là người có quyền thế. Trong thâm tâm tôi biết nếu tôi mở

chuyện thì anh cũng sẽ vui vẻ bắt chuyện ngay. Đằng sau gương mặt lầm lì ít nói ấy anh là người rất bình dị. Nhưng lần nào cũng thế sau cái gật đầu chào, tôi không bao giờ cất tiếng. Đến đến bây giờ ngồi trước bàn máy vi tính một buổi sáng mùa thu miền Tây Bắc nước Mỹ, tôi viết đôi dòng về anh mà lòng không khỏi gợn chút nuối tiếc: bài viết của tôi vì thế sẽ không ghi lại một mẫu đối thoại nào, dù ngắn, để làm kỷ niệm giữa anh và tôi. Mà nào giữa chúng tôi đâu có phải người xa lạ gì cho cam? Anh là người rất thân cận trong đại gia đình Nguyễn Tường chúng tôi, là chồng của người em họ tôi, trưởng nữ của nhà văn Thạch Lam.

Tôi nhớ lại hình ảnh anh trong bốn lần gặp ấy. Bốn lần thì có đến ba anh hiện lên trước ly rượu. Đó cũng là hình ảnh cha tôi thường thoáng hiện mỗi lần tôi nhớ về ông. Trước ly rượu anh trầm ngâm lặng. Cha tôi cũng thế. Và bao giờ cũng vậy mỗi lần nghĩ về anh lòng tôi không khỏi có ngấm một sự hãnh diện thầm kín rằng dòng họ tôi có được một người rể như anh nổi tiếng là người thanh liêm. Cách đây sáu năm khi tái bản cuốn truyện của cha tôi, cuốn Giòng Sông Thanh Thủy, tôi đã viết lời đề tặng anh trên trang đầu cuốn sách những lời thật lòng: “Tặng anh Ngô Quang Trường, với cả tấm lòng quý mến và ngưỡng mộ”.



Tướng Ngô Quang Trường

Cơ duyên nào mà một vị tướng lừng danh của quân lực miền Nam Việt Nam lại kết duyên với cô con gái lớn của nhà văn tài hoa nhất Tự Lực Văn Đoàn? Tôi không biết nhiều để trả lời thật đúng cho câu hỏi này. Người có thẩm quyền trả lời là bà Trường. Mang dòng máu của nhà văn Thạch Lam tôi nghĩ Nhung nếu muốn viết cũng sẽ dễ thôi. Tôi cũng không có ý định viết hồi ký về anh vì thật tình tôi không biết nhiều. Chỉ xin ghi lại đây đôi chút kỷ niệm với anh trong dăm lần gặp gỡ hiếm hoi.

Trước khi gặp anh lần đầu tiên vào năm 1962 tôi đã nghe lan truyền câu chuyện về một mối tình tay ba của hai sĩ quan trẻ thuộc hai binh chủng khác nhau của QLVNCH, một không quân và một nhảy dù, với cô con gái lớn của một nhà văn nổi tiếng. Hai quân nhân cùng yêu một cô gái. Đó là chuyện thường tình trong cuộc chiến. Điểm đặc biệt họ lại là đôi bạn rất thân nhau. Trước cái chết có thể đến bất cứ khi nào, họ giao ước với nhau trong tình bạn là nếu người nào nằm xuống trước thì người kia nguyện sẽ suốt đời chăm lo cho cô gái kia. Người phi công sau đó tử nạn máy bay và định mệnh đã đẩy cô em họ tôi gắn liền cuộc đời với anh Trường. Sau này nhiều lần gặp Nhung tôi toan hỏi Nhung về câu chuyện tình này có đúng sự thực hay không, nhưng tôi lại thôi không hỏi. Với tôi đó là một huyền thoại đẹp, hãy cứ để nguyên vẹn như thế trong trí tưởng tượng của tôi.

Năm 1962 tôi ở Sài Gòn và dạy học tại trường trung học Minh Tân ở Biên Hòa. Một bữa anh Triệu tôi, hiệu trưởng trường Minh Tân, chở tôi từ Biên Hòa về Sài Gòn trên chiếc xe lambretta của anh. Đến Thủ Đức anh tôi đề nghị ghé thăm Nhung lúc này đang ở đó. Trong lúc nói chuyện với Nhung thì có tiếng xe đỗ ở ngoài cửa. Tôi nhìn ra. Từ trên xe jeep một sĩ quan bận đồ dù nhảy xuống. Hai bông mai trên ve áo trện. Anh Trường lúc ấy cấp bậc Trung úy giữ chức

vụ Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù. Anh người tầm thước, nước da ngăm đen, khuôn mặt sần sùi khắc khổ. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là anh không những không đẹp trai, lại không có cái “tướng” hùng của một quân nhân. Trí tôi lúc ấy thoáng hiện câu chuyện tình tay ba và tôi hình dung khuôn mặt chàng phi công tử trận chắc là phải hào hoa và đẹp trai hơn anh Trường.

Năm 1967 tôi gặp anh Trường lần thứ nhì ở Huế thì trên ve áo trận của anh hai bông mai đã thay thế bằng một ngôi sao. Anh đã lên tướng! Người sĩ quan tôi trông không có “tướng” ấy, năm năm sau đã được thăng tướng trong một thời gian ngắn kỷ lục. Trong họ tôi bắt đầu có lời đồn đãi là từ khi anh Trường lấy Nhung thì như điều gặp gió đường binh nghiệp của anh lên vùn vụt. Từ một Trung úy Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù anh bây giờ là Chuẩn tướng Sư đoàn trưởng Sư đoàn 1 Bộ Binh. Năm ấy từ Sài Gòn tôi bay ra Huế hai tuần lễ và tá túc tại đại học xá Nam Giao, nơi mà hai năm trước tôi đã từng là sinh viên nội trú để theo học ở Đại Học Khoa Học Huế. Từ Nam Giao tôi đi bộ đến thăm cô em họ, lúc này đã khó gặp vì ở một nơi rất “kín cổng cao tường”. Tư dinh của tướng Trường là một biệt thự trên đường Lê Thánh Tôn gần nhà bưu điện Huế. Chung quanh tòa nhà giầy thép gai giăng đầy, ở bốn góc là bốn lô cốt thiết lập bằng những bao cát với những họng súng chĩa ra từ lỗ châu mai. Người lính gác cổng vào trong nhà báo và Nhung đã ra tận cổng để tiếp tôi. Chúng tôi đang nói chuyện ở sa lông thì anh Trường về. Trông anh mệt nhọc nhưng oai phong hơn hẳn lần tôi gặp anh 5 năm trước. Thuở ấy tôi chưa nhập ngũ, vẫn còn là sinh viên, dù vậy trông anh tôi cũng có cảm giác hơi khóp. Không biết có phải vì ngôi sao trên ve áo anh khiến tôi thấy anh oai vệ hơn không. Tôi đứng dậy chào anh trong lúc Nhung nói với anh Trường: “Anh Thiết, con bác Tam đấy!”. Anh không nói gì, chỉ khẽ gật đầu, rồi lẳng lẳng ra chỗ quầy rượu nơi có đặt mấy chai Martell có ngăm những củ sâm bên trong, anh rót rượu vào ly rồi cầm ly rượu trên tay không uống, anh chậm rãi bước tới bước lui trong phòng khách, đầu cúi nhìn sàn nhà vẻ mặt đăm chiêu suy nghĩ.

Đèo Hải Vân

Năm 1970 khi tôi gặp lại anh lần thứ ba thì tôi đã là một quân nhân. Sau biến cố Tết Mậu Thân tôi nhập ngũ khóa 2/68 Thủ Đức. Ra trường tôi phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị tại Tổng Cục CTCT ở Sài Gòn. Năm ấy khoảng gần tết thím Sáu tôi tức là bà Thạch Lam mất tôi đi viếng thím trong bộ quân phục. Quan tài thím đặt tại tư dinh tướng Trường trong cư xá sĩ quan Chí Hòa. Họ hàng chúng tôi đứng chật hai bên quan tài đặt chính giữa phòng khách. Xe jeep đậu trước cửa. Anh Trường bước vào. Bỏ chiếc mũ lưỡi trai cặp tay – chiếc mũ gắn hai ngôi sao đen – anh đứng yên lặng trước quan tài mẹ vợ cúi đầu. Đứng ở bên này quan tài, đối mặt anh lần đầu trong tư thế một quân nhân, một Thiếu úy trước một Thiếu tướng, tôi cảm nhận tất cả cái trọng trách lớn lao của vị tướng Tư Lệnh Quân Đoàn IV, quân khu IV, hằn trên gương mặt khắc khổ của anh. Hai phút sau anh đội mũ lên đầu rồi vội vã bước ra xe đi mất.

Năm 1972 sau “mùa hè đỏ lửa” tôi là một trong ba sĩ quan của Khối Kế Hoạch/ Tổng Cục CTCT đi thanh tra vùng giới tuyến. Ba người ấy là Trung tá Vĩnh Huyền, Thiếu tá Nguyễn Công Luận và tôi với cấp bậc Trung úy. Phái đoàn bay ra Huế trú đóng hai tuần lễ ở Mang Cá trong cố thành Đại Nội. Không khí nơi đây đượm mùi chiến tranh. Lần đầu tiên kể từ ngày ra trường tôi trực diện với cuộc chiến. Cộng quân lúc này thỉnh thoảng vẫn tiếp tục nã pháo vào cố thành Huế. Mỗi lần nghe tiếng đạn rít trên không trung tôi quơ nón sắt chụp lên đầu nhào xuống giao thông hào nơi hàng trăm binh sĩ thuộc đủ loại binh chủng và cấp bậc cùng nhào xuống trú pháo. Theo bản năng tự nhiên mỗi lần nghe tiếng đạn pháo rít trên cao là tôi lại cúi đầu xuống đất mặc dù tôi biết rằng nghe được tiếng đạn rít tức là mình đã thoát chết vì đạn đã bay qua khỏi đầu. Chính trong lúc trú pháo này mà tôi hiểu được nỗi kinh hoàng mà anh vợ tôi Trung úy Nguyễn Thái Hòa và những chiến sĩ sư đoàn 5 Bộ Binh tử thủ An Lộc đã phải hứng chịu trước những trận mưa pháo dữ dội hơn gấp cả ngàn lần. Trước khi ra Huế lần này tôi đã đi chôn anh Hòa tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa. Anh tử trận ngày 7-7-1972 đúng ngày Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bay xuống An Lộc gắn lon Đại úy cho anh và ngày đêm đó anh bị pháo chết.

Nội trong 24 tiếng đồng hồ ông anh vợ tôi đã lên chức hai lần, từ Trung úy lên cố Thiếu tá. Và cũng chính trong lần ra Huế này mà tôi được nghe được rất nhiều giai thoại về anh Trường, “người hùng tái chiếm Quảng Trị” lúc này đã được vinh thăng Trung tướng với ba sao trên ve áo và giữ chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I, Quân khu I. Tất cả những giai thoại đó nếu được ghi lại đầy đủ tôi nghĩ có thể viết thành một quyển sách. Giai thoại về sự thanh liêm trong sạch của anh cũng có. Giai thoại về tác phong chỉ huy của anh cũng có. Giai thoại về lòng thương lính dưới quyền của anh cũng có.

Tôi nhớ là trong giao thông hào giữa hai đợt pháo kích một vị sĩ quan cạnh tôi sau khi biết sự liên hệ rất gần giữa tôi với anh Trường hỏi tôi có đi thăm tướng Trường trong lần ra Huế này không. Tôi trả lời không. Rồi tôi nói thêm: “Mình chả dại. Đang ngon lành trong ngành CTCT lại ở hậu cứ, gặp ông nhớ ông lại ký giấy tổng mình ra tiền tuyến thì mệt lắm. Mà không phải tôi nói giỡn đâu. Một người anh họ tôi cùng khoá với tôi 2/68 đã bị lãnh búa rồi. Ông tướng hãnh diện đi khoe với cố vấn Mỹ là có người anh họ đang chiến đấu ở ngay tuyến đầu!”

Lần thứ tư tôi gặp anh Trường là vào tháng 7 năm 1993 tại Virginia, tiểu bang êm đềm của nước Mỹ. Như một khúc phim được quay nhanh, hai mươi ba năm sau ngày tôi gặp anh lần chót ở Việt Nam tôi lại thăm anh Trường tại tư gia, một căn nhà khiêm nhường tại vùng thủ đô Hoa Kỳ. Cuộc chiến Việt Nam như một giấc mơ hãi hùng nhưng không thực lúc này đã trở thành dĩ vãng. Năm đó vào tháng 7 chúng tôi bay qua miền Đông nhân ngày giỗ thứ 30 của cha tôi được tổ chức tại nhà anh cả tôi, anh Việt, ở Virginia. Lần đầu tiên gặp anh Trường trong bộ thường phục, trông anh là lạ. Anh bận chiếc áo mỏng-ta-gu màu đỏ trông anh mập ra, trẻ trung và khỏe mạnh. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy ở anh vẻ an bình hiện trên gương mặt. Nhưng đó chắc chỉ là bề ngoài. Bên trong chắc hẳn anh mang nặng nỗi đau và niềm cay đắng của một vị tướng bại trận sẽ mang theo anh cho đến tận cuối đời. Anh đích thân rót rượu và ân cần mời tất cả mọi người. Tôi toan tiến lại gần anh, nói với anh vài lời, đặc biệt là bày tỏ tấm lòng của tôi đối với anh, nhưng tôi lại thôi. Tôi nghĩ trong bụng anh có thể đã nghe những lời bày tỏ tương tự như thế rất nhiều lần rồi, nói ra lại thành khách sáo, và lại chúng tôi là người nhà, còn thiếu gì những dịp khác để gặp anh tâm tình. Nhưng tôi đã lầm. Dịp khác để gặp anh đã không bao giờ đến, cho đến khi anh ra đi vĩnh viễn vào ngày 22 tháng 1 năm 2007. Tôi không thể ngờ lần thứ tư tôi gặp anh ở Virginia đó cũng là lần chót. Và chúng tôi vẫn chưa bao giờ trao đổi với nhau được lấy một lời. Tôi chỉ còn cách tự an ủi là ba năm trước khi anh mất anh đã đọc những lời chân tình của tôi viết về anh trên trang đầu cuốn sách Giòng Sông Thanh Thủy tôi gửi tặng.

Trưa hôm nay tôi lái xe đến thăm anh Phạm Hậu. Nhà anh Hậu ở Bothell, cách Shoreline chỗ chúng tôi ở khoảng 20 phút lái xe. Từ mấy năm nay chúng tôi có một giao ước. Cứ cách khoảng hai tháng là hai đứa phải ới cho nhau một tiếng, hẹn nhau tại một quán ăn, ăn trưa rồi ngồi hàn huyên. Luân phiên chúng tôi trả tiền. Nhưng dạo này anh hơi lẩn, ngại lái xe, nên tôi thường đến nhà anh chở anh đi.

Từ trong nhà bước ra anh nói ngay:

– Tôi quên mất rồi. Không biết lần này ai trả tiền, ông hay tôi?

– Tôi cũng không nhớ. Nhưng nhầm nhầm nhò gì. Để tôi trả cho. Anh cứ “vô tư” đi cho tôi nhờ!

– Nay! Ông đừng lợi dụng bệnh Alzheimer của tôi nhé! Cái gì cũng phải cho nó sòng phẳng... Trong lúc lái xe tôi nghĩ đến sự tình cờ hi hữu đã khiến chúng tôi gặp lại nhau và ở gần nhau trên nước Mỹ. Bốn mươi năm trước chúng tôi có một thời gian cùng phục vụ tại Khối Kế Hoạch/Tổng Cục CTCT. Anh Hậu lúc ấy là Thiếu tá nhưng anh chỉ tạm trú ở Tổng Cục vài tháng trước khi chờ biệt phái sang Phủ Tổng Thống. Hồi đó tôi nghe đồn anh có “gốc” lớn lắm. Sau này kể anh chuyện ấy anh cười nói: “Gốc mẹ gì! Toàn là đồn nhảm không à!”. Tôi cũng nhớ là sau khi biết tôi là con của ông cụ, anh Hậu, tác giả tập thơ Chuyện Chúng Mình, có đọc

cho tôi ngay câu thơ mà anh đã làm trước đó mười năm: “Yêu Nhất Linh tôi chọn tên Nhất Tuấn”. Cùng sang Mỹ năm 1975 và cùng chọn tiểu bang miền Tây Bắc nước Mỹ để định cư, chúng tôi đã có dịp gặp nhau thường xuyên từ hơn ba mươi năm nay.

Ăn trưa xong, bên tách trà nóng, chúng tôi ngồi ôn chuyện cũ. Lẫn trong câu chuyện hình ảnh của những người mà chúng tôi đã từng quen biết năm xưa, người mất kẻ còn, lần lượt hiện ra. Tội nghiệp Trung tá Ngô Văn Hùng, Trưởng khối Kế Hoạch/Tổng Cục CTCT, xếp của chúng tôi, đã chết vì ngộ độc trên chuyến tàu hỏa chở những tù nhân cải tạo ra Bắc. Trung tá Nguyễn Đình Bảo, Trưởng phòng Nghiên Cứu Kế Hoạch, xếp trực tiếp của tôi, cũng đã ra đi tại tiểu bang New Jersey miền Đông nước Mỹ. Trung tá Vĩnh Huyền, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 50 CTCT, người mà anh Hậu vẫn khen là có gương mặt và tác phong rất bảnh, đã từ lâu tôi mất liên lạc, không biết còn ở Calgary bên Canada hay không. Và Thiếu tá Nguyễn Công Luận nữa, không biết anh còn ở San José hay không, sức khỏe anh hiện ra sao...

Bên ngoài lướt qua khung kính của nhà hàng mưa nhẹ bay bay. Bãi đậu xe lá vàng phủ ướt nhẹ. Bây giờ là cuối thu, những chiếc lá của hàng cây phong trồng trên bãi đậu xe đã bắt đầu chuyển từ màu vàng óng sang màu đỏ tía. Mỗi lần cơn gió mạnh thổi lá rụng lá tả bay đậu trên mũi trên kính những chiếc xe hơi nằm trên bãi.

Tôi nhìn anh Phạm Hậu ngắm hàng râu mép của anh và bỗng thấy anh cũng bảnh y như Trung tá Vĩnh Huyền trong hình ảnh ký ức tôi năm xưa. Chỉ khác là bây giờ râu tóc của nhà thơ này đã chuyển sang màu muối tiêu. Nhớ đến Trung tá Vĩnh Huyền tôi lại liên tưởng đến lần chúng tôi ra Huế năm 1972 và tôi nói với anh Hậu:

– Tôi đang viết giờ một bài về tướng Ngô Quang Trưởng, nghe nói anh có làm bài thơ về ông Trưởng hay lắm, anh có thể đọc cho tôi được không?

Năm ngoái cũng trong một lần đi ăn trưa như hôm nay tôi đã kể cho anh Hậu nghe về ước muốn sau cùng của anh Trưởng là sau khi anh chết tro của anh được thả trên đèo Hải Vân. Vào mùa hạ năm 2008, một năm sau khi anh chết, ý nguyện đó đã được gia đình thực hiện. Theo lời Nhung kể cho tôi trong một lần điện đàm thì anh Trưởng có một người tài xế sống ở Việt Nam mà Nhung vẫn thường xuyên liên lạc và giúp đỡ từ nhiều năm nay. Chính chú tài xế ấy đã đón Nhung và các con Nhung tại phi trường Tân Sơn Nhất khi Nhung mang bình tro anh Trưởng về Việt Nam. Từ phi trường chú tài xế chở mọi người về nhà chú tại ngoại ô thành phố Sài Gòn. Thật là một điều lạ lùng là nhà chú tài xế đó lại ở trên đường Thạch Lam, một con đường mới mở sau này khá lớn và dài ở sâu trong Chợ Lớn. Tôi có hỏi Nhung là chú ấy có biết Nhung là con của Thạch Lam hay không Nhung trả lời là chú ấy không biết và Nhung cũng không nói. Rồi sau đó tất cả bay ra Huế thuê xe lên đèo Hải Vân. Đến gần đỉnh đèo nơi một khúc ngoặt nguy hiểm có một cái miếu nhỏ thờ những người bị tai nạn chết ở đó Nhung quyết định chọn chỗ này để rải tro. Suốt ngày hôm đó trời âm u giông gió. Mấy mẹ con và chú tài xế khấn nguyện trước miếu. Một lát lâu sau khấn xong ngừng lên thì trời đất bỗng dưng quang đãng hẳn lên mây tan và trời trong xanh. Vợ con anh Trưởng từng người một kể cả người tài xế trung thành lần lượt rải tro theo gió, tro của vị tướng lừng danh của quân sự VNCH bay trên ngọn đèo hùng vĩ Hải Vân nơi mà chú tài xế kia đã nhiều lần chở vị tướng ba sao qua lại trên trục lộ Huế-Đà Nẵng, ngọn đèo đã đưa vị tướng chấn lĩnh vùng địa đầu lên đỉnh vinh quang và cũng là ngọn đèo đã kéo vị tướng ấy xuống chốn cùng thảm bại.

Rải tro theo gió... trên đỉnh đèo Hải Vân... ý nguyện của người đã khuất gọi lên trong tôi hình ảnh vừa bi hùng lại vừa lãng mạn, như là sự kết hợp tuyệt vời giữa mỗi tình của viên dũng tướng với cô con gái đầu lòng của nhà văn Tự Lực Văn Đoàn.

Ngậm ngùi tôi lắng nghe anh Phạm Hậu đọc bốn câu thơ sau đây của anh:

*Lệnh sáng giữ, lệnh chiều bỏ Huế!
Bao chiến công... cũng thế mà thôi
Hải Vân... tro rắc bốn trời
Hạt tro nào... lạc vào nơi cỏ thành?*
Nhất Tuấn

Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù VN (3/1954-9/1954).

Biển trầm **Nguyễn Tường Giang**

Vào buổi sáng bãi cát có một hình vuông rất đều đặn. Từ trên vòng quanh núi nhìn xuống , bãi phía trái được giới hạn bởi thân một con tàu lớn đã cũ và rỉ sét cả đến móc xích nối với mỏ neo. Bên tay phải , một mũi đất nhô ra biển , đầy cỏ lau và những bông hoa tím lấm tấm. Cạnh còn lại của hình vuông được vẽ bởi mặt biển , những làn sóng chạy từ ngoài khơi vào bãi , tung lên và xà vào lòng cát , vẽ một đường thẳng rất linh động trên bãi. Bảy giờ vào khoảng một giờ trưa , sóng bắt đầu lớn và nước biển lên rất cao. Bãi cát dần dần dài ra trở thành một hình chữ nhật , đôi khi đẹp đến độ người ta không nghĩ là có một bãi cát ở phía dưới làn nước ào ạt. Những chiếc dù đủ màu dựng đầy trên bãi , gió thổi lướt qua nghe sào sạc , trông xa và ở cao như những mũ nấm đại lung lay theo làn gió.

Đó là một ngày thường trong tuần , một ngày thứ hai thứ ba hoặc một ngày tương tự. Từ trên các bậc thang bằng đá dẫn xuống bãi , một người đàn ông đang chậm chạp bước xuống. Ông ta có một dáng người rất thanh cao , cử chỉ uể oải buồn nản. Một miếng thuốc lá cháy trên môi, không nhìn thấy khói vì ánh nắng chói chang quá. Tay trái mang một túi sách màu xanh nước biển , loại sách tay của các hãng hàng không tặng cho khách hàng. Tay phải người đàn ông để trong túi quần , cánh tay lấn với màu áo. Sau người đàn ông ba bước đá là một cô gái. khoảng cách giữa hai người vừa làm như họ đi chung với nhau , vừa làm như tình cờ họ gặp lại nhau vì cô gái có vẻ bước nhanh. Cô gái còn rất trẻ , ánh nắng lấp lánh trên cặp mắt kính màu hồng , loại kính rất được ưa chuộng. Chiếc mũi nhỏ xinh xắn hình lên , tóc cắt ngắn đến cổ mịn và nâu. Cô ta mặc chiếc áo thun tay dài màu mỡ gà , phía trước ngực có vẽ một con thỏ với hai cái tai lớn. Chiếc váy ngắn trên đầu gối một khoảng dài , màu nâu đỏ hoà lẫn với màu da. gần đến dãy nhà để thay quần áo, hai người bị chặn lại bởi những đứa trẻ cho thuê dù. Người đàn ông chỉ tay vào chiếc dù ở ngoài cùng, dù có những ô xanh đỏ thật đẹp mắt. Một đứa nhỏ chạy lại , tiếng nói bay trong gió :

- Dù đó của cháu , để cháu dẫn ông bà xuống.

Người đàn ông quay lại mỉm cười rồi nắm tay cô gái. Mặt cát nóng hổi. Bãi biển không đông lắm , mọi người ngồi rải rác dưới bóng mát. Tắm nắng người thích hơn phải không anh. Thứ bảy chúa nhật kiếm một chỗ thò chân uống biển cũng khó. Họ ngồi mỗi người một ghế xích đu. Người đàn ông tháo cặp kính màu rất sẫm để lên bàn. Đôi mắt to, sâu và buồn. Em lên thay đồ tắm trước đi. Anh không tắm à. Chờ một lát nữa anh tắm, gió hôm nay hơi lạnh. Cô gái lấy từ chiếc sách tay ra một bộ áo tắm hai mảnh màu trắng , may bằng vải khăn lông. Nàng khoác lên vai chiếc khăn màu đỏ rồi đi chân đất trên cát. Người đàn ông không nhìn lại , đeo kính vào mắt và giờ một cuốn sách ra coi. Một cuốn tiểu thuyết dễ đọc.

Tôi châm một miếng thuốc rồi ngó lơ dăng ra biển. Trời xanh có lẫn đôi chút mây trắng. Phía xa , mặt nước xăm lại nhưng trông dịu dàng hơn. Ngoài biển thừa thớt người tắm , những người đứng ở xa chỉ thấy nhấp nhô những cái đầu trông như trái banh nổi bênh trên mặt nước. Mỗi

cơn sóng lướt qua , trái banh như bị nhận chìm rồi lại chồi lên , ướt sũng Gió từ ngoài biển thổi vào mát lạnh làm tê hai bên má. Những trang sách bị gió thổi lật đi lật lại , cuốn sách của nhà văn còn trẻ tôi mới mua tặng Lan hôm qua. Tôi quay lại tìm Lan. Nàng đã thay quần áo tắm, bộ quần áo tắm màu trắng loá ánh nắng , thân hình nàng như lặn vào màu xám của những tảng đá ven bãi

Anh chỉ nhìn thấy đôi mắt và mái tóc em , vì nó có màu sắc. Lan cười. Nàng cắn ngón tay nghĩ ngợi như một đứa trẻ. Một người bán nước trên gánh hàng rong đi ngang qua , tôi gọi một chai bia nhỏ và Lan uống coca. Nước biển theo những làn sóng liếm vào bãi cát , tung bọt trắng ngầu. Nước khi rút ra để lại trên bãi cát một vệt rất xăm , mịn , lấn dần trên cát. Lan nhấp một ngụm coca còn nổi bọt. Một vệt nước rất trắng chảy trên khoé môi , trông như vệt kem bám trên miệng thủy tinh. khuôn mặt hồng và xinh xắn , hết sức thơ ngây. Nàng đứng lên , đưa cho tôi cặp kính rồi chạy ra ngoài bãi. Gió mỗi lúc có vẻ mạnh hơn và sóng nhô lên những đợt liên tiếp chạy sát vào bờ. Phía chân núi kéo dài ra biển , những bọt nước toé lên như một cơn mưa.

Đó là một chiều mưa đầu tháng sáu. Cơn mưa kéo dài từ buổi sáng một cách buồn nản. Những lá cây ngang cửa sổ lay động dịu dàng , hắt những giọt mưa vào mặt kính rồi lại yên lặng kéo ra xa , lấp lánh. Tôi đã ngồi im lặng hàng giờ ngắm những lá cây , cố tìm một bông hoa nào còn sót. Những giọt mưa kéo dài thành sợi nhỏ , như tơ trên mạng nhện , theo chiều gió quán quít vội vã. Buổi chiều lạnh lùng và âm thầm , như không khí âm thầm đốt cháy thành than những thanh gỗ tươi. Chồng hồ sơ trình ký còn nằm trên bàn , không bao giờ thấp đi , tựa như bộ máy đẩy hàng ngàn hàng vạn bộ hồ sơ khạp , tích tụ từ muôn đời , được dấu kín đáo dưới mặt bàn hay chôn trong lòng đất.

Tôi đã làm việc bao nhiêu buổi chiều trong đời và còn bao nhiêu buổi chiều chờ đợi. Đã gần tới giờ nghỉ việc. Ngoài cửa phòng là một hành lang rộng , giờ này chắc những nhân viên đã thu dọn giấy tờ , ngồi nói chuyện chờ tiếng keng khua vang rời rạc hay chờ tôi ra về sớm hơn. Về nhà , hôn nhẹ lên môi người vợ quen thuộc đến độ không ý thức được ý nghĩa của sự tiếp xúc , như phản ứng bình thường đã được lặp đi lặp lại mỗi ngày, như bước chân vào cửa , thay quần áo, đọc sơ qua tờ báo phát hành buổi chiều , chờ đứa con lớn đi học về rồi cả nhà quây quần bên bàn ăn .Những món ăn thường lệ không gây thích thú , được sắp đặt theo một thời khoá biểu vô hình .Nói chuyện vu vơ về người bạn này , người bạn khác. Buổi tối nay có người rủ đánh bài hay dục vợ sửa soạn đi coi một bộ phim mới trong tuần , hoặc thăm người chị ở tỉnh xa mới về .Mấy đứa con ngồi coi truyền hình , cãi nhau về chương trình phát hình được đăng tải phần nhiều sai lầm trên các cột báo nhỏ ở trang tư .Tôi bỗng thấy thèm uống một ly cà phê trên phố , một mình , sống lại cái không khí buồn nản nhưng quyến rũ , nhưng ngày rất xa , rất xa và không bao giờ còn trở lại .Tôi lái xe đi như một người một người mộng du , đường phố vắng và đẹp , êm ả như cảnh quay trong một cuốn phim .Nhà cửa bên đường như được lau sạch , hiện ra rục rịch và tươi mát .Tôi để ý đến những mái ngói đỏ lấp lánh sau lá cây và mùi thơm của đất trộn lẫn với hương thơm của hoa , nồng nàn sũng ướt .Một vệt trắng chợt lướt qua đầu xe , tôi thắng gấp .Chiếc xe đạp màu vàng cam ngã trên đường , bánh xe quay tròn loáng nước . Cô bé đã đứng dậy được , loay hoay tìm chiếc guốc bị rơi trên nền cỏ hè đường. Chiếc guốc bằng gỗ mộc , trắng và nhẹ , như một bông hoa huệ lớn nằm trên thảm nhung xanh .Một giọt nước rất trong đọng lại dưới cánh hoa , long lánh như chạy trốn . Tôi muốn hứng giọt nước trên môi tinh khiết .

Giọt bia màu vàng nhạt chạy quanh miệng ly , gặp một đám bọt trắng và bị hoà tan . Cô gái từ dưới biển chạy lên bãi ngó những đám bọt trắng chưa tan trên miệng người đàn ông , ngón tay trở để trên môi , đầu ngả về phía con tàu :Xem nào , trông anh như ba mỗi khi tôi xa bông cạo râu .Người đàn ông cười , xoay chiếc ly trên tay , cuốn sách để trên đùi bị gió gạt lại .Ông ta nói :Nếu anh lấy vợ sớm chắc cũng có con như em .Cô gái trẻ môi :xi , bộ anh lấy vợ từ năm

mười bốn tuổi .Người đàn ông tính trêu chọc một điều gì , chọc ngưng lại . Phía sau cô gái ulla lên từ mặt nước một đám đông .Toàn là những thanh niên khoảng mười bảy tuổi , khoẻ mạnh và lanh lẹ như trong đoàn hướng đạo .Họ vây quanh một thanh niên khác ,chiếc mặt nạ để lặn dưới nước được kéo cao lên trán , che bớt một khoảng tóc bết nước .Người đàn ông cố nhìn nhưng không nhận được vật gì trong tay người thanh niên . Đám đông ào ào như một cơn gió lốc ,xoáy tròn và di chuyển về phía chiếc dù màu cam.Cô gái quay lại nhìn , rồi như thấy cảnh vui mắt cô chạy về phía đám đông .Người đàn ông nghĩ thầm :Trẻ con dễ vui thật , rồi hóp một ngụp bìa , lơ đãng theo dõi một chiếc thuyền buồm ở phía xa , như một vệt trắng lung linh . Ông ta nghĩ đến chuyện LÃO NGƯ ỒNG VÀ BIỂN CẢ và nhớ đến giấc mơ bày sự tử của lão , có lẽ cuộc đời chỉ là một giấc mơ .Ông chợt nghĩ đến cô gái và quay lại tìm .Đám đông đã tản mát , tuổi trẻ dễ vui đùa nhưng chóng chán .Cô gái ngồi lại với hai người đàn bà , hình như hai mẹ con , người đàn ông thấy quen quen .Họ lấy tay chỉ vào một vật gì động đậy , phản chiếu ánh nắng .Cô gái quay mặt về phía người đàn ông , miệng mỉm cười rồi như vẫy người đàn ông đến xem .Tiếng gọi của cô gái bay trong gió , trộn lẫn với tiếng kêu phàn phật từ những chiếc dù .người đàn ông bỏ ly bìa , chậm chạp đi tới .Một con cá hình thoi rất đẹp , đang giẫy dựa trên cát những tảng cát bám loang lổ trên lớp da màu xám nhạt .Cô gái ngắm con cá với vẻ thích thú :Anh coi này , con cá bị bắn đúng vào tim . chắc hẳn cô gái định riều cợt . Nhưng người đàn ông bị nhói đau trong ngực , nhìn con vật cong mình tuyệt vọng trên bãi , nơi nó bị tước bỏ mọi sự nương tựa . Mũi tên làm thủng một lỗ tròn gần đầu và người đàn ông có thể nhìn qua lỗ hổng thấy màu xám của cát ướt . Người đàn ông hỏi :Ai bắn vậy .

Mấy cậu học sinh đi trại hè . Để em mang thả lại xuống biển xem có sống lại không . Cô gái ngồi đối diện cảnh lại :Nó không sống được đâu , tôi đã làm thế một lần nhưng vô ích , hỏi tôi theo anh tôi săn cá ở phú quốc . Người đàn ông định nói : không phải kinh nghiệm nào cũng giống nhau nhưng lại thôi . Con vật chỉ còn vùng vẫy rất yếu ớt , hình như thoi thốt thờ , và chiếc miệng nhỏ rất xinh mở lớn ra , giống hệt như một người bệnh phỉ khi hấp hối . Một nỗi lo sợ chợt xâm chiếm ông ta.Người đàn ông tự hỏi không biết giờ này vợ và các con ông đang làm gì . Hai người trở lại chỗ ngồi .Bãi biển đã vắng bớt người , trông trơ trọi . Những cây dù không có người ngồi , ghé bỏ trống như chờ đợi . Biển thấp hơn và các làn sóng không đủ sức làm toé lên đám bọt trắng xoá.Phía cuối con tàu cũ , bánh lái hiện lên hai bánh như tai một con thỏ , trông giống hệt một tờ báo ngoại quốc .Mặt nước cứ xuống dần và cánh quạt từ từ hiện ra như một bông hoa đại ba cánh , treo lơ lửng dưới đuôi tàu . Cô gái lấy tay chỉ tàu rí xết loang lổ :Năm ngoái em nghỉ hè ở ngoài này , theo mấy đứa bạn leo tận trong tàu .Tàu tối dễ sợ , tụi nó trốn đi hết làm em phát khóc ... người đàn ông yên lặng ngồi nghe hay có thể ông không nghe gì cả .Ông cảm thấy buồn nản .Gió làm làn da ông khô lại , như trái tim . Ông thấy rõ rệt là đã quá muộn , mộng ảo không phải thực tế .Ông nghĩ đến con vật với cái đầu bị thủng một lỗ . Dù sao nó đã chết . Cô gái có cảm tưởng như nói vào khoảng không , kêu lên : Anh , sao anh không nghe em nói , anh hối hận à . Cô nắm chặt bàn tay người đàn ông , bàn tay cứng và ấm áp đã vuốt ve cô nhiều lần . Ông ta quay sang như nói lời xin lỗi hay dỗ dành , rồi nhẹ nhàng gỡ tay cô gái :Sao em không xuống tắm thêm .Cô gái lúc lắc đầu như một đứa trẻ làm nũng :Anh phải xuống tắm thì em mới tắm .Rồi cô gái kéo người đàn ông đứng lên , đi xuống biển .

Người đàn ông có vẻ uể oải , nhưng cũng bước từ yừ để thân mình chìm vào trong nước . Nước mát rượi và lạnh , vỗ nhẹ vào da như mơn chớn . Cô gái chạy vào ngụp sâu trong nước , té nước ướt tóc người đàn ông , cười như nắc nẻ .Hai người nắm tay nhau , nhảy lên cao tránh những đợt sóng bơi song song ra xa và đùa giỡn dưới nước . Những đợt sóng dần dần đẩy họ vào gần bờ , phía bãi cát dưới chân mỏ núi nhô ra biển . Cô gái chỉ những bông hoa tím lay động trên triền núi , thấp thoáng trong đám cỏ lau . Leo lên kia chơi đi anh .Những hòn đá nằm rải rác dưới chân bám đầy vỏ ốc , sần sùi và nhọn hoắt .Người đàn ông rón rén đi từ chỗ này qua chỗ khác , vừa dắt tay cô gái vừa nhắc nhở :Khéo đứt chân cô bé .Nhưng cô gái như có một bàn chân không biết đau , cô nhảy qua nhảy lại trên những vỏ ốc sắc cạnh như thủy tinh .

Phía bên kia sườn núi , bãi biển chỉ toàn là đá đen , xếp đặt lộn xộn và nguy hiểm .Hai người men theo những tảng đá lớn , thỉnh thoảng bóng họ lại bị che khuất bởi một tảng đá nhô ra . Những vỏ bia hộp và giấy lộn nằm rải rác , lẫn lộn trong các khe đá . Sát mặt biển , nước chảy vào các chỗ trũng thành xoáy , len lỏi qua những kẽ hở nghe rì rào .Người đàn ông tò mò nhìn những con cua bám trên mặt đá , mấy cái càng mỏng manh giơ lên như chống đỡ với sóng biển , ông ta không nhìn thấy con nào bị nước cuốn đi . Đá đôi chỗ cũng có màu đỏ gạch , mấy con cua bò trên đó như những ngón tay di động trên một làn da . Người đàn ông ôm cô gái trong tay , hờ hững .Mặt cô gái đỏ hồng , tóc ướt bết vào má , hai con mắt mờ lớn , lóng lánh và sâu thẳm . Người đàn ông hôn nhẹ trên môi cô gái , ông tưởng như có thể có thể nhìn qua mắt cô gái thấy mặt biển ở phía sau , thẫm xanh như mặt cát bị thấm nước . Ông nghĩ đến chiếc miệng nhỏ xinh của con cá với hơi thở thoi thóp của nó như lan sang hai bàn tay . Những ngón tay xiết chặt sau lưng người đàn ông như mũi xuyên qua trái tim ông và xuyên qua những ngày còn lại .Ông thấy nhói đau , muốn bật khóc .Một đợt sóng lớn oà lên chân hai người rồi lặng lẽ rút đi . Trời xẩm tối .

Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách

Nguyễn Lân

(con Hoàng Đạo)

Kính thưa chú,

“Trăm năm còn có gì đâu

Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì” (Kiều)

Chú ra đi trong thanh thân. Nhưng cháu không nghĩ vậy. Cứ mỗi năm gặp gỡ, lần nào chú cũng thờ dài. Chú vẫn nuối tiếc sự nghiệp dang dở. Chú vẫn chưa thấy mình làm trọn bổn phận với dân tình, với đất nước. Và trước khi nhắm mắt, chú biết rằng mình đã bất lực. Bài thơ CHIỀU viết tại Tiên Sơn (Trung Quốc) hai chú cháu cùng tâm đắc:

“Chiều tà lê gót xóm Kiều hương

Mắt lệ mờ loang bóng phố phường

Tuổi thơ hoài bão nay còn hết?

Vận nước làm đo mấy ngã đường.

Bao năm bão táp như sồn gối,

Ngàn xưa lý tưởng gấn đau thương

Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng

Mái tóc xanh giờ đã điểm sương” (Viễn Sơn)

Hằng năm, dù hai miền đồng tây xa cách, cháu vẫn bay sang thăm chú. Cháu muốn tìm lại tình phụ tử mà cháu mất khi chưa đầy 10 tuổi. Cháu muốn nhìn lại hình ảnh thân quen của Ba cháu (Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long) qua người em ruột. Cháu muốn ngắm kỹ nét đặc thù của dòng họ từ hình dáng đến tư tưởng. Ba cháu, bác Tam và chú là những người nhiệt thành, phóng khoáng, mang tư tưởng Tự Lực Văn Đoàn, mang tính chất người cách mạng Việt Nam.

Ngày cháu còn nhỏ, khoảng 6,7 tuổi - 70 năm về trước - chú là một thanh niên hiếu động, một sinh viên y khoa sắp ra trường, tương lai rạng rỡ. Dáng người dong dỏng cao, trắng trẻo, đẹp như lai. Hồi đó chắc nhiều cô theo đuổi. Nhưng sao cháu lại kỵ chú? Cháu sợ mỗi khi chú kề bên. Chú hay chọc ghẹo con nít nhất là ngày ấy cháu trông “ngon quá”. Chú thì thầm: “Sạch sẽ, thơm tho thật! Ra đường cướp thấy nó xẻo tai cho!” Chưa hết! Cháu đang ăn bánh là bị chú cướp giật. Cháu đang uống nước dừa là bị chú hắt đổ. Cháu bực lắm! Chú thích vui, thích đùa cười mà lại đùa dai. Cháu còn bé dại đâu hiểu nổi!

Ngày, tháng qua...

Rồi Cách Mạng tháng Tám năm 1945... Rồi Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền. Rồi thực dân Pháp trở lại. Rồi những người Quốc Gia thua trận phải lưu vong! Chú đã vượt biên giới sang Tàu, tìm lại các anh (Hoàng Đạo, Nhất Linh) tìm lại những người cùng chung chí hướng, cùng nhau mưu đại sự cho ngày mai. Nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” hay là vì những người quốc gia chưa đủ trình độ gian xảo như cáo Hồ nên ... suốt đời bôn ba, mất nơi hải ngoại như ba cháu, tự hủy mình để đấu tranh cho nhân quyền như bác Tam, hay tóc bạc mới được hưởng những năm tháng tự do trong tuổi già như chú để cuối đời vẫn ngậm ngùi nuối tiếc chưa trả xong nợ núi sông?! Năm 1988 cháu gặp lại chú. Chú vẫn đẹp nhưng là đẹp lão. Chú trầm tính hơn xưa nhiều. Đây là lúc cháu học nơi chú. Đây là lúc cháu cảm thấy rất gần gũi với chú. Những hoạt động của người cách mạng, những phấn đấu, những đắng cay, những khó khăn mà người yêu nước dần thân phải trải qua. Thời gian này, chú là nhân chứng duy nhất có thể kể lại cho thế hệ sau những biến cố lịch sử xảy ra trong khoảng thời gian 1932-1946. Tên tuổi của những nhân vật siêu việt trong nước hoặc xảo trá bịp bợm nhất lịch sử chỉ mình chú sống sót, là nhân chứng mà thôi. Hơn thế, chú đã dự phần vào cuộc đấu tranh chung ấy. Cháu còn tò mò muốn biết đời sống của chú trong thời gian 39 năm ở Trung Hoa lục địa. Chú vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Là một bác sỹ có lương tâm, chú tận tụy với bệnh nhân không phân biệt chính kiến. Là một người ly hương giản dị, làm việc để vợ con đủ ăn, thế thôi. Thì gia đình mình, từ thời bà nội vẫn thanh bạch, thừa chú! Chú nói chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng và điều mà cháu kính yêu nơi chú, sự khiêm tốn. Chú là con người chí tình, là con người không ưa phô trương. Một điểm son nữa ở chú là với bất cứ ai, dù là kẻ thù, chú không một lời thóa mạ, bôi nhọ. Chú còn công nhận kẻ đối đầu là người tài giỏi mặc dù hẳn không cùng chiến tuyến, đi sai đường lối dân tộc. Thế có phải là tính chất Nguyễn Tường không, thừa chú? Chú không phải là người quá khích mặc dù trên phương diện đấu tranh, chú là người cương quyết, quả cảm. Thêm điểm son nữa cháu mến mộ.

Ngày qua... tháng qua... năm qua...

Sự nhanh nhẹn, mình mẫn kém dần... Ai chẳng thế! Biết vậy, sao cháu vẫn đau lòng khi thấy tay chú run lên từng hồi, chân bước nặng nề khó khăn hơn, tóc bạc hơn, phản ứng chậm chạp hơn. Gia đình nhà ta chỉ còn mình chú là bác trưởng thượng. Tuy nhiên so với các anh chị, chú là người thọ nhất. Chú Thạch Lam mất mới ngoài 30, ba cháu qua đời ở tuổi 42, và bác Nhất Linh từ trần khi 57 tuổi. Thâm tâm tự an ủi, chú Bách sống lâu hơn các anh nhiều! Cháu biết chú thích trò chuyện với cháu. Mỗi lần tới thăm, cháu thấy mắt chú sáng lên. Mắt cháu cũng sáng lên vì giờ phút này cháu là người trêu chọc chú. Cháu muốn chú vui. Cháu muốn bộ não của chú hoạt động. Cháu muốn trí nhớ của chú bền bỉ. Mấy năm trước, chú đọc cuốn truyện ngắn đầu tay Sôi Nổi của cháu, chú bảo: “Viết tiếp đi. Viết truyện dài đi. Viết về đất nước, xã hội hay viết chuyện tình... cố gắng viết nhé. Anh viết được đấy. Thích viết về gì?” – “Thưa chú, chuyện tình. Mà phải là chuyện tình của Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách cháu mới có hứng. Chú kể cho cháu nghe đi. Cháu không viết thì chẳng còn ai biết tình cảm của chú thuở xa xưa nữa. Chú nghĩ sao?”

Chú im lặng. Cháu thúc giục. Chú chậm rãi: “Quên hết rồi! – Vì nhiều quá? – Không, vì phải quên, vì còn nhiều chuyện quan trọng hơn. – Vì đất nước, cháu hiểu. Nhưng đó là ngày xưa. Bây giờ đã lớn tuổi, có tiếng tăm, chú cần ghi lại những mẩu đời lãng mạn cho hậu thế - Tiếng tăm là cái gì?”. Chú ngờ ngác nhìn cháu như thăm khuyển “Họ Nguyễn Tường không có suy nghĩ kiểu đó!”

Cứ cái điệu này biết bao giờ cháu mới moi được cuộc đời tình ái của chú. Nhưng rồi, chú cũng kể... thi vị và lãng mạn, đẹp như mộng những mối tình dang dở... nào những khi sóng bước trên đường Cổ Ngư, nào những lúc bơi thuyền trên mặt nước Tây Hồ... những tình tiết nên thơ đó chỉ còn là kỷ niệm... chỉ vì lý tưởng, vì đất nước! Cháu vừa phục vừa thương, chú ơi!

Đêm qua giật mình vì tiếng chuông điện thoại từ Westminster cho biết chú đã từ trần lúc hơn hai giờ trưa. Cháu không ngạc nhiên vì từ mấy năm nay chú yếu lắm rồi. Nhưng cháu vẫn lặng người, vẫn thấy hụt hẫng. Tháng 7 này, ngày kỷ niệm 50 năm của Nhất Linh, ngày hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn không còn chú nữa! Trống vắng quá!

Đêm nay, ngồi viết những giòng chữ này, hình ảnh chú hiện ra trước mắt. Những ngày cuối cùng của một cụ già còm cõi bại liệt, một con người tài hoa, có chí hướng, đầy nhiệt tâm, chân thành và lãng mạn thuở xưa nay còn đâu!

Trước mắt cháu những cuốn sách của chú bày la liệt... Việt Nam Những Ngày Lịch Sử, Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn, Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua... và những bài tản văn... Cháu sẽ đọc lại để học hỏi, để nhớ chú, để nhớ một con người mà theo cháu: *Không thành công nhưng thành Nhân.*

Giờ này chú đang đoàn tụ cùng các anh chị và thím. Chú đang vui.
Sẽ có ngày chú cháu mình gặp lại.

Thương kính,
Cháu Nguyễn Lân

(Viết tại Virginia 3 giờ rưỡi sáng ngày 12 tháng 5 năm 2013)

Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi Nguyễn Tường Giang



Chân dung Thạch Lam
(Đinh Cường 2004)
sơn dầu trên carton 40 x 40 in

Tôi biết nói gì về một người cha, khi ông mất, tôi mới chưa đầy ba ngày tuổi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông, được nắm tay ông, hay như những người con may mắn khác, được gọi ông bằng cha và được nghe ông gọi tên tôi, nhưng tôi luôn luôn hình dung và bị ám ảnh bởi cái chết của ông, cái chết của một nhà văn nghèo, bệnh hoạn và còn quá trẻ. Nếu tôi có được cái tài của một họa sĩ, như Picasso chẳng hạn, vào thời kỳ blue, tôi sẽ vẽ lại cái khung cảnh ấy. Đó là một người đàn ông gầy và cao nằm trên một cái giường tre nhỏ, trên người đắp một cái chăn mỏng, ngực lép xẹp nhưng khuôn mặt có dáng dấp Tây phương, gò má hóp, mũi cao và nhất là hai con mắt sâu thẳm, đầy bóng tối, khuất sâu dưới hàng lông mày rậm, mái tóc rất đen, mềm và dày, vài sợi tóc lòa xòa trên vàng trán cao. Tất cả đều mờ ảo trong nền màu xanh đậm nhạt, như sáng lên trong bóng tối. Bên cạnh giường là hình ảnh mờ nhạt của hai người đàn bà tóc

quần khăn nhung, áo dài the đen, một người lớn tuổi, cằm hơi vuông, mắt sâu và lông mày rậm, một người trẻ hơn nhưng khuôn mặt phẳng phất khuôn mặt người mẹ, hai người ngồi phía cuối chân giường, hơi nghiêng về phía trước. Một người đàn bà nhỏ nhắn, tóc buông đen dài trên áo cánh trắng, khuôn mặt nhỏ và thon, đôi mắt buồn rầu như muốn khóc, nắm tay người đàn ông, những ngón tay dài, thon nhỏ và xanh xao. Phía trên giường nằm mở ra một cửa sổ, có đôi chút ánh nắng chiếu vào, màu trắng nhợt, xa hơn là bóng những cành liễu nhỏ, rũ xuống, buông lơ lửng nhợt. Tựa đề của bức tranh: “Cái chết của một nhà văn trẻ”. Tôi không thể không nghĩ tới số phận của những nhà văn Việt nam thời đó, và có thể cho tới bây giờ. Những người làm văn chương và nghệ thuật, những nhà báo, đã hy sinh đời mình cho lý tưởng và cái đẹp, hình như vẫn chỉ là những người có một đời sống vật chất rất khiêm nhường trong xã hội, phải chăng chỉ vì cái lạc thú được theo đuổi những giấc mơ của chính mình. Còn những người thân cận, những vợ, con của những nghệ sĩ tài danh đó, hoặc là bươn chải cho giấc mơ của chồng, cha hoặc âm thầm hy sinh và chịu đựng những cơ cực của đời thường. Tôi nghĩ, đó chính là hình ảnh và thực tế của đời sống Thạch Lam, cha tôi. Đó là lời phát biểu bộc phát khi tôi, như một người con phải nói đôi điều về Thạch Lam trong buổi hội thảo Tự Lực Văn Đoàn và báo Phong Hóa/ Ngày Nay: “Tôi không biết là tôi thương ông hay không thương ông”. Thạch Lam, như một người cha đã thường xuyên vắng mặt, nhưng tên tuổi và những tác phẩm để lại, cái gia tài tinh thần ít ỏi và ngắn ngủi của ông, lại ảnh hưởng đến cuộc đời tôi biết bao, trên bảy mươi năm ròng rã, để tôi đã là tôi ngày hôm nay, chắc chắn không có thể xảy ra khác được, như con đường đã được chọn lựa, từ khi tôi ba ngày tuổi và từ khi ông từ bỏ cuộc đời này, vĩnh viễn.

Tôi bắt đầu biết đến văn chương Thạch Lam từ một buổi học Việt văn khi tôi ở lớp đệ thất (lớp 6 bây giờ) trường trung học Hồ Ngọc Cẩn khi mới di cư vào Nam. Tôi còn nhớ khá rõ thầy giáo dạy Việt văn tên Hải, một hôm gọi tôi đứng lên đọc một đoạn văn trong chương trình, một đoạn văn trích dẫn trong một truyện ngắn nào đó của Thạch Lam. Tôi đứng lên, đọc thông suốt, không ngập ngừng, như đoạn văn đó đã ở trong trí nhớ tôi từ lâu, lâu lắm. Đến khi tôi ngừng đọc, thầy giáo Hải có vẻ cảm động, khen tôi đọc bài lưu loát và tình cảm. Tôi ngồi xuống, mắt đỏ hoe. Tôi đã biết Thạch Lam là cha tôi do những lần mẹ tôi dẫn đến nhà bác Tam (Nhất Linh) ở Hàng Bè -Hà Nội, hay những lần bà nội cho người gửi tiền đến cho mẹ tôi, nói là tiền in sách của cha tôi. Trong suốt thời niên thiếu ở Hà Nội, theo bậc tiểu học ở trường Hàng Than (Nguyễn Công Trứ), những đoạn văn tôi đọc chỉ là những bài viết trong mấy tập Tân Quốc Văn hoặc Quốc Văn Giáo Khoa Thư, tôi chưa bao giờ nhìn thấy và đọc một cuốn truyện của Thạch Lam. Có lẽ tôi còn quá nhỏ chưa đủ hiểu biết để đọc tiểu thuyết, hoặc là vì tôi chỉ ham mê đọc truyện kiếm hiệp hay truyện Tàu, đôi khi đọc những truyện trẻ con như Đế Mèn Phiêu Lưu Ký hay truyện dịch ngoại quốc Tâm Hồn Cao Thượng, Vô Gia Đình... Chỉ có một khoảng thời gian ngắn trước khi di cư vào Nam tôi mới bắt đầu tiếp xúc với văn chương Tự Lực Văn Đoàn, chủ yếu là Khái Hưng, Thế Lữ, Nhất Linh và Trần Tiêu. Tuyệt nhiên không có Hoàng Đạo và Thạch Lam. Thầy giáo Hải sau đó, có lẽ biết tôi là con của Thạch Lam, nên rất ân cần và nâng đỡ tôi trong giờ Việt văn. Tôi rất cảm động trong tình thầy trò thì ít, nhưng có lẽ tôi đã nhìn thấy cha tôi qua sự yêu mến văn chương Thạch Lam của thầy. Tôi bắt đầu có những ý thích về văn chương và nuôi mộng trở thành một nhà văn, như cha tôi Thạch Lam. Nhưng viết văn không phải cứ muốn là được, và ở tuổi tôi, có biết bao nhiêu điều vui thú khác quyến rũ hơn, cộng với tính lười biếng và ham chơi, tôi không bao giờ làm gì hơn là những bài luận văn để lấy điểm trong lớp. Về sau này, tôi nhớ có hai lần quyết tâm theo đuổi nghiệp văn chương. Lần đầu tiên vào khoảng năm 1957-58, khi bác Tam bỏ Đà Lạt về Sài Gòn làm báo Văn Hóa Ngày Nay, tôi có cặm cụi viết một vài truyện ngắn đưa cho bác Tam đọc, một tuần sau đó, nhân một buổi đến thăm bác, bác ký tặng tôi một số Văn Hóa Ngày Nay và nói: cháu còn trẻ và viết văn giống Thạch Lam quá, cháu nên viết những gì riêng biệt cho cháu thì tốt hơn. Bác Tam cũng khuyên tôi nên đọc thêm nhiều sách khác, nhưng ông khuyên tôi không nên đọc cuốn Bướm Trắng của ông vì tôi còn quá nhỏ. Tôi đã không có cái can đảm để cong lưng viết thêm vì không thấy hứng thú, và bay lượn với những đường banh trên sân cỏ đã quyến rũ tôi hơn. Gần mười bảy năm sau,

trong khi đang hành nghề y khoa, tôi lại một lần nữa cảm thấy sự thúc đẩy từ sâu thẳm trong tâm hồn, tôi bỏ hết thì giờ và năng lực để hoạt động trong môi trường sách báo, viết văn và làm thơ, nhưng sự kết thúc bi thảm của chiến tranh (một điều tôi rất mơ ước) đã đẩy tôi tới một môi trường sống khác, tôi lại không có cái can đảm như một nhân vật trong truyện Ngày Mới của Thạch Lam, tìm thấy hạnh phúc trong một đời sống thanh đạm và giản dị, nói chung là một cuộc sống nghèo, để theo đuổi giấc mộng văn chương..

Vào khoảng thời gian những năm đầu di cư vào Nam, tôi đang ở tuổi thiếu niên, tuổi mới lớn và có nhiều nhu cầu vật chất. Mẹ tôi lúc đó là một công nhân lao động ở nhà Bưu Điện, lương bổng ít ỏi chỉ đủ ăn hai bữa cơm rất thanh đạm hàng ngày. Lúc đó, cái gia sản vật chất nhỏ bé cha tôi để lại, dù chỉ là một số lượng sách khiêm nhường, cũng đã giúp anh tôi và tôi có được áo quần thơm mát và phương tiện di chuyển như các bạn cùng lứa thuộc gia đình trung lưu. Đó là lúc bác Tam (Nhất Linh) thành lập nhà xuất bản Phương Giang và in lại một số truyện ngắn của Thạch Lam, và cũng là thời gian tôi làm quen nhiều với những tác phẩm của cha tôi, vì kèm theo tiền bản quyền, nhiều khi do chính tay bác Tam đưa tới, chúng tôi cũng nhận được một số sách để giữ hoặc tặng bạn bè. Không thể nói là tôi sống trong cái bóng của cha tôi, nhưng quá thật những truyện ngắn ông viết đã ảnh hưởng nhiều trong cuộc đời tôi. Không phải là thường xuyên, nhưng những gì ông viết ra, bất chợt nhắc nhở tôi trong những tình huống đặc biệt, từ đó tôi tập sống làm một người lương thiện, biết thương yêu những người nghèo khó, những hoàn cảnh khốn cùng. Tôi cố gắng trong cư xử hòa thuận, tôn trọng nhân phẩm mọi người và hiểu rằng đôi khi một hành động nhỏ không suy nghĩ có thể gây ra những tai hại lớn lao và khốc liệt cho người khác. Tôi cũng học tập và tin tưởng qua những điều ông viết, là một đời sống thanh đạm và giản dị là căn bản của hạnh phúc, rằng tiền bạc chỉ là những ảo tưởng phù du. Nhưng than ôi, đối với đời sống và quan niệm thực tế thời tôi lớn lên, và nhất là sau này khi phải lưu lạc nơi đất Mỹ, những suy nghĩ và hành xử của tôi trong xã hội chỉ làm tôi là một người đứng bên lề. Dĩ nhiên, để đối phó với những khó khăn của cuộc sống, tôi phải hòa mình sống như mọi người. Tôi cũng đã có nhiều lần nghĩ những điều không tốt đẹp, có những hành động và cư xử có thể làm tổn thương người khác, cũng tranh đua với đời. Mỗi lần như thế, nghĩ đến danh tiếng của cha tôi, nhớ đến những bày tỏ về tính nhân bản trong các truyện ngắn của ông, đêm nằm nhìn lên trần nhà, tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ và khổ sở.

Đã có rất nhiều lần trong đời, tôi rất bất mãn và ngượng nghịu trong xã giao đời thường, khi được giới thiệu: “Đây là anh/ông Giang, con út nhà văn Thạch Lam”. Lời giới thiệu đó đã làm tôi rất khó chịu và rất khó đối xử, vì tôi bị chụp ngay vào đầu cái vòng kim cương của cha tôi, tôi không còn là tôi nữa, những ý tưởng của tôi đã bị điều kiện hóa. Tôi không biết phải ứng xử ra sao để phù hợp với “con út của nhà văn Thạch Lam”. Đôi khi, những người bạn văn nghệ bàn về cái hay cái đẹp của văn chương Thạch Lam, mặc dù tôi rất thích văn chương ông, nhưng mặc cảm về liên hệ cha con đã khiến tôi, hoặc im lặng, hoặc lảng tránh. Tôi, đôi khi chỉ muốn là con của một người bình thường nào đó, không có tiếng tăm và được yêu mến như Thạch Lam. Bây giờ, đã hơn bảy mươi tuổi đầu, khi đọc lại những tác phẩm của Thạch Lam, tôi thường thức với cảm xúc khách quan của một độc giả, tôi rất hãnh diện khi có người nhắc tới tôi là con của nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, một nhà văn tôi cũng rất yêu quý vì văn tài của ông. Thực tế, dù chấp nhận hay từ chối, tôi đã là con của Thạch Lam. Cũng chẳng còn bao lâu nữa, tôi sẽ có dịp gặp lại mẹ tôi và Thạch Lam, lúc đó có thể tôi sẽ được nắm tay ông và nhìn vào đôi mắt sâu thẳm của ông để gọi hai tiếng:

Cha ơi. Hai tiếng ngắn ngủi đã bao nhiêu năm tôi vẫn hằng mong ước.

08/21/2013

Dấu xưa Nguyễn Tường Giang

Buổi sáng hôm ấy trời có nhiều sương mù. Lúc tôi tỉnh dậy hơi lạnh thấm qua nền nhà gỗ truyền qua gan bàn chân làm tôi có cảm tưởng như trở thành một giọt sương. Các cửa sổ đều đóng kín, nhưng qua làn kính trong suốt, những bông hoa mimosa nở vàng lay động êm đềm. Căn nhà nằm trên một triền đồi cao, con dốc sáng lên với những viên đá xanh nằm ngổn ngang và những đám cỏ non còn ướt thẫm. Phía dưới xa kia là mặt hồ lớn, hơi khói bốc lên nghi ngút, quyện vào nhau. Kính đứng bên cạnh tôi, hai tay thủ vào túi áo bành tô bằng dạ xám đã cũ, thả những làn khói thuốc vào mặt kính. Anh nói nhỏ qua hàm răng cắn chặt cán chiếc tàu thuốc: Ông có nhìn thấy cây soan tây ở chân đồi không. Tôi nhìn theo tay trở xuống một thân cây mảnh khảnh ở giữa những rặng thông, một cây soan tây với những bông hoa mờ nhạt.

Kỳ còn nằm ở trong phòng hồi vọng ra: Có phải cây soan tây ngoài mình gọi là cây sấu đồng. Không ai trả lời vì Kính còn mãi mời lại tàu thuốc đã tắt. Tôi hà hơi lên mặt kính rồi lấy tay xoa một vòng nhỏ, một hình ảnh nào đó trong một cuốn phim đã coi lâu. Kính rủ tôi ra xem mấy chậu lan. Ở ngoài trời, gió mát lạnh lùa vào người như thấm nước trên từng phần nhỏ của da, Kính lấy tay hất nước từ một chiếc mũ sắt tưới cây. Những giọt nước bay lên cao lóng lánh. Hình ảnh một người bốn mươi tuổi, miệng ngậm tàu thuốc, những đám chân râu xanh chạy trên mép, cầm một chiếc mũ sắt tưới những hàng lan nằm trên bể nước cũ hoặc treo lủng lẳng trên cây làm tôi ngậm ngùi, một chút gì mát mát ở đâu đây. Không khí như không một vẩn bụi, sạch quá. Một chậu lan mới mở sáng nay, những cánh hoa trắng và mỏng, long lanh như tuyết đọng. Tôi kề mũi vào ngửi, chỉ thấy mùi mát ạnh của sương đêm và những cánh nhụy nhỏ như đốm phấn vàng trên cánh bướm. Kính đã ngừng tay, chiếc mũ sắt rung rinh như một con thuyền. Lan Tuyết Ngọc đấy. Ngày xưa ông bác ông cũng nói về thứ này.

Một buổi sáng mù sương nào ở núi rừng Phi Nôm, người bác già đã dẫn tôi, một cậu bé chưa đầy mười lăm tuổi, vào khu rừng sau nhà tìm lan. Căn nhà bằng gỗ nằm xa quốc lộ phía sau mở một con đường vào rừng. Qua một con suối nhỏ róc rách những tiếng reo vui – người đi lâu chưa thấy về, nhớ người lòng suối Đa Mê cũng buồn – là tới rừng râm. Mùa mưa, rừng âm u và những con vắt lạnh như kim khí bám vào người khiến tôi không có một chút thích thú nào. Ông đi một đôi ủng cao su cao đến đầu gối, mỗi lần kiếm được một loại lan lại giảng giải tôi nghe. Tôi nghiệp tôi, trời lạnh và trí óc còn mơ đến những bông hoa rục rờ của đời, tôi nào có thấy những cánh hoa thanh khiết và cao quý của núi rừng là đẹp. Ông chỉ tôi ngửi từng loại hoa, nhưng hương thơm của lan nhẹ quá, nhẹ đến nỗi khứu giác non nớt của tôi chỉ thấy mùi đất ẩm và gỗ mục. Tháng Tám năm đó, ông làm những ngôi đèn ông sao bằng giấy bản mỏng và cả ngày ngồi vẽ từng loại lan trên mặt đèn. Ngày rằm được chiếu sáng bởi những ngọn nến nhỏ, những bông lan như nở hết những cánh hoa đẹp nhất, lung linh trong trận mưa nhỏ hạt.

Bây giờ ông đã chết. Tôi ngó bông lan mới nở, ngó những cánh lá lan dài và thon nhẹ, những chiếc rễ cây nhỏ bám vào đất ẩm của chiếc vỏ dừa bỏ đôi hay của một thanh gỗ mục, Tôi đã già rồi chẵng. Tôi đọc hai câu thơ nhớ được về lan: Sắc trong Thanh ngọc hương thơm mộng. Một thoáng mơ tiên thoảng xuống trần. Kính nói: Đó là lan Thanh ngọc, đây cũng có một giò Thanh ngọc. Lan Thanh ngọc thơm hơn Tuyết ngọc nhiều. Rồi Kính trở một giò lan nằm lẫn lộn với các loài khác. Những cánh lá nhỏ, rêu xanh mọc lan trên các rễ cây. Những ngón tay Kính mơn man nhẹ trên các lá, ngó những đốt cây một cách thích thú. Nhiều khi chỉ có những con sâu nhỏ mà làm hỏng một giò lan của mình. Tôi cười: Thì giết nó đi, có gì khó đâu. Kính trả lời như tôi vừa làm một điều xúc phạm: Sâu cũng là một sinh vật, nó chắc không ý thức được việc nó làm. Rồi Kính cười buồn. Có tiếng Kỳ vọng ra: vào uống trà cho ấm người. Kính nhắc chậu lan mới nở, mang bằng cả hai tay. tôi đốt một điếu thuốc thơm, trời lạnh và buổi sáng

vắng người.

Chiếc bàn bằng gỗ thấp nằm ở phòng trên một chiếc chiếu hoa. Mặt bàn phủ một chiếc khăn dạ màu xám nhạt. Một chiếc bình thủy màu ca-rô đỏ, một cái ấm đất bằng nắm tay và những tách nhỏ như hạt mít. Kính đặt chậu hoa ở giữa bàn. Chiêm cũng đã dậy và ngồi gần góc bàn. Chiêm hỏi : Các ông định ở chơi bao lâu. Kỳ đáp : Vui thì ở lâu, buồn thì về. Kính rót trà ra từng tách nhỏ : Phải uống thật chậm, trà Trung quốc đây Lan Thanh ngọc phải có hơi trà mới thơm. Chúng tôi cùng nâng tách trà lên, thổi nhẹ trên mặt nước trong như hồ phách. Hơi trà bốc lên quyện vào những cánh lan và hương thơm tỏa ra, tỏa ra. Căn nhà lát bằng gỗ cả bốn bức tường, sàn cũng bằng gỗ đánh vec-ni đen bóng. Phòng này Chiêm và Kính ở. Nửa bên kia là văn phòng làm việc của Ty. Kỳ và tôi hôm qua đến đây đã hỏi đùa : Ông đúng là công chức gương mẫu, việc nhà như việc nhà. Chiêm rời bàn làm việc, chân đi vớ dầy và dép da dẫn chúng tôi qua phòng riêng. Những chiếc ghế mây đã cũ, không còn nệm. Một cành đào còn nở hoa cắm trên chậu xú. Bàn thờ Phật với hình Đức Quan Âm bồ tát. Một nén nhang đang cháy mùi thơm phảng phất. Chiêm nói : Nhà này trước là hotell thời Pháp bây giờ mình dùng làm Ty sở. Mà ở đây cũng chẳng có gì để làm cả. Ông có bao nhiêu nhân viên. Chiêm chỉ búng quơ : sáu người, mà lẽ ra một người làm cũng quá đủ rồi. Người sinh viên đã từng tranh đấu bao nhiêu năm, làm đổ bao nhiêu chế độ. Giờ đây Chiêm thu mình trong chiếc áo đan bằng len dày, màu tro xám - màu của Phật tử - Một mình đi lại trong căn phòng gỗ của miền Cao nguyên. Chiêm mới được ba mươi tuổi. Tôi nhìn trên vách ở đầu giường có treo hình hòa thượng Thích Quảng Đức lúc viết bức thư trước khi tự thiêu và chân dung của Gandhi, lãnh tụ bất bạo động.

Trời lạnh. Ở phía cuối giường có dán một tấm bìa lớn vẽ phóng lại một trang báo Văn Hóa Ngày Nay. Bức tranh có ánh trắng chiếu hui hắt qua song cửa, soi lên mặt bàn có để một cái ly nhỏ. Bài thơ Tương Biệt Dạ của Huyền Kiều. Kính nói : Các ông có thấy tượng Phật đặc biệt của tôi chưa. Tôi và Kỳ cùng đáp chưa và theo Kính ra nhà ngoài. Tôi rời trên mặt pho tượng đã nát một bên mặt, những máu đồng ram rấp dưới làn da. Giữa thời đại này Phật không có mắt mà lại hay. Chúng tôi trở lại bàn uống trà, cùng im lặng. Chiếc may thu thanh nhỏ đã cũ rề rề phát ra một bản nhạc buồn. Kỳ vẫn vờ vuốt tay trên nòng súng carbine phòng vệ dân sự, nòng súng đã rỉ ở ngoài. Kính hít một hơi thuốc dài rồi nhả khói lên cao hai tay vẫn thu vào trong áo bành tô. Ngoài trời hình như có gió, tôi nghe thấy tiếng sào sạc của lá cây.

Mẹ tôi mất vào 6 giờ tối. Lúc đó tôi mới làm việc ở B.H. về, qua nhà đón vợ con lên thăm bà. Không có một linh tính nào báo trước việc đó cả. Có một chi tiết nhỏ, vợ tôi buổi sáng có mua một ít bánh cuốn Thanh Trì - thứ bánh mẹ tôi rất thích khi còn sống - nơi bà gánh hàng rong hông chợ Bến Thành. Đáng lẽ ra tôi về nhà từ buổi trưa và mang lên cho mẹ tôi ăn. Nhưng một phần vì chiếc xe bị hết bình điện phải đi sửa lại. Một phần vì hôm đó là ngày trực của tôi, tôi phải nhờ một người bạn thay thế. Buổi trưa trời nắng gắt đến độ mồ hôi bết cả áo quần, tôi mệt như người ở trong lò lửa. Vào khoảng 3 giờ tôi có hơi sốt ruột vì sự chậm trễ. Tôi xuống phòng mổ lấy một bịch máu loại O, bỏ cả vào bao ni lông, mua ít đá cục chườm chung quanh. Tôi dặn dò vài nhân viên về sự vắng mặt và đi ra chỗ sửa xe. Bình điện chưa được mạnh lắm nhưng tôi cũng lấy và đi về Sài Gòn. Chiếc xe hơi quá cũ, tay lái bị lỏng tuy nhiên tôi chạy hết tốc lực có thể được.

Tôi có nghĩ nhiều đến mẹ tôi trên đường về nhưng không một chút nghi ngờ bà chết ngày hôm nay. Mẹ tôi bị bệnh đã lâu, ung thu dạ dày. Cách đây hai năm bà đã bị mổ cắt đi hai phần ba. Người giải phẫu cho bà cũng là ông thầy đỡ đầu cho tôi trình luận án, đã kéo tôi vào phòng riêng và nói : Nếu ăn uống đàng hoàng thì có thể kéo dài hai năm. Tôi cũng nghĩ như thế và bây giờ sức khỏe của mẹ tôi đã yếu lắm. Hai năm qua đi không một biến chứng nào, tôi nghĩ đôi khi khoa học cũng bị vượt qua bởi nhiều sự tình cờ. Tôi cũng đã đi làm việc được một năm và về thăm bà rất đều đặn. Tôi có gửi bà nuôi đứa con lớn nhất, mới hai tuổi, cũng là cháu trai

nội độc nhất của bà. Bà ở cùng người con lớn, anh tôi. Anh độc thân và làm việc ở bộ Kinh-Tế. Tôi còn một người chị theo chồng ở ngoài Huế , lâu lâu về thăm bà một lần. Mẹ tôi vui hay buồn trong thời gian này tôi cũng không quả quyết lắm. Tôi mồ côi cha từ nhỏ , khi sinh ra có ba ngày và tôi đã sống gần mẹ trong suốt ba mươi năm. Khi chiến tranh bùng nổ , một mình bà dắt díu ba chị em tôi về một làng hẻo lánh ở Bắc- Giang và tôi sống cả tuổi thơ ở đó. Mẹ tôi đi mót lúa , gánh gạo suốt mười cây số để đến chợ , chị tôi phụ giúp bà. Tôi và người anh đi vào rừng kiếm củi , nhặt nắm rẻ hay trái cây.

Năm sáu tuổi tôi được đi học ở trường làng cách hai cây số. Con đường đến trường phải qua một khu rừng lau. Vào mùa thu bông lau nở trắng xóa cả một vùng. Năm 49 , bà đưa chúng tôi về Hải-Phòng , đưa làm hai lần vì sợ nguy hiểm. Tôi và anh tôi về trước , bà gửi chúng tôi ở nhà một người cô (Chị ruột cha tôi) rồi lại vội vã quay về đón chị tôi. Lúc trở về Hải-Phòng tôi có bị chết hụt mấy lần. Có lần đại bác nổ gần chúng tôi và khi phải tranh nhau qua đò , tôi bị xô đẩy bay xuống lòng sông cuộn cuộn. Họ vớt tôi lên và khi qua sông phải chạy thêm hai cây số với quần áo ướt đầm. Sáng hôm sau đã nghe tin con đò bị trúng đạn và chìm ở giữa dòng. Tôi nhớ mãi chi tiết này là vì từ sau lần đó mẹ tôi không rời tôi nửa bước và lòng mến thương của bà , sự âu yếm đặc biệt của bà đã khiến tôi được như ngày nay.

Chúng tôi ở Hải-Phòng hơn một năm rồi theo gia đình bà cô về Hà-Nội. Mẹ tôi xin được việc làm ở Nha Bưu Điện, với một số lương ít ỏi , bà nuôi anh em tôi ăn học đủ cho tới khi vào nam. Tôi sẽ không có gì nhiều hơn để kể trong khoảng thời gian này. Mẹ tôi tiếp tục làm việc , có được một căn nhà nhỏ của sở. Khi anh em chúng tôi vào đại học , anh tôi đi dạy học thêm phụ giúp mẹ. Tôi trong suốt thời gian này cũng như khi còn nhỏ không giúp gì được cho gia đình ngoài việc lêu lổng đi chơi , như các thanh niên trẻ và ham chơi khác. Tôi lập gia đình sớm , mẹ tôi vẫn còn giúp đỡ vợ chồng tôi. Cho đến khi bà chết. Lúc tôi sửa soạn lên thăm bà thì anh tôi tới. Anh không kịp tắt máy xe , bảo tôi : Mợ chết rồi.

Tôi không hỏi gì cả. Mẹ tôi chết rồi. Tôi nhớ lại lúc đó tôi không có cảm giá gì lạ. Tôi không tin bà chết. Lần cuối tôi ngồi bên giường bà cười và nói với tôi : Con cố mua phần đất cho mợ càng gần bà nội càng tốt. Tôi còn nói đùa với bà : Còn phần đất trong hội mợ dành cho con nghe , bỏ đi uống quá. Mẹ tôi co" chân trong một hội tương tế nào đó , nhưng lúc chót bà đổi ý và muốn được chôn gần họ hàng trong một nghĩa địa đã có khá nhiều bia mộ mang những tên đệm giống nhau. Tôi cúi xuống sàn xe , hơi nước đá từ bao ni lông đựng máu làm tê lòng bàn tay. Tôi mân mê bịch máu , thậm mong có thể anh tôi đã nghĩ nhầm. Vợ tôi trong tay còn cầm gói bánh cuốn , run run và muốn òa khóc.

Tôi lái xe đi bình tĩnh. Tôi chỉ tin cái chết khi chính tôi xác nhận điều đó. Mẹ tôi nằm im lặng trên giường , bình thản. Mắt đã khép. Tôi nắm lấy cổ tay bà , cố nghĩ rằng mạch máu còn đập ở đâu đây. Nhưng tôi chỉ thấy mạch máu tôi đập trên đầu ngón tay. Tôi đặt hai tai lên ngực bà , ngực còn nóng nhưng tôi mơ hồ nghe tiếng lá cây sào sọc bên ngoài cửa sổ. Bà đã chết thật rồi. Tôi ngó những chai nước biển còn lay động trên đầu giường , tôi bóp nhẹ mu bàn chân hơi phồng lên của bà. Tôi đứng dậy và đi ra ngoài. Tôi còn nhìn thấy bà. Anh tôi ngồi yên lặng ngoài phòng khách tôi hỏi : Mợ chết lúc nào. Buổi trưa khi tao đi làm mợ còn dặn mua nho cho mợ , nhưng khi tao về thì mợ đã chết. Tôi nói : Mợ chết không đau đớn là tốt lắm , bệnh này hay gây cho bệnh nhân khổ sở nhiều. Rồi tôi đi ra vườn. Bây giờ đã cận tết , cảnh đào chị tôi gửi từ Huế vào đang trổ những bông hoa màu hồng xinh xắn , cây mai ở góc vườn đã trộ hoa vàng. Tôi không muốn thấy mình muốn khóc. Tôi thấy lòng thanh thản , buổi tối chỉ có sao lấp lánh trên nền trời và những cơn gió mát. Hình như tôi vừa chết chứ không phải mẹ tôi.

Uống trà xong , Tôi và Kỳ rủ nhau xuống phố. Nắng đã lên nhưng mỏng manh quá, chỉ đủ làm hoe vàng một vài ngọn cây. Trời còn lạnh và gió đã thổi bay những lớp sương đọng trên mặt

hồ. Con đường ánh lên một màu xám sáng , chia ra nhiều nhánh như một dòng sông. Khách sạn lớn nhất và đẹp nhất của thành phố nằm giữa hai đường vòng , cô đơn như một tòa lâu đài cổ. Thành phố còn giữ vẻ im lặng của những ngày Tết , người lác đác qua lại , những màu áo đỏ , vàng còn mang vẻ rực rỡ trên những tấm lụa mới. Tôi hỏi Kỳ : Kinh sao hẳn không đi. Kỳ cười : Hẳn không có giấy phép. Đã mừng bầy tết rồi nhỉ. Một vài cây đào ven đường còn giữ lại bông hoa hồng nhạt , một con chim bay từ mái nhà cũ đến một cành thông. Tôi cố chờ đợi thêm một con chim khác. Nhưng không có gì cả. Tôi nhìn sang Kỳ. Kỳ đốt một điếu thuốc mới , bẻ lại cổ áo. Chiếc áo len đã cũ màu xám nhạt , quần cũng đã phai màu vãi đôi giày mua sẵn cũng sờn lông đã ngả màu đất bùn. Trông Kỳ cô đơn quá. Nhưng tôi yêu vẻ cô đơn và trầm tĩnh. Kỳ hơn tôi khoảng mười tuổi , tôi vẫn tự hỏi làm sao chúng tôi lại rất thân với nhau và hiểu nhau như đã nô đùa chung từ khi còn nhỏ. Chúng tôi quen nhau khoảng bốn năm , khi hai người cùng hoạt động trong một nhóm chánh trị .Nhưng khi đã bắt đầu thân nhau , ngồi uống cà phê ở một tiệm cà phê khuất nẻo , hay nhâm nhi chút rượu mạnh nơi hàng quán bên sông , chúng tôi khám phá ra là cả hai đều không ưa chính trị .

Chúng tôi kể cho nhau nghe những thú vui thời tuổi trẻ , sự hoài niệm dĩ vãng và vẻ đẹp của mọi sự vật trên đời . Chúng tôi nói về những ngôi nhà cổ trong vườn trồng đầy những hoa hải đường mà thật tình tôi cũng không nhớ rõ màu sắc .Đôi khi chúng tôi bàn về thú uống rượu của cổ nhân , kể cho nhau nghe quá khứ mịt mù khi còn nhỏ ở Huế và Hà Nội , hai thành phố mà chúng tôi yêu mến . Chúng tôi lẫn lộn Kỳ còn quá trẻ hay tôi già trước tuổi .Tôi và Kỳ đến ăn sáng ở một quán nổi tiếng về bún bò huế , cắn những miếng ớt cay đến chảy nước mắt và trở lại phòng ăn của khách sạn ngồi uống cà phê . Kỳ hỏi tôi lơ đãng : bà cụ ông bao nhiêu tuổi rồi nhỉ. Tôi đáp : hình như là 65. Thực tình tôi cũng không nhớ rõ tuổi của bà. Tôi tiếp : chóng quá , đã chín ngày rồi. Kỳ gọi một ly cà phê đen và tôi một ly cà phê sữa. Buổi sáng , căn phòng rộng mênh mông , lạnh lẽo. Bàn bên cạnh hai người ngoại quốc đang đánh một thứ cờ nào đó , một người đàn bà tóc vàng yên lặng hút thuốc. Những ghế khác còn trống , bày ra các nệm màu hoàng yên và xanh rêu. Tôi lấy chiếc pipe nhờ thuốc và mồi lửa. Kỳ nói : mùi thuốc cherry ngon quá , ngồi gần người còn thú hơn hút. Tôi bập bập trên cán pipe để giữ cho lửa khỏi tắt. Người ngoại quốc bàn bên cạnh ho vài tiếng nhẹ . Người đối diện nói với người đàn bà bằng hai ba câu tiếng Pháp.

Tôi có cảm tưởng như đã sống trong cảnh tượng này ít nhất một lần và tự dưng tôi buồn bã.me tôi đã chết thật rồi. Tôi biết chắc điều đó vì vĩnh viễn tôi không còn nhìn thấy bà nữa. Người quản gia của chị tôi đã vào phòng liệm bà một lần cuối cùng , trước khi đưa vào áo quan tôi chỉ thấy một gói vải màu đỏ rờ . Rồi sau đó là tiếng khóc , tiếng người nói và có thể là tiếng cãi nhau xôn xao. Rồi mùi hương và mùi nến chảy , tiếng tụng kinh gõ mõ đều đều như từ cõi nào vọng lại. Tôi quì hàng giờ trước quan tài , tôi lễ trả hàng ngàn lần và ôm mặt khóc sau xe tang. Buổi sáng mừng hai tết , đoàn xe chạy buồn bã giữa những quần áo mới bên đường , và trước khi trở lại nhà tôi vẫn tự hỏi không biết đầu bà nằm về hướng nào dưới lòng đất.

Tôi nháp một ngụm cà phê còn hơi ấm, tò mò ngắm chiếc tách bằng sứ có vẽ một bông hoa hồng. Mọi vật yên lặng quá. Tôi nghĩ giá có một chút rum ở trong cà phê thì ngon biết mấy. Nắng đã lên cao , chiếu một vệt dài ngang qua mặt bàn , ngang qua ly cà phê của Kỳ. Một cặp trai gái chụp hình cho nhau trước cửa khách sạn , bên ngoài cửa kính. Người con gái đưa tay vuốt tóc , những sợi tóc mềm và dài bám hờ hững trên vai. Cô gái còn nhỏ , mặc áo dài màu tím và khoác áo len màu sữa đục. Họ nói và cười với nhau , những tiếng động không vang vào được phía trong. Nhìn ra ngoài thấy môi họ mấp máy hay há ra như một phim câm. Cô gái chỉ một bông hoa cúc mới nở phía trái khách sạn , rồi cô đến đứng bên cạnh và một tay cô mân mê những cúc áo len. Kỳ nói nhẹ : Trông những người yêu nhau hạnh phúc quá. Tôi cười : Sao ông không kiếm lấy một cô cho đời đáng yêu. Nhưng tôi thầm nghĩ cái hình ảnh đẹp đẽ như trong phim ảnh kia chỉ có thể đứng ở ngoài mà nhìn vào , qua một tấm kính. Nó thật trái ngược

với cảnh buồn khổ , chỉ có người trong cuộc mới thấm thía nỗi đau đớn dày vò mình. Cặp trai gái đã bỏ đi , tay nắm tay chạy trên những bậc thang xuống hồ. Bên kia hồ , đồi cỏ xanh nhuốm nắng và tôi nghe tiếng thoang reo như một điệu nhạc buồn.

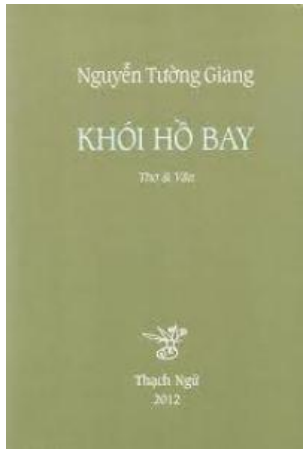
Ba người ngoại quốc đã đứng dậy. Một người khoác áo lạnh cho người đàn bà. chiếc áo màu vàng ấm. Họ vừ đi vừ nói , âm thanh vi vu như gió. Kỳ trả tiền , tôi cởi bớt những cúc áo len cho đỡ nóng. Nắng tràn ngập các bàn ghế kê sát bên cửa kính. Chúng tôi rời khách sạn , đi ngược về phía cuối thành phố. Một chiếc xe Lambro rồ máy chạy ngang rồi khuất nẻo ở một đường dốc. Tôi nói : đến nhà bà cô tôi ăn cơm trưa luôn. Nhà ở lưng chừng thung lũng , trong một con đường nhỏ. Chúng tôi đi ngang một nhà thờ vắng vẻ , hội văn hóa Mỹ còn đóng cửa. Những vila nở đầy hoa mimosa. Rẽ vào một con đường nhỏ rất sâu , lẫn lóc những viên đá xanh làm đường. Một con chó lông vàng úa ngó chúng tôi nhưng không sủa , tôi vuốt đầu nó. Bà cô tôi ở trong nhà đi ra , chiếc áo lạnh bằng nhung đen giống hệt chiếc áo của mẹ tôi. Bà nói : Tôi nghiệp mẹ cháu chết đi chẳng được hưởng gì cả. Tôi đáp : Vâng. Người ta sống để mong hưởng một cái gì . Chắc không phải thế. Đó chỉ là một cách nói để che đậy vẻ cao quý của đời sống. Người ta sống khổ sở để không hưởng một cái gì. Như những bông lan nở hoa và tàn lụi. Tôi nghĩ thế , ít ra cho mẹ tôi và bà cô buồn rầu đứng kia .

Chúng tôi vào nhà , bà cô xuống bếp làm cơm. Tôi và Kỳ ngồi nói chuyện với mấy cô em họ. Kỳ khen những cánh đào thật đẹp. Tôi chọn một băng cassette và bấm nút. tiếng ca mềm và ấm trong căn phòng nhỏ. Chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Trong bữa cơm ai cũng nhắc đến mẹ tôi. Còn tôi , những món ăn quen thuộc làm tôi nhớ bà hơn cả những lời hỏi thăm. Từ đây , tôi sẽ chẳng được ăn những món ăn mà tôi đã ăn trong bao năm qua. Bà cô pha một bình trà nhỏ ướp sen. Tôi ngoài uống trà , lơ đãng trả lời những câu hỏi và nhìn qua cửa kính xuống thung lũng.

Bên kia thung lũng là một nghĩa địa lớn , những tấm bia màu trắng sáng lên dưới nắng. Trước mộ mẹ tôi cũng có một tấm bia làm vội bằng xi măng quét vôi trắng và người khắc chữ đã khắc lầm ngày mẹ tôi mất. Tôi quỳ xuống trước mộ , dùng dao sửa lại cho đúng rồi dùng bao hương màu đỏ chà lên chỗ mới sửa cho cùng màu. Tôi chợt hỏi không biết hai chậu cúc vàng để bên mộ đã tàn chưa. Mẹ tôi vẫn mong có dịp lên đây thăm bà cô và ở lại chơi một thời gian - Trên này co phong vị tết như ngoài bắc - nhưng tôi hiểu rằng , dù là một ước mơ nhỏ mẹ tôi cũng không bao giờ thực hiện được. Tôi đi thơ thẩn ra vườn , ngó những bông hoa xác pháo đỏ rực trên mái nhà , những bông cúc tươi mát vàng rực rỡ , những bông hoa màu hồng màu đỏ mà tôi không biết tên , tôi há miệng lớn và thở đầy những không khí vào phổi , mẹ tôi đang đứng ở gần đây , ngắt vài bông cúc lớn cắm ở bàn thờ Phật. Kỳ ra rủ tôi lên chợ. Chúng tôi leo qua những con dốc đầy hoa quỳ , la cà khắp các quán cà phê chung quanh chợ cho đến tối. Khi chúng tôi trở lại nhà Chiêm và Kinh , hai người đang ăn cơm. Chiêm ngừng lên nhìn tôi : Bà cụ ông mới mất hả? Hỏi chiều lên phố mới biết. Kinh nói : Ăn cơm chưa , ngồi ăn chút cơm cho vui. Tôi và Kỳ ngồi xuống bàn ăn , bữa cơm chỉ có một đĩa đậu và mấy cọng rau. Buổi tối tôi theo Kinh ra xếp lại những chậu lan trên bể nước. Kinh xếp những giò lan sắp nở vào một góc. Lan phải có sương mới thanh khiết. Trời tối xẩm và gió lạnh thổi qua đồi , thấm những giọt sương vào da. Kinh thọc hai tay vào áo bành tô , lửa đỏ lập lòe trên đầu tẩu thuốc . Mùi khói thuốc như tan vào trong gió. Tôi thấy lạnh ở cổ và ho. Chúng tôi ngồi uống trà đến nửa đêm , Chiêm nhường cho tôi và Kỳ giường có nệm và chăn bông. Hơi lạnh như ùa qua các kẽ hở , tràn ngập trong phòng. Tôi nằm co ro cố rúc sâu vào trong lòng mẹ , chiếc chăn bông mỏng khoảng đủ ấm nhưng hơi ấm trong người của mẹ tôi có thể nóng như than trong lò. Tôi ứa nước mắt , khóc và gọi trong đêm khuya lạnh lẽo đầy bóng tối :

Mẹ ơi. Mẹ tôi đã chết rồi.

“Khói Hồ Bay,” định mệnh khác của Nguyễn Tường Giang Du Tử Lê



Thừa hưởng huyết thống văn chương tài hoa lấp lánh của thân phụ, nhà văn Thạch Lam / Nguyễn Tường Lâm, theo tôi nếu Nguyễn Tường Giang không viết văn, làm thơ mới là điều đáng ngạc nhiên và, đáng tiếc.

Bước vào thế giới thơ, văn từ những năm còn là sinh viên Đại học Y Khoa Saigon đầu thập niên (19)60, nhà văn, nhà thơ Nguyễn Tường Giang từng cộng tác với các nhóm văn hóa như Thái Độ, Đất Nước. Ông cũng là một trong những thành viên chủ trương tạp chí Văn Chương, thành lập nhà xuất bản Thạch Ngữ. Ở hải ngoại, Nguyễn Tường Giang đi tiếp con đường chữ, nghĩa thừa hưởng từ thân phụ, qua những sáng tác đăng tải trên các tạp chí như Văn, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21...

Nhưng, mãi tới hôm nay, họ Nguyễn mới cho ấn hành tuyển tập thơ, văn đầu tiên “*Khói Hồ Bay*” ở quê người.

Với gần 400 trang sách khổ lớn, mẫu bìa trang nhã tới mức khiến cho người đọc tự nhiên cảm thấy muốn nâng niu, tựa nếu không, hương khói văn chương họ Nguyễn, có thể bắt bình mà bay mất!

Trong lời tựa, trước khi mở vào tác phẩm, nhà văn Phạm Phú Minh ghi nhận một giai đoạn thi ca của Nguyễn Tường Giang như sau:

“Nỗi buồn (trong thơ Nguyễn Tường Giang) tồn tại như một phẩm hạnh của tâm hồn nhà thơ, nó xác nhận một cái gì bất biến nơi ông, trước những biến đổi cực kỳ lớn cho đời ông cũng như cho đất nước Việt Nam. Dù phải hoàn toàn làm lại cuộc đời nơi xứ lạ, phong tục tập quán và văn hóa cuộc sống chung quanh đều thay đổi, nhưng trong thâm tâm ông đã kết tinh một viên ngọc của yêu thương lẫn đau thương, một loại trái tim Trương Chi không bao giờ tan biến. Đó là chỗ đáng yêu và đáng phục nhất của của tâm hồn Nguyễn Tường Giang, nằm ẩn một cách sâu xa và kín đáo trong tâm sự thi ca của ông...”

Trước khi bước vào phần văn xuôi Nguyễn Tường Giang, nhà văn Nguyễn Tường Thiết viết về người em có chung một huyết thống gia tộc với mình như sau:

“Khi chú Sáu của tôi (nhà văn Thạch Lam) qua đời năm 1942 tuổi của Giang lúc ấy vòn vẹn ba ngày. Khi bác Tam (Nhất Linh) của Giang mất năm 1963 tuổi tôi hai mươi ba.

“Với Giang, Thạch Lam là cái bóng trong tâm tưởng. Với tôi, Nhất Linh là cái hình trong hồi ức. “Giang mở đầu một bài hồi ký về cha mình bằng một cái chết:

“ ‘*Chết là giải thoát một đời. Chết là đầu bên kia của sợi dây ngày tháng. Một sớm kia, một tối nào. Tôi hay anh, cũng thế. Bên kia cái chết là nội cỏ ngàn cây hoa mộng hay bên kia cái chết*

là thẳng thốt khổ đau. Tôi đã nhìn thấy nhiều cái chết, nhiều khuôn mặt chết. Quá nhiều. Nhưng không bao giờ, mãi mãi, tôi có thể hình dung được một cái chết, một khuôn mặt chết thân yêu nhất và buồn bã nhất của đời tôi. Cái chết của cha tôi, Thạch Lam.’ ”
(Khói Hồ Bay – Thạch Lam, cha tôi trong trí tưởng).

Nếu những trang thơ của Nguyễn Tường Giang là những cật vấn trực tiếp với cuộc đời, với nhân thế thì, những trang văn của họ Nguyễn lại là những nhất cuộc đào xới quá khứ lao lung. Một quả khứ lênh đênh, bập bênh những những mắt mát. Thất lạc. Chia tan. Theo tôi, chúng ta đọc thơ Nguyễn Tường Giang để về gần với những câu hỏi căn bản như con người từ đâu đến? Sống để làm gì? Chết sẽ đi về đâu? Trong khi văn xuôi của Nguyễn Tường Giang lại cho ta về gần (rất gần) kỷ niệm. Kỷ niệm riêng mà chung! Bởi chúng là những nắm mộ. Những nắm mộ không chỉ trong ký ức. Trong hồi tưởng. Mà, những nắm mộ, hiểu theo một nghĩa nào, cũng chính là nơi chúng ta sẽ tìm về, nằm lại. Vĩnh viễn. Như một lần chúng ta tình cờ bị / được định mệnh dắt tay bước qua ngưỡng cửa đời sống, để ở trong cuộc đời này, dù chỉ khoảnh khắc. Nhưng, vẫn theo tôi, vẫn chương Nguyễn Tường Giang, ngược lại. Nó vượt khỏi vạch vấn khoảnh khắc. Nó có cho riêng nó một định mệnh.

Định mệnh, khác.

Cái ấm đất và bộ chén trà Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam Nguyễn Tường Giang

Bài viết sau đây là của người con trai thứ hai trong gia đình Thạch Lam và sinh mấy ngày trước khi ông qua đời. Bài được viết cuối năm 2013 và lần đầu in trên Giai Phẩm Xuân Người Việt, Giáp Ngọ 2014.

Khi tra trên mạng, tôi chỉ nhận được con số phổ biến bài, tính đến ngày 4-7-2016, là 229. Ở trong nước, bài được in trên mấy trang mạng chuyên về trà và các loại mỹ nghệ phẩm trong đó có một trang của cơ sở Ba Mẫn chuyên cho thuê bàn ghế, chén đĩa, cổng hoa. Nghĩ rằng bài viết giúp ta hiểu thêm cả không khí văn học thời tiền chiến, lẫn những phiêu pha trôi nổi đã đến với các giá trị đạm bạc nhưng cao quý trong những năm chiến tranh cũng như hậu chiến, nhân ngày sinh của hai ông Thạch Lam 7-7 và Nguyễn Tuân 10-7, tôi xin được phép giới thiệu lại, kèm theo là một ít ghi chú nhỏ đưa ở cuối bài.

Tôi vẫn thường tưởng tượng một cảnh gặp gỡ như vậy giữa Nguyễn Tuân và Thạch Lam. Mẹ tôi khi còn sống không bao giờ (và có lẽ cũng vì tôi không hỏi) nói về cái buổi Nguyễn Tuân đến nhà tặng Thạch Lam một bộ đồ trà.

Trời mới vừa hửng sáng, đám sương mù dày đặc từ đêm hôm trước như có linh hồn của một người yêu công việc thấy được ánh sáng đầu ngày đã vội vàng tản mát trên mặt nước Hồ Tây, như những người thợ cần mẫn vội vã đến nơi làm việc. Phía trong làng hoa Yên Phụ, những người trồng hoa đã bắt đầu gánh sản phẩm của những ngày lao động vội vã đi về phía đê Yên Phụ rồi tản mát đến các khu họp chợ để phân phát hương thơm và màu sắc cho những thiếu nữ mộng mơ.

Trên đê Yên Phụ lúc đó, người phu xe cũng vừa ngừng chạy, đặt hai cái cang xe xuống mặt đường. Một người đàn ông tầm thước mặc đồ âu tây trắng, đội mũ phớt trắng chậm rãi bước khỏi xe. Ông cẩn thận ôm trên tay một cái bọc vải màu nâu gụ, dấn dò thời gian người phu xe trở lại đón rồi thông thả đi xuống đê, rẽ vào con đường làng nhỏ ngược chiều với những gánh hoa đủ màu sắc. Qua cái đình có vẽ hình một con hổ vàng vằn đen, phía trước đình là một cái ao dài và nhỏ còn vương lại mấy lá sen tàn, ông nhẹ nhàng đẩy cánh cổng gỗ của căn nhà đầu tiên trên đường.

Đó là một căn nhà tranh vách đất nằm bên cạnh Hồ Tây, một bụi tre khế lay động trước nhà và ông nhìn thấy phía bên nhà ngó ra hồ những cành liễu rũ xuống lấp lánh lá còn ướt sương. Ông đứng trước cửa nhà bằng tre, khẽ gọi: chị Lân, chị Lân. Cánh cửa hé mở, một người đàn bà nhỏ nhắn vấn tóc trần thò đầu ra: à anh Tuấn, anh đến chơi sớm. Nhà tôi đang ở phòng viết, mời anh vào chơi. Người đàn ông bước vào nhà, để cái bọc vải trên mặt bàn bằng gỗ, cũng vừa lúc đó chủ nhân ở căn phòng nhỏ bước ra.

Chủ nhân người gầy, cao, nét mặt thanh tú, đôi mắt sâu và lông mày rậm. Hai người bắt tay nhau: anh ngồi chơi, lâu không thấy anh tới tưởng anh lại đi giang hồ đâu xa. Hai người ngồi xuống hai chiếc ghế mây ở hai đầu bàn, người khách mở gói vải bày ra mặt bàn một bộ đồ trà và một hộp trà nhỏ: xin chị cho một ấm nước sôi. Chủ nhà tò mò ngắm nghía bộ đồ trà: một cái ấm trà màu đỏ chu sa, một cái đĩa bàn lòng chảo bằng sứ men trắng dưới lòng đĩa có vẽ hình những con kỳ lân với những cái đuôi dài quấn vào nhau, tựa như một tấm bản đồ cổ. Một cái chén tống và một chén quân có cùng một họa hình như cái đĩa bàn, còn một chén quân khác vẽ cảnh bốn người ngồi trong thuyền ngoạn cảnh bên bờ nước có những tảng đá lớn có một cái cây nhỏ vươn ra. Trên thành chén quân này có bảy chữ Tàu, ắt hẳn là một câu thơ.

Chủ nhân cười hỏi: không biết đây có phải là bộ đồ trà trong “những cái ấm đất” và “chén trà trong sương sớm” chẳng. Tôi nào có nghi ngờ những điều anh viết đâu. Khách biết là chủ nhân chỉ hỏi đùa, ông vẫn cảm cái ơn tri ngộ của một người bạn văn cùng nỗi tình khi viết những lời phê bình cảm động cuốn truyện ngắn ông mới in. Tôi cũng có việc sắp phải đi xa nên đến cùng anh uống vài chén trà từ biệt. Cũng xin để tặng anh bộ đồ trà của gia đình. Khi nào anh uống trà sẽ nhớ đến Nguyễn này.

Một cái hỏa lò đã được mang lên cùng một cái ấm đồng, than trong hỏa lò đã đỏ lửa, bọt than nổ tí tách. Khách mở hộp trà Thiết Quan Âm mới tìm mua được hôm qua rồi khéo léo và từ tốn pha trà. Hai người im lặng thưởng thức trà rồi nhẹ nhàng nói những chuyện văn chương chữ nghĩa. Họ có nhiều chuyện để nói với nhau bởi đó là hai nhà văn cùng tuổi, cùng thời, cùng nổi tiếng vì những bài viết sâu sắc và tinh tế về nghệ thuật ẩm thực và những thú vui tao nhã xưa và nay. Cả hai cùng mới dứt bỏ được ả phù dung, một người vừa in Ngọn Đèn Dầu Lạc, người kia đã có trong tay bản thảo Mười Năm Đèn Lửa. Phải chăng họ là Bá Nha Tử Kỳ của Văn Chương.

Tôi vẫn thường tưởng tượng một cảnh gặp gỡ như vậy giữa Nguyễn Tuấn và Thạch Lam. Mẹ tôi khi còn sống không bao giờ (và có lẽ cũng vì tôi không hỏi) nói về cái buổi Nguyễn Tuấn đến nhà tặng Thạch Lam một bộ đồ trà. Chỉ có lần thấy mẹ tôi bày cái ấm trà và cái đĩa có ba chén trà men trắng vẽ hình lam xanh trên bàn thờ vào một ngày giỗ Thạch Lam, bà nói với chúng tôi: cái ấm trà và mấy chén trà này do nhà văn Nguyễn Tuấn tặng cậu, hồi còn sống cậu quý lắm.

Tôi nhớ đó là những ngày chúng tôi đã vào ở trong Nam và tôi mới chập chững ở ngưỡng cửa trung học, mới bắt đầu lạc lõng vào thế giới văn chương tiền chiến, biết đôi điều về Thạch Lam và Tự Lực Văn Đoàn. Tôi vẫn chưa bao giờ tự hỏi và tìm hiểu bộ đồ trà này lưu lạc ở đâu, từ ngày Thạch Lam mất đi, ngày 27 tháng sáu năm 1942, ba ngày sau khi tôi ra đời. Sau khi cha tôi mất, mẹ tôi chỉ nán ở lại căn nhà cây liễu cạnh Hồ Tây đôi ba tháng, bà tôi vì thấy cảnh nheo

nhóc của ba đứa cháu nội, cho người đón chúng tôi về trại Cẩm Giàng và giao cho mẹ tôi làm quản gia cho trại. Ở đây ba chị em chúng tôi đã sống những ngày tháng êm đềm cho tới khi phong trào toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Lúc đó bà nội tôi đã xuất gia, khi ở chùa, khi về thăm trại. Khi phong trào tiêu thổ kháng chiến được phát động, gia đình tôi đã theo đoàn người tản cư chạy ngược lên miền bắc, dần dà đến trú ngụ ở một làng nhỏ và rất nghèo vùng Nhã Nam, Yên Thế.

Trong những ngày đầu của cuộc tản cư gia đình tôi được cho ở tạm trong một căn buồng nhỏ, gần gian chứa thóc của một gia đình miền quê tốt bụng. Theo lời chị tôi kể, một hôm mẹ tôi trở lại Cẩm Giàng để xem xét tình hình, khi trở về thì căn buồng chúng tôi tạm trú đã bị cháy hết, những di tích kỷ niệm của gia đình như hình ảnh, sách vở và những trang bản thảo của Thạch Lam đều tan thành tro bụi. Gia đình chúng tôi đã sống hơn ba năm ở cái làng Địa heo hút, tôi nhớ là cả gia đình chui rúc trong một căn lều nhỏ, là nơi chủ nhà ngày trước dùng để cất những dụng cụ nhà nông. Căn lều mái tranh vách đất, cửa liếp lỏng lẻo, những ngày mưa mái nhà bị dột và tôi hay ngồi nhìn những bong bóng do nước trên mái gianh nhỏ xuống cái rãnh ngoài cửa liếp.

Tôi không nghĩ lúc đó mẹ tôi mang theo bộ đồ trà mỏng manh dễ vỡ, mặc dù mẹ tôi vẫn có một cái tay nải màu nâu nhưng tôi chưa bao giờ mở ra xem trộm. Tôi tự hỏi nếu mẹ tôi có bộ đồ trà quý giá đó, bà có chịu bán đi cho một người giàu có trong làng để qua cơn nghèo túng, bữa đói bữa no, cơm ăn trộn khoai trộn sắn của chúng tôi hay không. Cho đến khi bà nội tôi dò hỏi và tìm được gia đình tôi, khi theo người dẫn đường trở về Hải Phòng, ngày nghỉ đêm đi, tôi còn nhớ có những đêm nấp trong bãi tha ma thấy những viên đạn lửa như ma trôi bay ngang dọc trên đầu. Ở Hải Phòng rồi dọn về Hà Nội cho tới khi di cư vào Nam, gia đình tôi thay đổi chỗ ở ít nhất bốn năm lần, lần nào cũng chỉ sống trong một căn buồng bé con con, tôi chưa một lần nhìn thấy bộ đồ trà.

Cái ấm trà và những cái chén trà, trong khoảng thời gian dài hơn một giáp tuổi đã lưu lạc ở đâu. Những người có thể soi sáng vào cái phần đời còn u tối của chúng giờ đây đã không còn nữa, những thắc mắc, tìm tòi về những kỷ niệm, biến cố liên quan đến một con người bao giờ cũng được nhớ tới một cách muộn màng. Phải chăng khi mẹ con chúng tôi dời bỏ trại Cẩm Giàng với những ngày tháng êm đềm, bà nội tôi, người đã bỏ bao nhiêu công lao tạo dựng một nơi chốn để con cháu có những ngày tụ họp, nghỉ ngơi, đã trở về để nhìn thấy căn nhà thân yêu một lần cháy, đã vội vã thu vén những kỷ vật của gia đình, bà đã nhìn thấy bộ đồ trà của đứa con bà yêu thương nhất nhưng mệnh yếu, bà đã bỏ những di vật đó trong cái tay nải nâu sòng của một người xuất gia.

Từ đó, bộ đồ trà của một thời dĩ vãng đã lách cách đi theo bà nội tôi, ẩn náu dưới những mái chùa Đào Xuyên, Bối Khê vùng Hưng Yên để trốn tránh bộ đội Việt Minh đang tìm dấu vết gia đình Nguyễn Tường Tam, rồi về Thành yên ổn trong ngôi chùa Hai Bà Trưng phường Đồng Nhân, Hà Nội, nơi tôi đã được ăn oản ăn chuối cúng Phật hơn hai tháng trời, vì cái mạng cao số phải nương nhờ cửa Phật để người thân được độ trì, rồi cùng theo đoàn người di cư vĩ đại vào miền Nam. Bà tôi lúc tạm trú ở chùa Văn Thánh Thị Nghè, chỉ cách nơi gia đình tôi trú ngụ có một cái cầu rất ngắn, và cũng có lẽ đó là lúc bộ đồ trà được giao lại cho mẹ tôi, để cái linh hồn của Thạch Lam mỗi lần giỗ tết, sống lại cái quá khứ ở Hồ Tây.

Tôi thừa hưởng cái ấm trà và bộ chén trà từ ngày mẹ tôi mất. Hàng năm anh tôi vẫn làm giỗ Thạch Lam và nhiều năm chúng tôi cũng không quên để bộ đồ trà trên bàn cúng. Chúng tôi vẫn coi ngày giỗ là ngày tụ họp trong gia đình và họ hàng thân quen, và sự gặp gỡ bây giờ lại là ngày chúng tôi nhắc nhở nhiều đến mẹ chúng tôi hơn là Thạch Lam. Chúng tôi hay nhắc nhở tới những thức ăn cúng bà sửa soạn một cách chu đáo và ngậm ngùi, như bà đang sửa soạn

bữa ăn hàng ngày cho Thạch Lam và không bao giờ bà quên mua một bó hoa cắm chường để tưởng nhớ người xưa. Chúng tôi cũng không quên rót đầy hai chén trà để lên bàn cúng và cái ấm trà hiện diện như một phần đời của Thạch Lam. Tại sao tôi lại được giữ bộ đồ trà, có lẽ là khi mẹ tôi mất đi, anh tôi vẫn còn độc thân và vợ tôi đã sinh cho bà ba đứa cháu nội.



Tôi có đôi lần mang cái ấm trà ra ngắm nghía, nhất là sau khi đã đọc khá nhiều lần cuốn Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân. Khi đọc đến đoạn văn: “Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. Thứ nhất Thế Đức gan gà, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần. Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà, mới dùng nên cũng chưa có cao mấy”, tôi cũng tò mò nhìn vào lòng cái ấm đất xem có mấy lớp cao và cũng có lần úp ấm trà xuống bìa một cuốn sách để xem miệng vòi với quai và gờ miệng ấm có cắn sát vào mặt bằng của bìa sách hay không, và đôi lần cầu kỳ hơn, thả cái ấm trà vào chậu nước xem có nổi đều, cân nhau không triềng như Nguyễn Tuân đã mô tả trong truyện Những Chiếc Ấm Đất. Vào khoảng năm 1974, tôi nhờ một người bạn thông chữ Hán đọc dùm hai cái triện chữ Tàu ở trên chiếc ấm và sung sướng như bắt được vàng khi biết đó đúng là cái ấm trà hiệu Thế Đức. Một người sưu tầm đồ cổ đến xem cái ấm trà và cái đĩa cùng ba cái chén uống trà, đã trả giá bằng số lương hai tháng làm việc của tôi như một bác sĩ trong nhà thương, nhưng một vật kỷ niệm trong gia đình, lại là một cổ vật đã được đưa vào văn chương, tôi sao đành lòng rời xa.

Tôi bây giờ đã trên tuổi bảy mươi, cái tuổi cổ lai hi, mới ngẫm nghĩ rằng mọi việc trên đời, từ sống chết, danh phận, giàu nghèo đến tình nghĩa vợ chồng, cha con, bằng hữu, đều có thể buộc vào chữ nghiệp, chữ duyên. Bộ đồ trà đối với tôi, nếu có linh hồn, hẳn phải nợ nần nhau lắm. Cuộc tao loạn nước mất nhà tan năm 1975, gia đình tôi vì may mắn đã di tản trong những ngày cuối cùng của chiến tranh, nhưng ra đi với hai bàn tay không đã là một ân sủng của đất, trời. Những năm tháng đầu tiên trên xứ người, phải bắt đầu lại bằng những bước tập tễnh trong đời sống, dĩ nhiên tôi không bao giờ bận tâm đến bộ đồ trà. Chỉ trong một tích tắc đồng hồ quyết định, những của cải vật chất, những sách vở quý giá còn phải bỏ lại hưởng chi những vật mong manh như một bộ đồ trà. Sách báo tôi in, bản thảo của nhiều truyện ngắn chưa đăng báo, giấc mơ văn chương tôi hằng ấp ủ, bây giờ đều tan như bọt nước. Cái gánh nặng gia đình trước mặt đã giữ chặt đôi chân tôi trên mặt đất, xích vào cái thực tế của một đời người. Không định trước, một người chị họ đã sống lâu trên đất Pháp cùng người bạn trai cho biết sẽ đến thăm tôi, sau khi ghé qua Hoa Thịnh Đốn. Lúc đó gia đình tôi đang cư ngụ ở một tỉnh nhỏ vùng tây nam tiểu bang Nữ Ước trong cảnh giúp đỡ của họ đạo Tin Lành, và cũng trên đường người chị muốn đến thăm thác Niagara.

Một sự ngạc nhiên không bao giờ tôi có thể nghĩ tới, là trong những tặng vật chị mang đến cho tôi lại có bộ đồ trà, cái ấm trà và bộ chén trà tôi đã quên bẵng đi như đã quên những vật thân yêu khác. Qua những thư từ liên lạc, hỏi đó còn rất khó khăn, với anh tôi và với gia đình bên ngoài, không thấy ai nhắc nhở tới bộ đồ trà tôi đã bỏ lại trong nhà.

Có thể nào trong những ngày tháng hốt hoảng của một thành phố không có tương lai, mẹ vợ tôi đã mang về những đồ đạc, sách vở tôi để lại và trong khi phải đốt hoặc bán chợ trời những cuốn sách chuyên môn hay văn nghệ, những dụng cụ y khoa, bà đã vì một lý do nào đó giữ lại bộ đồ trà di vật của gia đình tôi để trao lại cho anh tôi. Trong những ngày vật đổi sao dời, bị tước đi tất cả những công lao vun xới cùng tự do và nhân phẩm của một con người, bà chị dâu đã phải bươn chải bán dần những tài sản ngoài chợ trời để lo cho lũ con mọn và người chồng trong trại học tập, bộ đồ trà vẫn bám lấy gia đình chúng tôi, như một phần thân thuộc của Thạch Lam. Có thể trong hoàn cảnh của một tương lai mờ mịt, không có hy vọng gì về một cuộc sum họp, người chị dâu tôi đã gói ghém bộ đồ trà kỷ niệm trong gia đình, chuyển đi qua một đại dương cách trở, cái ranh giới giữa kìm kẹp và tự do, như một lời trần trối.

Bộ đồ trà phải lìa bỏ quê hương ấy chắc cũng có lúc đau lòng, trong khi phải lưu lạc nửa vòng trái đất từ Sài Gòn qua Ba Lê đến Hoa Thịnh Đốn, rồi dừng lại ở một tỉnh nhỏ heo hút chỉ có dăm ba người đồng hương, cái đĩa bàn đựng chén trà, như một người mẹ muốn che chở mấy đứa con, đã vỡ đi một góc. Tôi nhìn những mảnh sứ vụn rời rạc của chiếc đĩa, đau như có ai cắt vào tay. Vợ chồng tôi đi tìm mua năm bảy loại keo dán đồ sứ, loay hoay cả nửa ngày trời để gắn lại những mảnh vỡ và nghĩ rằng đã có bao nhiêu sự đổ vỡ trong đời không có gì hàn gắn được.

Cái ấm đất và bộ chén trà từ đó lại lẻo đẹo theo tôi hơn một nửa đời người. Hơn một nửa đời người của tôi đã dành cho một nơi cư trú không phải là đất nước quê hương, và cái chệnh của ngày tháng dễ đến năm mươi năm lại ngã về phần đất này. Trong cái khoảng thời gian đếm dài trên con số nhưng lại rất ngắn trong phần linh hồn, tôi đã phải dời nơi ăn ở ít nhất cũng nhiều hơn những ngón trên một bàn tay, bộ đồ trà đã có lúc được gói trong những mảnh vải xé, trong giấy nhật trình hay được bày trong tủ kính ở phòng ăn phòng khách. Tuyệt nhiên, nếu tôi nhớ không lầm, chưa có lần nào tôi dám mang ra hầu tiếp bạn bè hoặc pha một ấm trà uống một mình. Có một cái gì thiêng liêng đâu đó, như âm hồn bao nhiêu người xưa cũ còn quần quanh đã khiến tôi biến một vật gia dụng thành một món đồ thờ. Và chẳng, giữa những tháng ngày vật lộn vì mưu sinh ở xứ người, bạn bè cũ mới, mấy ai có thể nhàn rỗi ngồi nhâm nhi chút hương thơm của trà, bàn chuyện lễ nghĩa ở nơi mà người ta có thể biến thời gian thành hiện kim.

Cũng có một khoảng thời gian khá dài, sau khi đã quân bình được cuộc sống, tôi cũng sa đà vào những cái vụn vặt của thú uống trà. Tôi cũng đi tìm mua những ấm trà được tạo dáng khác nhau, những ấm trà có khắc rồng khắc phượng thay đổi màu sắc khi chất nước sôi thấm vào cái phần da thịt của ấm, tôi cũng la cà ở các trà thất khi du lịch ở Trung Hoa để cố tìm những hương vị trong trí tưởng và khi đến Hàng Châu, thủ phủ trà, tôi đã dám tiêu pha mua mấy lượng Ngự Trà, nếu so sánh theo cân lượng, chắc cũng xấp xỉ với giá vàng cùng thời. Nhưng không có gì bằng là có một người bạn được gọi là tri kỷ để có thể cùng ngồi thưởng thức một ấm trà nhỏ trong một ngày tuyết rơi, thì hơi ời, không lẽ tôi lại là cái người tri kỷ của chính tôi. Cái ấm trà và bộ chén trà trong những năm gần đây, thật sự tôi cũng không biết đã ẩn nấp ở đâu trong nhà. Cái tủ kính để trưng bày mấy bức tượng quý bằng thạch cao, đồ trang trí pha lê và những ấm trà tôi sưu tập, vợ tôi đã đem cho người con gái mới mua nhà. Vợ tôi, như mọi người phụ nữ đảm đang khác, có cái tài tình là cất giữ những món đồ quý giá ở những nơi mà không sao tìm ra được. Cũng đã khá lâu, kể từ khi cứ năm bảy tháng lại nghe tin một người bạn cũ hay một người trạc tuổi mình lặn lẽ ra đi, ở cái tuổi mà mỗi buổi sáng thức dậy đã là một hạnh phúc cuộc sống tặng cho riêng mình, tôi đã có lần tụ họp bốn đứa con để bàn về cái sự chia phần những hiện vật còn lại ở trong nhà, dăm ba cái đồng hồ cũ có tên hiệu, mấy thùng rượu vang của các vùng sản xuất danh tiếng, năm mươi bức tranh của một số họa sĩ Việt Nam còn sống hay đã chết, các bức tượng bằng sứ hay thạch cao...

Riêng có bộ sưu tập những phác họa của Nguyễn Gia Trí và bộ đồ trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam, tôi luôn luôn muốn giữ lại để góp một phần nhỏ trong những di vật cho một viện bảo tàng hay nhà lưu niệm Tự Lực Văn Đoàn, khi các cơ sở này được thành lập và quản trị bởi những người yêu văn hóa nghệ thuật và có thiện tâm.

Tôi sẽ không có cơ hội cặm cụi viết những dòng chữ về cái ấm đất và bộ chén trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam để có dịp nhìn lại và tìm hiểu về món kỷ vật đã có cái duyên theo tôi trên một nửa thế kỷ, nếu cách đây khoảng một tháng Nguyễn Tường Thiết, người anh họ tôi, đã không gọi tôi hỏi han về bộ đồ trà này. Thiết nói với tôi: cái ấm đất Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam là một chuyện thú vị lắm chứ, sao ông không viết vài hàng về nó. Thiết cho tôi biết lần đến thăm tôi cách đây hơn nửa năm, chủ yếu để nhìn tận mắt cái ấm đất mà Nguyễn Tuân đã tỉ mỉ tả trong truyện ngắn của ông, nhưng lại vì những chuyện đầu đầu quên đi không hỏi tới. Đối với tôi, cái ấm đất và bộ chén trà nhiều khi không còn hiện diện, mà chỉ là những kỷ niệm liên hệ đến cha tôi, mẹ tôi, căn nhà tranh ở Hồ Tây và người văn sĩ tài hoa Nguyễn Tuân một lần đến thăm, một thời nào đó đã xa, đã xa xôi lắm như chỉ có trong giấc mơ.

Vợ tôi, sau cả ngày lục lọi, cuối cùng cũng tìm ra cái ấm trà và bộ đĩa chén để trong một cái túi nhựa giấu sâu trong giá sách, mà thời buổi này chẳng còn mấy ai có thì giờ để đọc một cuốn sách in. Tôi nhìn thấy bộ đồ trà, lòng ngẩn ngơ như gặp lại một người bạn cố tri nhớ mà không muốn gặp. Đã từ lâu tôi đã quên đi những thú uống trà, nghe nhạc, đọc sách. Cái giấc mộng văn chương một đời người tôi tư tưởng, giờ đây thật lòng tôi chỉ muốn quên đi. Tôi chỉ muốn giữ gìn sức khỏe để sống nốt cái đời của một người già cả, bệnh hoạn, không còn muốn làm phiền đến cả chính mình.

Nhưng cái đĩa bàn đựng chén trà sau những lần di chuyển hay vì những đường hàn gắn đã quá lâu, lại phơi bày những mảnh vụn ngổn ngang. Trong khi vợ tôi loay hoay vá lại những mảnh vỡ, tôi tò mò ngắm nhìn những họa hình trong lòng đĩa và trên thành chén, mấy cái chữ Tàu ở tròn đĩa và chén có vẻ giống nhau, và bảy chữ Hán in trên một cái chén quân lạc điệu chắc hẳn là một câu thơ, tôi chợt tự hỏi không biết cái xuất xứ của các vật nhỏ nhắn, xinh đẹp và cổ xưa này. Nhân có một người bạn trẻ thông thạo chữ Hán, đã từng cho tôi coi những bài thơ làm bằng tiếng Hán của anh, tôi vội vã gói cái ấm đất và bộ chén trà đến nhờ anh đọc dùm. Anh cho tôi biết đôi điều về cái chất đất sét đặc biệt có trộn cát ở huyện Nghi Hưng vùng Giang Tô, nơi đã sản xuất những ấm trà Thế Đức, Lưu Bội, Mạnh Thần. Hai chữ Nội Phủ ở tròn đĩa và chén là sản phẩm đồ sứ men lam Huế (bleus de Huế) đặc thù của thời kỳ mật Lê/Trịnh Sâm qua nhà Tây Sơn và kéo dài đến mấy triều đại đầu tiên của nhà Nguyễn Gia Long. Tôi độ chừng những cổ vật này cũng đã có số tuổi trên dưới hai thế kỷ, đã được nâng niu nhẹ nhàng bởi những ngón tay khéo léo của dòng họ Nguyễn Tuân, và một ngày nào đó xa, cụ tú Hải Văn Nguyễn An Lan đã ngồi uống trà, khề khà kể những chuyện vang bóng một thời cho người con cả tài hoa, người con đã mang trong người dòng máu giang hồ như một chứng tích của gia đình, Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân, một người cầu kỳ và khinh bạc, Thạch Lam, một người trầm lặng và khó tính, tôi vẫn không hiểu hoàn cảnh nào đã đưa hai người văn sĩ tài hoa của hai dòng bút pháp khác biệt đến với nhau. Giữa tháng sáu năm 1940, Thạch Lam viết bài phê bình cuốn Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân trên báo Ngày Nay. Nhà thơ Đinh Hùng, một người bạn trẻ thường xuyên có mặt ở nhà Thạch Lam, chỉ gặp Nguyễn Tuân ở đó có một lần, ắt hẳn cái giao tình giữa hai người không phải chỉ đếm bằng những lần gặp gỡ.

Mười lăm năm sau cái chết của Thạch Lam, tháng bảy năm 1957, giữa cái thời văn nghệ miền Bắc đang sôi động về vụ Nhân Văn Giai Phẩm, cái thời mà những tác phẩm văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam bị coi như cấm kỵ và phản động (một người bạn tôi gặp ở Hà Nội năm 1994, hiệu trưởng một trường nữ trung học

nổi tiếng, đã kể cho tôi nghe khi còn ở đoàn thanh niên Tiền Phong, chỉ vì chép tay truyện Dưới Bóng Hoàng Lan của Thạch Lam mà bị kiểm thảo nặng nề), Nguyễn Tuân đã vì lý do nào viết bài ca tụng văn chương Thạch Lam.

Rồi ba một năm sau, năm 1973, Nguyễn Tuân đề tặng Thạch Lam bài tùy bút Giò Lụa của mình và một tháng sau viết về Cốm, phải chăng sau bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, ông chợt động lòng nhớ đến người bạn xưa của Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường. Cái ấm đất và bộ chén trà của Nguyễn Tuân tặng Thạch Lam, cuối cùng, như hai người tri kỷ cùng im lặng thưởng thức cái hương vị của một ấm trà ngon, chính là chứng cứ lặng lẽ cho một tình bạn âm thầm và sâu xa, mãi mãi giữ kín ở trong lòng.

10:50 tối ngày sáu tháng mười năm 2013

Một số chi tiết liên quan tới mối quan hệ Thạch Lam- Nguyễn Tuân

1/ Với *Vang bóng một thời* (1940) Nguyễn Tuân xuất hiện hơi muộn, trong khi Tự lực văn đoàn lúc này đã đến độ chín và hoạt động tương đối khép kín. Nhưng theo chỗ tôi nghe được từ những người thạo về văn học tiền chiến, khi nhìn ra các nhà văn bên ngoài văn đoàn của mình, từ Nhất Linh Khái Hưng trở đi chỉ phục có Nguyễn Tuân.

2/ Trong thời gian chủ trì tờ *Ngày nay*, khoảng 1939-1940, Thạch Lam có biệt nhãn với nhiều cây bút mới nổi trong thời gian đó, bất kể họ thuộc dòng phái nào. Trên một chuyến tàu Hà Nội – Hải Phòng, ông ngẫu nhiên bắt gặp Hồ Dzếnh, sau đó đã có bài giới thiệu *Chân trời cũ*. Thạch Lam cũng đã có một bài viết ngắn về Nguyễn Hồng sau *Những ngày thơ ấu*. Riêng bài viết về Nguyễn Tuân của ông thì mới đây thôi, khoảng 1984-85, còn thấy in lại. Tôi hiện không có trong tay nên không thể trích ra đây được bài này, chỉ nhớ có một ý độc đáo, trong đó Thạch Lam nói rằng chính đức nhẫn nại hy sinh mới là một đặc tính ẩn sâu trong lớp người Việt tinh hoa từng thấm nhuần phần tốt đẹp nhất của văn hóa phương Đông và ông đã tìm thấy điều này trong truyện *Ngôi mã cũ*.

3/ Từ 1956, 1957, khi nhà xuất bản Hội nhà văn ở Hà Nội được thành lập, những người phụ trách liền có kế hoạch in lại một số tác phẩm tiền chiến, nhờ thế mà lớp trẻ năm ấy ở tuổi 14-15 chúng tôi mới được đọc *Nước giếng khơi* của Nguyễn Bính, *Quê mẹ* của Thanh Tịnh, *Giăng thẻ* của Tô Hoài. *Vang bóng một thời* và *Truyện ngắn Thạch Lam* (tuyển tập) cũng ra đời trong dịp này, một của chính Nguyễn Tuân, một do Nguyễn Tuân viết lời giới thiệu.

Sau lần ra mắt đó, mãi tới khoảng 1985 ở Hà Nội, Thạch Lam mới được in lại, và bài viết của Nguyễn Tuân về ông thì được đưa vào trong hầu hết các tài liệu nghiên cứu. Nên biết thêm là tuy không được in, nhưng tác phẩm Thạch Lam vẫn được bạn đọc thủ đô những năm đó, nhất là lớp trẻ học sinh sinh viên âm thầm tìm đọc. Hồi đó chưa có photocopy, nên câu chuyện một bạn trẻ nào đó ngồi chép lại cả truyện *Dưới bóng hoàng lan* chắc là chuyện có thật, bản thân tôi trong năm cuối học Đại học Sư phạm Hà Nội cũng đã ngồi chép *Cô hàng xén* trên mấy trang giấy xấu chỉ có ở Hà Nội trước chiến tranh để đọc đi đọc lại. Vì sao ư, vì tôi nhìn thấy trong nhân vật Tâm bóng dáng người chị thân yêu của mình. Khác với Nhất Linh Khái Hưng ..., Thạch Lam vẫn được các cuốn lịch sử văn học coi như một tác giả đáng mến mộ nhất của sinh hoạt văn học 1930-45.

Theo chỗ tôi nhớ, hầu như chưa bao giờ Thạch Lam trở thành đối tượng để các nhà nghiên cứu phê phán trong khi họ đua nhau hạ xuống đất đen Tự lực văn đoàn.

4/ Nguyễn Tuân vốn được ngưỡng mộ sau những bài viết rất nhanh ngay sau cái chết của Tản Đà và Vũ Trọng Phụng; mấy năm trước khi qua đời, chính ông có lần nói với tôi là về già không sao có nổi cái bút lực như lúc trẻ viết về hai tác giả trên. Bài viết về Thạch Lam không có được cái xuất thần như thế. Nhưng nó vẫn được nhắc nhở vừa để cho thấy cái thúy chung như nhất của Nguyễn Tuân, vừa là một bằng chứng khẳng định tài năng bền vững với thời gian của Thạch Lam. Trong bài viết trên của Nguyễn Tường Giang, tôi thích nhất cái câu khái quát “Nguyễn Tuân, một người cầu kỳ và khinh bạc, Thạch Lam, một người trầm lặng và khó tính, tôi vẫn không hiểu hoàn cảnh nào đã đưa hai người văn sĩ tài hoa của hai dòng bút pháp khác biệt đến với nhau”. Nhưng đây là cả một câu chuyện dài, tôi không đủ sức để nói ngắn gọn ở đây được.

&&&

Như Phong, giấc mộng không thành Nguyễn Tường Giang



*Tôi Thăm Vietnam Veterans Memorial, Washington D.C,
từ trái: Nguyễn Tường Giang, Như Phong, Ngô Thế Vinh
[nguồn: photo by Phạm Bội Hoàn]*

Khi tôi đến thì ông đã đi rồi, khoảng 15 phút trước đó. Trong phòng bệnh chỉ có ba người, một thanh niên Mỹ còn trẻ đi qua đi lại với chiếc điện thoại cầm tay nhưng không nói, một người ở vùng này tôi có quen biết, trước làm chủ một cửa hàng bán sách và hoạt động trong nhiều lãnh vực văn hóa xã hội, và anh Ấn, người em cùng cha khác mẹ của ông mới bay qua từ California. Chúng tôi trao đổi những chuyện băng quơ, bàn tán về chuyện cô gái nuôi của ông hình như đang ở Nhật Bản với người bạn trai đã không về kịp, nhưng không ai nhắc nhở gì về ông. Ông nằm lặng lẽ trên giường với tấm chăn trắng mỏng kéo lên tới cổ, mắt đã khép, không biết ai là người vuốt mắt cho ông, đôi má gầy hóp lại và miệng còn mở ra như muốn tìm chút dưỡng khí cuối cùng. Những người chết già vì bệnh tật đều có dáng vẻ giống nhau như những thiên sư fakir chỉ sống bằng sương cỏ, mà có lẽ ông đã là đệ tử trong thời gian dài ở trong tù. Con người, cuối cùng lại trở về nguyên vẹn hình hài là một bộ xương khô mà khi còn sống được tô điểm thịt da và giao phó một nhiệm vụ nào đó trên chốn trần gian muôn hình vạn trạng này.

Mới hơn một tuần lễ trước đây, khi nghe tin ông bị bệnh hiểm nghèo từ nhà thương về, tôi vội vã đến thăm ông. Cô con gái nuôi mở cửa cho tôi vào, ông đang ngồi chờ tôi trước một chiếc bàn viết nhỏ làm bàn tiếp khách, một đường dây kéo dài từ hai hốc mũi đến một bình dưỡng khí lưu động trên sàn nhà, khuôn mặt gầy gò và hai má đã mất sắc, đôi mắt ông đã mất hẳn vẻ linh động và tinh anh đặc thù khi trước, tôi biết ông đang ở những ngày cuối cùng. Ông mời tôi uống trà từ một bình trà Nhật có những mẩu nhọn ở ngoài và mời tôi ăn bánh đậu xanh một người quen nào mới mang đến tặng. Trên mặt bàn, phía bên tay phải của ông, là một chậu lan với những cánh hoa vàng nhạt tựa như những cánh bướm nhỏ, tôi nghĩ là lan Hồ Điệp và chợt nhớ tới Nhất Linh. Ông hỏi thăm gia đình tôi và tôi hỏi thăm sức khỏe ông, vẫn như những lần trước tôi đến thăm ông khi ông còn khỏe. Tôi vẫn nhắc tới dự tính của ông khi muốn viết lại giai đoạn lịch sử những năm 1940-1950, những năm đầy biến cố sôi động ở Việt Nam mà ông có tham dự, những chuyện bên lề mà ông có dịp may chứng kiến, những anecdotes mà tôi hay gọi đùa là Dị Sử. Những năm gần đây ông lặn lội nhiều chuyến qua Aix en Provence khi Văn Khố Pháp Quốc Hải Ngoại giải mật những tài liệu ở Việt Nam với dự tính thu thập tài liệu để viết "Chính Sử" về thời kỳ kháng chiến chống Pháp và cuộc chiến Quốc-Cộng 1945-1946, như trong thư ông viết cho Lê Mạnh Hùng (tác giả bộ Nhìn Lại Sử Việt) ngày 09 tháng 06 năm 1995: *"Hãy để dành vốn để cùng nhau viết một pho sử giai đoạn 1935-1945 cho hậu thế"*. Ông vẫn vui vẻ bông đùa, tôi còn phải sống lâu để hoàn thành một số chương trình. Ông không trả lời tôi về những gì ông đã viết được sau khi thu thập tài liệu ở Pháp, và những bài viết nếu có và tài liệu hiện được lưu giữ ở đâu. Khi ông cố gắng đứng tiến tôi ra cửa, tôi nhìn qua vai ông, căn phòng đơn giản với những bức tường trắng, một bức họa vẽ chì của họa sĩ Nguyễn Gia Trí treo ở mặt tường và những bông hoa lan lung linh như bay trong gió, tôi biết đó là lần cuối cùng tôi gặp ông.

Tôi không biết nhiều về Như Phong Lê Văn Tiến trước năm 1975. Tôi chỉ gặp ông một vài lần, trên dưới mười đầu ngón tay, trong những liên hệ gia đình. Qua họ hàng, ông được biết như một người em nuôi kết nghĩa với bác Long/ Hoàng Đạo và vì giữa gia đình tôi và gia đình Hoàng Đạo chỉ có những liên hệ lỏng lẻo nên không thường xuyên tiếp xúc. Đôi lần gặp ông ở nhà bác Long gái, tôi chỉ trò chuyện về hoa lan hoặc thú uống trà. Ông nghiên cứu khá nhiều về hoa lan, giảng giải theo tinh thần khoa học và mang khoe tôi những chậu lan quý ông mua hoặc được tặng mang về từ Mã Lai Á hoặc Tân Gia Ba. Tôi biết ông quen biết nhiều nhân vật có tiếng tăm trong chính trường và giới văn nghệ, nhưng với tôi ông chỉ thuần túy là một "cậu Tiến" nho nhã, đi lại nhẹ nhàng trong nhà của Hoàng Đạo, như một quản gia. Có lẽ, đối với tôi thời đó, ông chỉ là một bóng mờ giữa những hào quang của Nhất Linh, Hoàng Đạo và các thành viên khác của Tự Lực Văn Đoàn, hoặc giả thời đó tôi không quan tâm nhiều đến chính trị và văn chương.

Những ngày tháng về sau này, khi ông tham gia vào một số hoạt động chính trị thời đại như tham gia Hội Đồng Nhân Sĩ sau cuộc đảo chính (ông nhờ người anh ruột tôi tốt nghiệp luật tìm tài liệu về căn bản pháp lý), liên lạc đó đây khi kết hợp nhiều khuynh hướng đảng phái thành lập ba liên danh ứng cử vào Thượng Viện, tôi có biết nhưng không quan tâm. Đến khi tôi bắt đầu tham dự một số hoạt động vì liên hệ gia đình (như nhóm Thái Độ của Thế Uyên), được tiếp xúc với khá nhiều nhân sĩ và quan chức chính phủ, các nhà lãnh đạo tôn giáo và đảng phái thời đó, tôi bắt đầu thấy mình không phù hợp với quyền chức và chính trị. Có thể khi còn trẻ đã bị ảnh hưởng nhiều khi đọc Đạo Đức Kinh/Lão Tử và Nam Hoa Kinh/Trang Tử, và bản tính hiếu hòa, sợ bạo động và nhất là lười biếng, tôi bắt đầu tránh xa mọi hoạt động chính trị và văn chương. Vào những năm tháng cuối của Việt Nam Cộng Hòa, tôi có dịp gặp ông khi ông dự tính lập công ty Tôm Đông Lạnh (hình như với Nguyễn Ngọc Linh) và sau đó thành lập Tổ Hợp Máy Cày (với Nguyễn Thành Nam/ Văn Hữu) đi cày mướn ở miền Tây, tôi không tin là một người yếu đuối và sinh hoạt nặng về chính trị và văn hóa như ông lại đi làm những chuyện có

tính lao động và thương mại như thế, trong lòng tôi có chút nghi ngờ là ông chuẩn bị mặt mũi cho một hoạt động chính trị nào trong tương lai, như cách suy tính cổ điển của tôi về các đảng phái.

Tôi gặp lại Như Phong ở Virginia vào một ngày đầu tháng sáu năm 1995. Qua liên hệ họ hàng tôi biết ông đã sang Mỹ từ tháng tư năm trước, nhưng cũng không biết rõ ông ở đâu để thăm hỏi. Ông đến gặp tôi lần này để tận tay giao cho tôi bộ sưu tập những phác thảo và tranh vẽ chi của họa sĩ Nguyễn Gia Trí đã được ông mang theo từ Việt Nam. Trước đó mấy tháng, nhân một buổi nói chuyện với họa sĩ Đinh Cường, Đinh Cường có nhắc tới bộ sưu tập này mà Như Phong nhờ tìm người mua. Đinh Cường cho tôi biết đã có một người sưu tập tranh người Việt Nam đồng ý, nhưng Đinh Cường khuyên tôi nên nói chuyện với Như Phong và mua bộ sưu tập này, vì theo Đinh Cường, rất có giá trị và không muốn bị lọt vào tay những nhà sưu tập thương mại. Ngoài ra Đinh Cường còn biết tôi là con cháu gia đình Nguyễn Tường và nhóm Tự Lực Văn Đoàn, nên giữ những tấm phác thảo và tranh vẽ chi đẹp và quý giá này như một tài liệu trong gia đình. Như Phong ở lại nhà tôi một vài ngày để lo những chuyện riêng, có dự đám giỗ Thạch Lam ở nhà người anh tôi.

Trong những ngày ở đây, tôi và Như Phong có dịp nói chuyện nhiều hơn, phần lớn là tôi tìm hiểu về cha tôi, Thạch Lam, trước ngày ông mất năm 1942. Như Phong không biết nhiều về cha tôi nhưng ông nhấn mạnh với tôi là Nguyễn Tường Cẩm và Thạch Lam mới là những người mở đường và trông nom hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay, nhất là Thạch Lam là linh hồn của hai tờ báo và lo việc in ấn, chọn lọc sách in cho nhà xuất bản Đồi Nây. Thạch Lam cũng là người thành lập và trông nom loại Sách Hồng. Vì Tự Lực Văn Đoàn và cha tôi đã được nghiên cứu, viết và nhắc tới khá nhiều nên tôi cũng không để ý gì cho lắm. Cho đến bây giờ, sau khi tôi và một số bạn hữu nhờ khá nhiều may mắn và công sức đã thực hiện được vào tháng bảy năm 2013 một buổi hội thảo khá đầy đủ về Tự Lực Văn Đoàn và hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay, đã sưu tầm và số hóa được toàn bộ hai tờ báo trên và hầu như đầy đủ các tác phẩm xuất bản lần đầu của nhóm TLVĐ đưa lên mạng, khi đọc lại lá thư của Như Phong viết cho tôi ngày 30 tháng 06 năm 1995, tôi mới thấy được cái nhìn rất xa của Như Phong: *"Trở về đây tôi nhớ lại một việc mà tôi đã bắt đầu làm hồi 1962 ở Sài Gòn, rồi sau đó tôi bị cuốn theo thời cuộc, bị bắt, phải bỏ dở rồi bỏ luôn cho tới nay. Đó là việc cùng với một số người bạn, phần đông là trẻ, viết một cuốn sách về hai tờ Phong Hóa-Ngày Nay và Tự Lực Văn Đoàn, 1932-1945. Hồi đó tôi cho rằng trong lịch sử báo chí VN, Phong Hóa và Ngày Nay là hai tờ báo hay nhất, trước đó chưa có tờ nào so sánh được và nhiều thập niên sau đó cũng không tờ nào theo kịp. Cho đến hôm nay, tháng sáu 1995, tôi vẫn giữ nguyên nhận định đó. Về Tự Lực Văn Đoàn đã có nhiều tác giả viết, đến nay ở trong nước người ta cũng đang mon men viết lại, nhưng tôi thấy là chưa đầy đủ, chưa nói đến những sai lầm hoặc xuyên tạc cố ý. Nhất là các tác giả chỉ chú ý đến sự nghiệp văn chương của từng vị trong TLVĐ mà chưa quan tâm tìm hiểu sự nghiệp của các cụ trên diễn đàn ngôn luận. Và hơn thế nữa, người ta chưa tìm hiểu, hoặc chưa viết đủ rõ: khi làm báo và lập TLVĐ các cụ mang hoài bão gì, muốn đóng góp những gì, như thế nào...cho xã hội, cho tổ quốc vào thời kỳ đó và tiếp nối? Người ta chỉ mới viết qua loa rằng Nhất Linh là người tổ chức và lãnh đạo, rằng Tú Ly-Hoàng Đạo là người viết xã luận (có tác giả còn coi là lý thuyết gia) và trong Văn Đoàn các cụ Khải Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ ...là những nhà văn nhà thơ lớn của thời kỳ đó vv...Nhưng người ta không hề biết rằng hai cụ Nguyễn Tường Cẩm và Nguyễn Tường Lân mới là những người mở đường cho TLVĐ với tờ tuần báo Ngày Nay 1932. Sau đó cụ Thạch Lam mới là trụ cột của Phong Hóa rồi Ngày Nay và nhà in, nhà xuất bản Đồi Nây. Cậu của Đăng, Giang mới là người sắp đặt bài vở cho mỗi số báo từ A đến Z, là người điều khiển nhà XB Đồi Nây, quyết định cho in từ cuốn sách đầu cho đến những cuốn sau cùng như "Hoa Vông Vang" của Đỗ Tôn, "Hoa Niên" thơ của Tế Hanh ...ấn hành sau khi cụ mất. Ngay cả đến nhà in Ngày Nay cũng do một tay cụ lập, mặc dầu bác Long gái đứng tên. Chiếc máy lớn mua lại của nhà in Thụy Ký (bà Thụy Ký là chị ruột bác Thụy gái), chiếc máy nhỏ đặt ở hiên ngoài dùng in mẫu và in bìa sách, máy đóng sách cho đến các kiểu*

chữ lớn (rất mỹ thuật) để sắp chữ đầu đề sách và báo mà các nhà in thường không có, cũng đều do cụ nghiên cứu catalogue rồi đặt mua từ Pháp. Những ngày cuối cùng, khi cụ đau nặng, chính bác Long gái phải lên nhà in và xuất bản để coi sổ sách kế toán của cụ trao lại ... Tất cả những điều này bây giờ không còn ai biết đến nếu chúng ta không tra cứu đầy đủ và ghi lại.”

Khi đọc lại những dòng chữ này tôi thật sự rất xấu hổ về cái tính lười biếng, bất cần và bất tài của mình và muốn nói một lời xin lỗi với Như Phong. Nhưng đã quá muộn.

Những tháng năm sau đó, tôi có dịp gặp Như Phong nhiều hơn. Mỗi lần ông ghé qua Virginia ông thường đưa cho tôi những bài viết báo, bài nghiên cứu và tài liệu liên quan đến tình hình chính trị ở Việt Nam. Những bản copy với dòng chữ viết tay của chính ông : Hạn chế, Bản lưu, Bản thảo chưa đăng, xin đọc để biết, Không phổ biến ... không làm tôi tìm hiểu thêm vì tôi vốn đoán là những bản này cũng được gửi cho nhiều người, tôi cũng không rõ mục tiêu của ông là gì vì giữa tôi và ông chỉ có sự quen biết qua liên hệ gia đình. Đôi khi tôi đi ăn cơm cùng ông và Nguyễn Mạnh Hùng (một người tôi quen biết khá thân), ngồi nghe hai người thảo luận về những thay đổi nhân sự, những biến cố mới xảy ra ở Việt Nam, tôi hay hỏi đùa : không biết những tin tức đó có làm thay đổi chế độ, vì tôi không thấy ông nói tới một lực lượng nào ở hải ngoại hay trong nước để làm công việc đó. Ông không bao giờ ngờ ý nhờ tôi làm một việc gì và cũng không lôi kéo tôi vào hoạt động của những người ông quen biết. Chỉ có một lần, nhân dịp tôi về Việt Nam, ông định nhờ chuyển một số thư từ và tài liệu cho Hà Sĩ Phu, nhưng sau đó ông không nhắc tới. Có lẽ ông cũng hiểu tôi không muốn liên hệ gì đến những hoạt động của ông, hoặc ông e ngại tôi từ chối. Như Phong có những tin tức liên quan đến Việt Nam rất sớm với một sự bén nhạy ít thấy, tựa như những tin tức đó đã ở trong suy nghĩ của ông trước khi sự việc xảy đến. Khi Vũ Thư Hiên mới trốn sang Paris, ông thì thăm cho tôi biết đến vụ án xét lại chống Đảng ở trong nước, liên hệ mật thiết của ông bố VTH với Hồ Chí Minh và khi VTH qua Mỹ ông gửi VTH đến tá túc ở nhà tôi, nhưng sau lại đổi ý kiến. Khi ông qua Luân Đôn trở về ở lại nhà tôi vài ngày, ông gửi tôi một copy bản thảo chép tay Hoa Địa Ngục của Nguyễn Chí Thiện mà ông nói đã lấy được từ tòa đại sứ Anh. Tập thơ này trước đây đã được in nhiều lần ở vùng này, tôi đã có hai ấn bản với tựa đề khác nhau, nhưng thú thật tôi chỉ đọc sơ qua, tôi không hợp với loại thơ này và nhất là những dư luận âm ỉ xảy ra quanh tập thơ. Như Phong quen biết và làm việc với rất nhiều người, rất nhiều bạn bè quen biết của tôi bằng cách này hay cách khác đều có liên hệ đến những hoạt động của ông, nhưng theo tôi biết không có ai trong gia đình Nguyễn Tường ở thế hệ chúng tôi liên hệ mật thiết hoặc làm chung công việc với ông. Ông hay nhắc đến thời điểm năm 1957, khi ông được Trần Kim Tuyến nhờ, đã chở Nguyễn Tường Bá bằng xe mô-tô lên Đà Lạt gặp Nhất Linh. Ông chuyển lời đề nghị của chính phủ Ngô Đình Diệm về dự án thành lập Hàn Lâm Viện và mời Nhất Linh làm viện trưởng. Dĩ nhiên Nhất Linh không đồng ý và theo lời ông kể : “ông cụ xài xể tôi một trận và máng tôi là đồ phản bội”. Khoảng 1973-1974, ông có ra Đà Nẵng gặp Tướng Ngô Quang Trưởng (anh rể tôi) hai lần, nhưng những lần tôi nói chuyện với ông Trưởng, ông chỉ hỏi tôi về những liên hệ của Như Phong với gia đình chúng tôi. Khi Nguyễn Tường Tâm làm việc ở đài VOA, những bài viết và phỏng vấn những nhân vật chống đối trong nước đều do Như Phong móc nối và cung cấp tài liệu. Có lẽ mục tiêu của ông căn bản chỉ là xúc tác và gợi ý, cái mà nhiều người gọi ông là mưu sĩ, là phù thủy chính trị (theo Nguyễn Mạnh Hùng), một tay khuynh đảo (chữ của Sol Sanders, theo Ngô Thế Vinh) hay một kẻ âm mưu (instigator). Như Phong có những cách tiếp cận nửa kín nửa hở. Đột nhiên có những buổi ông hẹn đến nhà tôi, nói tôi chở thuyền đi một vòng trên hồ (nhà tôi ở bên hồ), rồi ông thì thăm về những liên hệ và hoạt động của Hoàng Minh Chính, vặn cassette cho tôi nghe bài phỏng vấn HMC, khi thì ông nhờ người trao cho tôi băng phỏng vấn linh mục Chân Tín (mà tôi đã gặp khá nhiều lần trước 1975 ở nhà thờ cuối đường Kỳ Đồng). Một hôm ông đến đưa cho tôi cuốn Ấn Mây Dĩ Vãng của Chu Lai, bản copy, nói tôi đọc ngay rồi gửi cho Trần Như Tráng ở Boston. Tôi ngạc nhiên vì tôi đã đọc khá nhiều sách ở trong nước mua khi về thăm Hà Nội cuối năm 1994, tôi không biết ông có ý gì khi nói tôi nên đọc cuốn sách của nhà văn quân đội này. Một lần khác khi tôi đến thăm ông ở một căn phòng sơ

sài, thấy trên bàn có cuốn Memoirs of a geisha, ông hết lời khen ngợi và nói tôi phải tìm đọc ngay. Quả thật, cuốn truyện này rất hấp dẫn đến nỗi tôi phải thức suốt đêm để đọc cho hết. Tôi nhiều khi không cư xử với Như Phong như một người đàn anh hay một người bạn vong niên, có một sự e dè nào đó, không giải thích được, đã ngăn cản tôi đến gần ông hơn.

Sự thật Như Phong là một người như thế nào, và những công việc ông theo đuổi nhằm một mục đích gì, tôi vẫn không xác quyết được. Trong một lần ngồi cùng ông uống trà sau hiên nhà tôi, tôi có hỏi nhưng ông không trả lời, nói lảng sang chuyện khác. Tôi có lần tò mò hỏi về gia thế của ông và hoàn cảnh hoặc lý do nào đưa đẩy ông gặp Hoàng Đạo và trở thành em nuôi hay anh em kết nghĩa với bác Long/HĐ. Ông cho tôi biết thuở nhỏ ông chỉ thích thể thao và muốn làm kỹ sư. Ông thân sinh làm nghề khai khẩn ruộng đất rồi chuyển sang khai khẩn khoáng sản. Mẹ ông mất sớm và ông sống ở làng Bưởi với mẹ ghẻ, nhưng không hợp và hay bị mẹ ghẻ đánh đập. Người mang ông đến gửi ở nhà Hoàng Đạo khoảng năm 1943 là ông Trịnh Văn Yên (em ruột Trịnh Văn Tĩnh, hoạt động chống Pháp ở Quảng Yên trước Nguyễn Thái Học, không đảng phái). Trịnh Văn Yên thuộc nhóm Tân Việt chống Pháp (khuyh hướng cộng sản?), hồi đó là giám đốc nhà máy Hóa Chất Đông Triều/ Quảng Yên (gồm cả Nguyễn Đăng Thục, kỹ sư hóa học) và sau này giám đốc Công Binh Xưởng liên khu 3 của quân đội Cộng Sản. Ông sinh ngày 01 tháng 02 năm 1923 và tên thật là Nguyễn Tân Tiến. Khi Nguyễn Quốc Dũng, con của ông Nguyễn Trọng Trạc (quản lý của báo Phong Hóa và Ngày Nay, ủy viên trị sự của Ngày Nay/ bộ mới và chủ nhiệm Việt Nam Thời Báo/1945, Giám Đốc Thông Tin Bắc Việt 1950-51) mà Như Phong có làm việc cùng nói là bút hiệu Như Phong là do Nguyễn Trọng Trạc đặt cho, Như Phong cải chính ngay và cho biết Như Phong là do cụ thân sinh ông đặt từ lâu, lấy ý từ câu Tiến Như Phong, Chỉ Như Sơn (tiến lên nhanh như gió, dừng lại vững như núi). Ông nói đùa với tôi: nhiều người gọi tôi là Bò Như Lùi. Phải nói Như Phong là một nhà nghiên cứu sâu sắc về chế độ Cộng Sản Việt Nam, ông biết rõ rất chi tiết những nhân vật lãnh đạo Cộng Sản VN, từ Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ ... đến những nhân vật Bộ Chính Trị đang nắm quyền hành, có thể gọi ông là một nhà "Cộng Sản Học", và ông đã hy sinh cả mạng sống khi quyết định ở lại Việt Nam sau tháng Tư 1975, chỉ để nghiên cứu tận mắt về Cộng Sản như thư ông viết cho Sol Sanders và Patrick J. Honey : *"Tôi cần phải ở lại nước tôi để chia xẻ những nỗi đau khổ cũng như những niềm hy vọng của đồng bào tôi. Thêm nữa tôi đã bỏ công nghiên cứu phong trào CS VN từ mấy chục năm, nay họ tới để cho tôi có thể sờ tận tay, tại sao tôi lại bỏ đi. Các bạn hãy yên tâm, tôi đã tập luyện để chịu đựng và tôi tin rằng tôi đủ sức để chịu đựng bất kỳ sự đối xử nào họ dành cho tôi..."*. Nhưng nghiên cứu chỉ để nghiên cứu, tôi chưa bao giờ nghe ông nói về một phương pháp thực tế nào để đánh đổ chế độ Cộng Sản. Có lẽ trong một đường dài, những tố cáo và nghiên cứu của ông về chế độ CS sẽ làm thức tỉnh người dân trong nước (và cả ở hải ngoại), sẽ thúc đẩy những người trẻ tuổi yêu nước đứng lên tranh đấu cho một đường hướng dân chủ theo mô hình các nước trong khối Tự Do.

Khi viết bài này, tôi có thì giờ xem lại những tài liệu viết tay ông gửi cho tôi (và có thể nhiều người khác nữa), tôi mới nhận ra Như Phong thực sự là một nhà báo, và trong tâm tưởng ông, một nhà văn. Ông là một nhà báo có khuyh hướng chính trị, cấp tiến. Có lẽ sự gặp gỡ và thân cận giữa ông và Hoàng Đạo năm 1943 đã đưa ông vào con đường làm báo và tư tưởng chính trị. Khi Hoàng Đạo nằm ở nhà thương Hàng Chuối (Hàng Kèn?) của Bác Sĩ Phan Huy Quát, bị bệnh thương hàn sau khi cùng Nguyễn Gia Trí và hai đồng chí đi xem xét căn cứ ở Thanh Hóa rồi đi Cẩm Thủy Hồi Xuân, trong thời gian này (cuối tháng 7, đầu tháng 8-1945), Hoàng Đạo nhận được điện khẩn từ Huế (nội các Trần Trọng Kim) bổ nhiệm làm Khâm Sai Bắc Bộ thay Phan Kế Toại, lãnh đạo Đảng Đại Việt và Quốc Dân Đảng họp khẩn liên tục bên giường bệnh, theo lời kể của Như Phong lúc đó ông chỉ là một "cậu nhỏ chạy việc và điều đóm", nhưng ông cũng gặp và quen biết hầu hết những nhân vật quan trọng này.

Theo bản “Sơ Yếu Lý Lịch” do chính tay ông viết (tôi chỉ trích những hoạt động báo chí): *“*1943-Sept: làm việc bán thời gian cho nhà xuất bản Đồi Nây, 80 Quan Thánh Hà Nội, của TLVD. Học nghề viết từ đó. *1945-Avril: Phóng viên của Tuần Báo Ngày Nay (Bộ mới) do Bác Sĩ Nguyễn Tường Bách làm Chủ Nhiệm, cụ Khái Hưng Chủ Bút. Quen Nguyễn Hoạt từ đó. *1945-Juin: Phóng viên và Re-writer của nhật báo Việt Nam Thời Báo do ô. Nguyễn Trọng Trạc làm chủ nhiệm và cụ Khái Hưng chủ bút. *1947-1948: Tản cư về Phát Diệm (Ninh Bình), giúp tổ chức tờ báo Tiếng Kêu của địa phận Thiên Chúa Giáo Phát Diệm (Giám Mục Lê Hữu Từ), LM Trần Độc Thư làm chủ nhiệm. *1950-51: Trưởng Ban Biên Tập của Sở Thông Tin Bắc Việt Hà Nội. Ông Nguyễn Trọng Trạc làm Giám Đốc Thông Tin BV. *1954-Juillet: Biên tập viên Việt Nam Thông Tấn Xã (VN Press) tại Sài Gòn. *1954-Nov: Nhật báo Tự Do ra số đầu tại Sài Gòn với ô. Tam Lang, chủ nhiệm. Ban chủ trương có: Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Mặc Thu, Như Phong. NP làm Tổng Thư ký tòa soạn... *1963-Aout: Báo Tự Do bị đóng cửa, truy tố, những người cầm đầu bị bắt... *1963-Aout-02 Nov: giam tại An Ninh Quân Đội Biệt Khu Thủ Đô, rồi phòng nhì BKTĐ, rồi Tổng nha CSCA. Sáng 2 Nov được trả tự do.”.*

Khoảng thời gian sau này Như Phong tham dự nhiều vào các sinh hoạt chính trị do thời thế đưa đẩy (xem bài của Nguyễn Mạnh Hùng). Tới năm 1966 đến 1973, Như Phong, như một free lance/nhà báo độc lập, cộng tác với Patrick J. Honey viết bài về VN cho báo chí ở Anh và các nước khác, features cho tổ hợp Forum World Features... Như Phong quyết định ở lại Việt Nam sau 30/4/1975 cũng chỉ vì cái nghiệp làm báo. Ông tin tưởng mãnh liệt vào truyền thông (Media) và tôi, không phải chỉ một lần, đã nghe ông bày tỏ tư tưởng đó với rất nhiều người khác. Ông cho rằng chỉ có truyền thông mới làm sụp đổ được chế độ Cộng Sản trong nước, đó là câu nói đầu tiên khi ông gặp tôi ở Mỹ, ở cái thời mà internet mới phôi thai. Ông có mộng trở về VN làm báo chí cho dù có nguy hiểm đến bản thân. Nhưng tôi cho đó chỉ là một ảo tưởng. Cái giấc mộng một hệ thống truyền thông theo kiểu ông Trùm (mogul) Truyền Thông Rupert Murdoch, không phải chỉ khi sang Mỹ Như Phong mới phôi thai, mà ông đã nuôi dưỡng từ những năm 1960 như ông viết trong thư gửi Patrick J. Honey ngày 28 tháng giêng năm 1995: *“Mộng ước của tôi từ 1960 là làm thế nào để cùng với các bạn xây dựng một empire về mass media ở VN. Nhưng hồi đó tình hình không cho phép và các bạn tôi không có người nào đủ tầm nhìn xa. Họ ham địa vị và quyền lực nhất thời mà không thấy được sức mạnh của ngành truyền thông đại chúng và giá trị sâu xa lâu dài của nó trong một nước chưa trưởng thành như VN trong thập niên 60. Sau khi miền Nam bị CS kiểm soát, người tị nạn được thế giới tự do đón nhận càng ngày càng đông. Khi tôi ở tù ra lần thứ nhất, được biết những tiến bộ kỳ diệu của khoa học ứng dụng vào việc truyền thông tôi lại càng thấy ngành hoạt động này quan trọng đến độ có thể làm biến đổi hẳn tình hình thế giới. Quả nhiên đế quốc cộng sản tan rã rồi chính Liên Xô sụp đổ. Cuối 1989, trong một thư tôi viết cho các bạn ở Mỹ, ở đoạn cuối tôi viết: ... Chắc bạn rất muốn biết khi ngã ngũ tôi sẽ làm gì?. Xin đáp :- Tôi sẽ làm nghề của tôi, nghề làm báo, với tất cả sức lực của riêng tôi cộng với sự giúp đỡ mọi mặt của bạn hữu trong nước, ngoài nước còn tin và còn yêu tôi. Ước vọng của tôi, mặc dù rất có thể là ảo vọng, tóm tắt như sau: -- Ra ngay một tờ báo hàng ngày, một tờ báo của tôi, sớm giờ nào hay giờ đó ngay khi tình hình cho phép. Kêu gọi bạn hữu bốn phương trời lập một Công ty Truyền thông Đại chúng gồm báo chí, xuất bản, truyền thanh và truyền hình. Đó sẽ là một Công ty Đa quốc vì hàng trăm ngàn bạn ta đã có đủ mọi quốc tịch và đang điều hành đủ loại cơ sở kinh doanh. Nhân lên từ một ấn bản ở một thành phố lên ba ấn bản cho ba miền. Rồi thêm một tờ nữa ra buổi chiều, tuần báo, nguyệt san chuyên đề, báo tiếng Anh, rồi nhà xuất bản chuyên in các loại sách phổ thông kiến thức, đáp ứng nhu cầu của giới trẻ ham học. Rồi một hệ thống TV-Radio kết hợp cân đối thông tin, giáo dục, giải trí và quảng cáo.”* Còn đây là giấc mộng trở về Việt Nam của Như Phong: *“Khoảng June, tôi sẽ được Chính phủ Mỹ cho hưởng quy chế permanent resident, với tư cách đó tôi dễ dàng xin phép qua thăm nước Anh, Pháp và Âu châu để rồi đến cuối 1995 đầu 96 tìm cách trở lại VN. Việc nhà cầm quyền CS có cho tôi trở về nước hay không cho là tùy*

thuộc thái độ của tôi ở bên này qua những bài báo mà tôi ký tên là một phần, tùy thuộc chính sách của họ là phần khác (vào thời điểm đó)... Nếu CS lúc đó không cho tôi về cũng tốt, mà cho tôi về càng tốt hơn. Tôi có mặt ở trong nước viết bài gửi ra thì có giá trị hơn là tôi ngồi ở xa. Nếu tôi được về VN, tôi không ngu dại gì mà chọc tức họ để họ lại bắt tôi một lần thứ ba. Cùng lắm nếu họ cho xe vận tải mười bánh cán nát sọ tôi thì tôi lại được làm một martyr của tự do, cũng còn hơn là sống như một refugee. Vả lại tôi chỉ còn ba năm, nhiều lắm là 5 năm nữa để làm việc thôi.

Sang 1995 này, tôi cũng 72 tuổi rồi." Lời tiên tri hay linh cảm đó trở trêu thay chỉ sai trật có 01 năm. Nhưng trong khoảng 6 năm trời ngắn ngủi ấy, Như Phong đã làm được biết bao công việc, nhưng tiếc thay, chỉ là những công việc của một nhà báo lão thành. Tôi không hiểu cái giấc mơ Nhà Văn của Như Phong, cái phần mà vì thời thế ông đã phải hy sinh cho đến khi nhắm mắt, ông có chút tiếc thương nào không. Cái giấc mộng tìm lại và hoàn chỉnh tiểu thuyết Khói Sóng, một thời tuổi trẻ lãng mạn đã xa, những tiểu thuyết mà ông đã thai nghén trong tù: "nhưng việc chính là để sửa soạn viết novels. Hơn 14 năm ở tù tôi đã sắp đặt trong đầu được hơn 10 bộ novels, nhưng tôi loại đi chỉ định viết chừng 6 cuốn thôi. Những novels này bày tỏ những ghi nhận của tôi về đủ thứ mong ước của đủ thứ người của thời đại mà tôi đang sống, trong một thế giới đang thu hẹp lại rất mau về không gian và thời gian, mà tình hình biến chuyển (lịch sử-quá khứ-tương lai) với tốc độ của ánh sáng. Thư gửi P.J.Honey", Cuốn "Kinh Nghiệm Ở Tù" mà ông định viết cho một nhà xuất bản ở New York khi ông viết thư cho tôi, những giấc mộng đó đã trở thành mây khói. Tôi chỉ còn giữ lại được bản phác thảo dàn dựng truyện phim Murder On Barbier Street mà trong lời mở đầu ông viết : "The murder on Barbier Street thus set the stage for an arena of terror in which both intelligent and stupid minds, noble as well as cruel ones are out to confront one another, all thrown into a cruel game of deception that goes on, night and day, up to this very moment. That arena is Vietnam where 70 years ago, twenty million Vietnamese lived in poverty and under exploitation, constantly repressed but also dreaming all the time of the day when they would have their full rights as citizens living in an independent nation. Unfortunately, they only had as precedent the example of their forefathers who never refused death and violence as the way to independence. Thus in their minds revolution is irrevocably tied to violence. It is no wonder that their choice, when their turn came, was also for violence- and more violence, even though their leaders may pursue different aims....By recreating this period (of the late 20's and early 30'), the proposed film has the ambition of showing the **anti-humanism** of all tenets, whether learned from outside or homegrown, which only see VIOLENCE AND TERRORISM as the possible solution to the dilemmas of present-day Vietnam- or any other country for that matter." Như Phong đã đổi ba lần say sưa nói với tôi về truyện phim này và hy vọng một ngày nào sẽ được Hollywood dựng thành phim, một phim về lịch sử đau thương của VN cũng như những phim về Holocaust của người Do Thái.

Tôi bây giờ ở tuổi 74, mỗi sáng thức dậy đã là một hạnh phúc, ngồi uống cà phê và đọc hết những trang báo chính của tờ Washington Post, những tin tức trên thế giới mới xảy ra mà tôi tưởng đã đi vào dĩ vãng vì buồn bã cảm thấy mình đã đứng ở ngoài những biến động, tựa như vừa xem một phim tài liệu. Tôi còn có cái thói quen đọc mục Cáo Phó để biết những nhân vật có ít nhiều tiếng tăm trong nhiều lãnh vực khác nhau, xem những thành quả họ thực hiện trong khi còn sống, để tán phục và ngậm ngùi về số phận con người. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một người như Như Phong ở tuổi 72, sau 14 năm tù tội trong ngục tù Cộng Sản, với một thân xác gầy yếu chỉ còn da bọc xương khi ra khỏi tù, vẫn còn hoạch định những chương trình to lớn, nếu khả thi cũng cần một thời gian rất dài. Tôi rất cảm phục cái tinh thần bất khuất và hy sinh cả cuộc đời cho lý tưởng của Như Phong và các bậc cha chú đã hy sinh bao thế hệ trước, mà theo tôi Như Phong như là một gạch nối cuối cùng với thế hệ chúng tôi, cái gạch nối cuối cùng ấy đã đứt. Thế hệ của chúng tôi cũng sắp tàn, chúng tôi đã sống như những người

refugee thế hệ đầu tiên, những thân cây cổ bám rễ khi bị bứng đến một vùng đất lạ, nhưng những người như Như Phong là ánh sáng để cho những hoa trái đầu mùa hướng về, như Như Phong đã từng mong ước, một quê hương tổ quốc tươi đẹp hơn.

Khi tôi rời nhà thương trở về nhà, có lẽ đã quá nửa đêm. Trời cuối tháng 12 đã bắt đầu trở lạnh, buổi tối đầu tháng âm lịch không có trăng sao, chỉ có những ngọn đèn đường nhạt nhòa không đủ sáng. Tôi nghĩ đến Như Phong nằm một mình trong căn phòng nhỏ, như cuộc đời ông cô đơn không bạn đồng hành chia sẻ ngọt bùi, tôi cũng không biết ông có người bạn tâm giao nào trên đường hoạt động. Ông không gia nhập đảng phái, cái gia đình mà ông nương tựa như chính gia đình ông, bây giờ cũng tan tác, lúc ông chết người con gái nuôi cũng ở một phương trời xa thẳm. Tôi thầm nhủ muốn làm một bài thơ tặng ông, nhưng tôi chỉ làm được hai câu cuối: *"cuối cùng mọi người cũng bỏ ra về/ mỗi người mang theo một trái tim còn nhịp đập"*.

-Nếu cho cậu một ước mơ thì cậu ước mơ gì?

-Tôi chỉ muốn được nằm xoải tay trên thảo nguyên nhìn lên trời xanh và nghe tiếng sáo diều đưa tôi vào giấc ngủ.

Và bây giờ, Như Phong Lê Văn Tiến đã ngủ giấc ngàn thu.

14 tháng 7 năm 2016.